

PHẬT LỊCH 2515
THỜI KHÓA TUNG CHIỀU
KỶ NIỆM MÙA KIẾT HẠ AN CƯ
NĂM KỶ HỘI
1959

BÀI KỆ CỦA THẮT PHẬT

Chư ác mạc tác (*Chư Phật dạy rành:*)
Chúng thiện phụng hành (*Rửa sạch lòng mình;*)
Tự tịnh kỳ ý (*Chừa những điều dữ,*)
Thị chư Phật giáo (*Làm các việc lành.*)

Thanh Tịnh Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư
Phước Hậu Tự Liên
Chân Quý Đốn Đề

Hậu thêm hành đàn vệt
Cúng kim ngôn
Hộ thánh chủng
Pháp truyền tài thí tọa Liên đài.

Phước lớn niệm A Di
Tu Bửu sám
Tụng Mông sơn
Dương thái âm siêu quy Tịnh Độ.

Lời Huấn Cách

Xin sao dịch lời này để trước thời mộ-khóa, cùng bạn tịnh nghiệp thấy tu.

ĐỨC TRIỆT NGỘ THIÊN SƯ HUẤN THỊ

1. Người mà thực vì thoát sanh tử, phát Bồ đề tâm, là con đường phổ thông học đạo.
2. Lấy lòng tín nguyện thực sâu, để niệm danh hiệu Phật, là chính tông tu pháp tịnh độ.
3. Thâu tâm chuyên chú niệm Phật là pháp phương tiện tu tịnh độ.

4. Cốt yếu phải bền chắc giữ bốn giới cấm trọng để làm căn bản nhập đạo.
5. Phải bỏ giejp phiền não hiện hành là việc cần yếu để tu tâm.
6. Dùng mỗi mỗi khổ hạnh chính đáng để làm trợ duyên tu đạo.
7. Phải niệm Phật cho được “nhứt tâm bất loạn” làm chỗ quy túc cho tịnh hạnh.
8. Lấy mỗi mỗi điềm lành, để làm chứng nghiệm được vãng sanh.

Đối với tám điều trên đây, thường thường phải giảng giải khuyến khích một cách thống thiết; vậy, phàm là người tu tịnh nghiệp, chẳng khá chẳng biết !!!?

PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH MÔNG GIẢI **PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ, LỜI MÔNG GIẢI**

(Đức Thích Ca Mâu Ni nói kinh này là: để chỉ rõ y báo chánh báo của Phật A Di Đà đều đủ có công đức thanh tịnh trang nghiêm, cốt khuyến chúng sanh tu pháp “Trì danh niệm Phật” được vãng sanh lên bực Bất thoái, vì có chư Phật ở sáu phương hộ niệm và chư Thượng thiên nhơn đê huê. Lời mông giải là: Lời của Ngài Quán Nguyệt Pháp Sư giải rõ chỗ khuất tối như sau đây):

Các học giả bên Tiểu thừa không tin nhận có các quốc độ thanh tịnh ở các phương hay thế giới khác; những tu sĩ bên phái Thiên tông, cũng có người chê phương pháp niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ. Đây đều là hạng học tu ngoài da của Phật pháp, vì đối với mùi vị “vi diệu pháp” thì, tỷ như họ chỉ mới thưởng thức chất vị cặn bã mà đã cho là thức ăn cam mỹ, chứ chẳng biết còn có món ăn rất ngon quý hơn. Đối với pháp vị “niệm Phật cầu sanh”, dẫu cho bực đã no đủ Thiên học đi nữa cũng chẳng dám có ý trái nghịch, huống là ai.

Chính các vị Đại Tông Sư như là: Vĩnh Minh, Sở Thạch v.v... những lời nói của các Ngài đều hợp với kinh Phật, đều đem pháp niệm Phật ra để dạy người tu học cầu nguyện vãng sanh tịnh độ. Bởi vì trong đại tạng kinh các bộ Đại thừa, đều có nói kèm lời khen ngợi pháp niệm Phật được sanh về nước Cực Lạc, vì cho là lối tu học này chóng tốt hơn.

Những Kinh chuyên nói rất rông về pháp tịnh độ thì, tức là: Kinh Đại bản, kinh Thập Lục Quán và các nghĩa của kinh tiểu bản này, thầy đều khắp gôm thâu hết ba căn cơ là trình độ những người tu học. Tỷ như biển lớn thâu nạp cả nước trăm sông. Chỉ như, tìm một pháp rất dễ hơn giữa các pháp dễ, chọn đường tắt hơn hết trong các đường tắt, thì chỉ có pháp trì danh niệm Phật và kinh tiểu bản này là rất dễ rất tắt nhứt hơn hết mà thôi. Vì số văn tự dù dón gọn, mà lời lẽ rất đầy đủ; nghĩa của nó bao trùm cả cái lượng rộng của kinh đại bản, kinh thập lục quán; lý của nó đủ suốt cái phẩm màu các bộ đại tạng. Đường như trong bầu vũ trụ nó bao hàm cả vạn tượng.

Nên từ đời Tấn, Tổ Huệ Viễn bắt đầu tổ thành hội Liên Hoa xã tại núi Khuôn Lư, tỉnh Chiết Giang, mãi đến nay trải qua đã hàng nghìn mấy trăm năm, mà những kẻ tu các kinh khác số được giải thoát cũng không bằng số người tu kinh này được giải thoát nhiều hơn, vì được vãng sanh mới chắc là giải thoát sanh tử.

Thế nên, với kinh Tiểu bản này, các đức Tổ Sư xưa đã chú giải, số sao rất đông, như Tổ Hải Đông làm Di Đà kinh số, Tổ U Khê làm Di Đà viên trung sao, Tổ Vân Thê làm Di Đà số sao, Tổ Linh Phong làm Di Đà yếu giải v.v.... đều vạch ra nghĩa lý rất rõ ràng, tỷ như ánh thái dương sáng rõ giữa trời, khắp soi cả mặt đất. Vạy phạm là kẻ trí thức, xin chính mình tự xét lấy.

Song, đối với các bản kinh đã số giải trên, kẻ sơ cơ xem đến chưa khỏi dọi ngược, vì khó hiểu được, bởi văn từ quá rông nhiều, ý nghĩa rất tinh vi. Tôi chẳng nệ nhọc nhằn, lập lại và làm nghĩa “mông giải” này, để làm cái cơ sở hầu tiến lên nơi nhà trên của Phật pháp, tưởng không phải là vô ích?

Sắp giải thích kinh tiểu bản này trước hết xin lập ra năm lớp nghĩa mầu, để thích rõ danh đề là tên kinh đây:

A/ Với kinh đây, riêng chỉ dùng tên người làm danh, danh là đề mục của kinh. Với đề mục của kinh này có hai bản: một, tên là “Phật thuyết A Di Đà kinh”, hai, danh là “Nhứt thế chư Phật sở hộ niệm kinh”. Ở đây chỉ lược giải về kinh đề của bản trước là: Phật thuyết A Di Đà Kinh:

Phật: Đức giáo chủ ở cõi Ta bà, là người đã chứng quả vị tột bực mà năng nói.

A Di Đà: Đức giáo chủ ở cõi Cực Lạc, là người đã chứng quả vị tột bực mà bị nói.

Rằng quả vị tốt bậc là: Với phiền não sanh tử đã dứt hết, với bồ đề niết bàn đã trọn nên, đầy đủ muôn đức tốt, khắp hiện ba tướng thân, ngôi tốt không chi trên, nên gọi là Phật.

Thế thì đức Di Đà, đức Thích Ca đã đồng là bậc Cực quả rồi, còn cần chi nữa lại phải dùng lời của Phật đây để khen tặng cho Phật kia bằng cách nói ra kinh này ư? Nguyên bởi thế giới Ta Bà đây là cõi đời uế ác thì, y báo là quốc độ, chánh báo là thân tâm, đều được thiết hiện ra như thế này là, nguyên do nơi lòng vọng tưởng làm việc mê hoặc nên đều cảm chịu như thế đó, nghĩa là phát khởi ra nhiều đến vô cùng những kiếp sanh tử ảo thuật như phim chớp bóng, trôi giạt trong ba cõi, chúng sanh này không được nương nhờ vào đâu, như lũ con cô quạnh! Mặc dầu có đức Phật Thích Ca ra đời, nhưng chỉ một thời kỳ rất ngắn để dạy độ những phần tử có căn cơ thích hợp mà thôi, còn những chúng sanh vô duyên với Phật không tin tưởng thì làm gì độ được.

Nếu nói về cõi Cực Lạc thanh tịnh, thì y báo là cõi nước, chánh báo là mình vóc, đều sạch trong, tốt đẹp, vì trái đất bằng vàng ròng, thân người bằng hóa sanh. Thân và cõi được trang nghiêm như thế là đều bởi toàn thể loài người bên thế giới ấy, tâm đủ cả công đức niệm Phật thanh tịnh, nên thật hiện ra cái thân thom đẹp bằng liên hoa hóa sanh, và tâm đủ cả chí nguyện kiên cố, nên hiện thiết ra cái cảnh giới chắc rờ bằng hoàng kim vi địa.

Với việc thuyết pháp để giáo dục, thì hiện có đức Di Đà thường giảng dạy luôn luôn; còn thuyết pháp bằng cảnh vật để nhắc nhở, thì vẫn có nước, chim, cây, rừng thường reo hát khuyến rao mãi mãi.

Chúng sanh là nhơn dân đều được nghe rồi, cả ba bậc căn tánh đồng đồng tăng phần phẩm đạo, rút ngắn cái đời tu học, để chóng đắc quả Phật. Thế nên với kinh này không những một đức Thích Ca cao giọng tán dương, mà hẳn còn được nhiều chư Phật ở sáu phương cũng đồng ca ngợi nữa. Như thế, đâu chẳng là nhắc thức chúng ta, cần phải tin tu theo bốn kinh đây là kinh có công đức rất trang nghiêm mà không thể ý nghĩa lời bàn, đã được chư Phật xưng dương tán thán. Vậy chúng ta, nên kíp phát tâm dũng mãnh tụng kinh niệm Phật đây để cầu nguyện vãng sanh về cõi tịnh độ của Phật A Di Đà.

A Di Đà tiếng Phạm: Amita, dịch chữ: Vô lượng quang, nghĩa: ánh sáng không lường. Trong văn kinh nói: Phật kia có hào

quang sáng rộng không lường, vì ánh chiếu đến cả mười phương thế giới, không chỉ làm chướng ngại được. Lại đôi chữ là: Vô lượng thọ, nghĩa: Sống lâu không lường. Trong văn Kinh nói: Đức A Di Đà cùng nhơn dân kia đều sống lâu đến vô lượng vô biên vô số kiếp. Vì “Quang” thì xứng với tánh giác khắp pháp giới; còn “Thọ” thì đúng với tánh vẫn không sanh diệt. Thật ra những trí huệ, thần thông, y báo, chánh báo, căn cơ, giáo khoa v.v... mỗi chi chi cũng đều xứng với con số vô lượng cả.

Thế thì, khi người ta niệm Phật: mỗi câu rành rõ, tương ứng với Phật, tức là nghĩa của chữ “Quang” đấy; mỗi câu không gián đoạn, được nhưt tâm bất loạn, tức là nghĩa của chữ “Thọ” đấy. Vì hiệu Phật với tâm niệm liền liền không dứt không loạn, nên tức là nghĩa trường thọ bất diệt; cũng như câu niệm Phật với lòng niệm rành rõ sáng suốt, nên tức là nghĩa quang minh vô tận.

Quang tức là trí như như; Thọ tức là lý như như; Trí chiếu nơi Lý, lý rõ trí sáng, lý trí vẫn một, quang thọ chẳng hai, thế, với lẽ tự tánh Di đà, duy tâm tịnh độ, mỗi niệm của tu đều chiếu thấu suốt cả. Đó niệm Phật mà đúng như thế, thì Quang và Thọ há phi rõ bày nơi tự tâm ư?

Song, còn có nghĩa Lục tức vì chia ra vị trí chẳng đồng nhau, bởi cái tâm hiện bây giờ của chúng sanh.

1/ Với Quang Thọ mặc dù sẵn đủ, nhưng mê lũng đi mà chẳng tự khai giác ra được, thì chỉ gọi bằng “xứng lý tức Quang Thọ”,

2/ Nhờ nghe nên hiểu biết tịnh độ và hiệu Phật, là “danh tự tức Quang Thọ”.

3/ Đã nghe tin rõ, giữ niệm luôn danh hiệu Phật, là “quán hành tức Quang Thọ”

4/ Cái thô cấu của phiền não đã phải giữ rụng trước là “trưng tự tức Quang Thọ”.

5/ Với vô minh phá được từ phần, để rõ bày tự tánh Phật là “phân chứng tức Quang Thọ”

6/ Với vô minh phá trừ đã hết, với lý trí chứng đã tột tròn, đó mới chính thật đáng gọi là “cứu cánh tức Quang Thọ”

Thế biết rằng: Đức Phật A Di Đà là bực người cứu cánh, thì “Quang” và “Thọ” đều rộng khắp ra giúp họ đến vô cùng tận. Vậy nếu là người muốn cầu giải thoát mà lại rời đây ra, thì đâu có dễ gì thật đặng giải thoát.

B/ Kinh này dùng thật tướng làm thể. Thể là cái lý. Kinh mà không có lý, thì đâu có thể khế hợp với Phật pháp và căn cơ con người, thành ra đồng với sách tiểu thuyết của thế tục. Thật tướng là cái tâm hiện tiền của chúng ta; nó là cái bản thể vô hình vô tướng, phi diệt phi sanh, mà lại hay rỗng rang sáng tỏ như gương chiếu rõ vật tượng không sót một tí hào.

Song, cái có sanh có diệt đó, là những cái bóng luống dối của vọng tưởng trong tâm; cái tâm thật tướng kia, tuy trọn ngày ở nơi vọng, mà trọn ngày nó vẫn là chơn; từ nghe thính thấy sắc, đến cả hành động cử chỉ gì, nó đều rõ suốt rành rẽ tất cả, khôn sáng riêng tỏ, rảnh hảnh ngoài căn, trần; nếu xảy một niệm vừa phân biệt, thì tâm đã bị rượt theo trần cảnh mà, rồi đến sanh tử vô cùng!

Thể nên đức Như Lai đã chứng rõ cái thật tướng rồi, lại vẫn y nơi tâm từ bi thật tướng đó, để phát minh ra bốn kinh này, mỗi câu toàn là thật tướng. Lời nào lời nấy đều rõ lý thể, để khiến cho những người niệm Phật tự rõ nhận lấy mỗi niệm mỗi niệm đâu chẳng là chứng cái thật tướng của duy tâm tự tánh đầy mà thôi. Hết hai trùng.

C/ Kinh này lấy lòng tin, lời nguyện giữ niệm danh Phật làm tông. Tông: tông yếu cũng như nòng cốt. Trong văn kinh nói: cần phải tin xưng tụng tán thán kinh đây, và khuyên nên tin. Lại rằng: Cần phải phát nguyện... khuyên nguyện... lại nói: giữ niệm danh hiệu... khuyên hành, là bảo phải thật hành niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh.

Sách yếu giải nói: Phi tin, chẳng đủ đầy nguyện, phi nguyện chẳng đủ dẫn hành, phi thật hành giữ danh đề niệm, thì chẳng đủ để đầy chỗ nguyện, chứng chỗ tin. Ba cái tin, hành và nguyện đó, là món tư lương hay cơm ăn đi đường, để cầu sanh sang về tịnh độ, tỷ như cái đánh có ba chơn, thiếu một thì không đứng vững được.

Tín: Tin, là tin sáu điều này: Tự tha, nhơn quả, sự lý; đủ sáu cái nguyên nhân đó chung lại giúp lẫn nhau mới thành lập được tịnh độ. Nguyện là: nguyện xả bỏ cõi ta bà, mà hâm mộ về cõi Cực Lạc. Hành là: thật hành bằng cách giữ gìn danh hiệu A Di Đà Phật để niệm luôn luôn mãi đến chừng nào được nhứt tâm bất loạn. Nghĩa: cái tâm chỉ thành một khối niệm Phật, chớ không còn niệm gì nữa xâm loạn.

Tự: Minh, rằng tin tự là biết cái bản thể tự tâm của mình nó dọc cùng ba giới, ngang khắp mười phương, nguyên sẵn thanh tịnh; nay nó bị cái vọng niệm vô minh làm lừa dối, nên chi chẳng thể rõ suốt lại được cái bản thể kia. Bây giờ đây, nếu ta có thể mỗi niệm tức là Di Đà thì chắc hẳn hiển nhiên tự tánh duy tâm tức là Phật độ (tịnh độ)

Tha: kẻ khác, rằng tin tha, là biết đức Thích Tôn nói kinh này chẳng dối gạt. Chư Phật sở dĩ có cái tướng lưỡi rộng dài hơn chúng nhơn là tượng trưng cái kết quả đã nhiều đời không nói dối; còn đức Di Đà lại có cái cõi thanh tịnh hơn các thế giới khác là để biểu dương cái tâm nguyện rộng lớn đã chơn thật làm nên; nay đây chỉ có điều là chúng sanh cần phải nương nơi đức tin đầy lòng nguyện là quyết định được vãng sanh đầy thôi.

Nhơn: Nhơn do, nguyên nhơn; tin nhơn có hai cách “Định tâm niệm Phật” và “Tán tâm niệm Phật” đều thành giống Phật (hột giống Phật)

Quả: Kết quả; tin quả có hai điều lành là Định thiện, Tán thiện, kiêm cả nguyện trọn đủ, thì chắc được đi ngay đến liên đài (*chín phẩm đài sen*).

Sự: Việc, sự tướng, thật sự; tin sự là tin ngoài mười muôn ức cõi Phật, ắt có nước Cực Lạc mà ta có thể tìmặng, vì bởi sự là do nơi lý hiện thành, chứ không phải như cái cảnh giới ngụ ngôn của ông Trang Sinh kia đâu; vì sự thật chẳng đồng với sự bịa đặt.

Lý: lẽ, lý tánh, chơn lý; tin lý, là tin rất đối cái cùng tột hư không khắp thế giới kia cũng là duy nơi tự tâm biến hiện thay, phương chi với cái đường xa chỉ có mười vạn ức Phật thổ u? Vì bởi lý nó do nơi sự để rõ bày.

Kinh Tịnh Danh chép: Tâm sạch thì cõi nước sạch, tâm dơ thì quốc thổ dơ, ở vào tịnh độ thì chúng sanh ấy được hưởng phước vui vô sanh, ở uest độ thì chịu tội khổ sanh tử. Thế nên chúng ta cần phải tha thiết phát nguyện: nguyện hy sanh xả hết những cái gì mà cõi uest độ hiện có, để tiến thủ các sự chơn thường chơn lạc cõi tịnh độ Phật đã để dành cho. Phát khởi cái công hạnh tốt để chấp trì danh hiệu, đức tin, lòng nguyện đều trọn vẹn, niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm tức niệm Phật, tâm Phật vẫn một, thủ xả đều không, cho đến thành quả Phật thanh tịnh đi nữa, há phi do ba tư lương tín, hành, nguyện đó là trước nhưt sao. Hết ba trùng.

D/ Kinh này dùng đặc vãng sanh, bất thoái chuyển làm dụng. Dụng; lực dụng. Trước dùng cái sức lực của ba tư lương, hẳn có phần thật chứng của chín phẩm, vì đã được vãng sanh, đều là bậc A Bệ Bạt Trí (dịch: bất thoái chuyển) nghĩa là: đối với “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” là quả vị Phật, người đã vãng sanh thường ngày thường tu tiến tới quả vị ấy là cứu cánh, chứ chẳng hề ngã lòng thối chí như người tu ở thế giới ta bà này, nên gọi là Bất thoái chuyển.

Song, các bốn kinh kia đều nói có bốn quốc độ, và đều bàn có chín phẩm vãng sanh, với Bất thoái chuyển cũng có bốn hạng. Còn kinh tiểu bốn này đây thì: với bốn độ, độ nào cũng đều thanh tịnh, với chín phẩm cũng tùy nguyện lực thế nào sẽ được vãng sanh thế này, mà hễ đã sanh về rồi là được hạng Bất thối. Như thế, khá gọi là: vượt khỏi tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, tiến ngay đến địa vị vô sanh. Chí như cái lẽ rằng: “đi ra khỏi sanh tử bằng cách đi dọc lên” của các Kinh đã phát minh, thì chẳng thể sánh bì với Kinh Tiểu bốn này được.

Xin xem biểu đồ bốn độ chín phẩm ở phía sau:

THẾ GIỚI CỰC LẠC CÓ BỐN ĐỘ, MỖI ĐỘ ĐỀU CÓ CHÍN PHẨM, CHÚNG BÀN CÓ BA BỰC BẤT THOÁI.

Niệm Phật

Ma chưa dứt kiến-hoặc, tư-hoặc, tùy theo tâm-niệm hay định-niệm thì mang nghiệp hay chẳng mang nghiệp đều được

Đã đến «*sur* nhưt tâm», kiến tư hai hoặc đều đã dứt sạch hết rồi, thì được vãng

Đã đến «*ly* nhưt tâm», xé vạt được một phần phẩm vô-minh, đến hết cả bốn mươi mới phẩm đầu dứt sạch

Tu đã tiến đến cái thời-lý phá trừ đã sạch hết vô-minh-hoặc rồi, chứng lên quả-vi Diệu-giác thì được

Sanh về ở cõi

Đồng-cư
Phương-tiên

Thật-báo

Đều có ba bởi chín phẩm

Vì **Bất thời**

Hành **bất thời**

Niệm **bất thời**

Niệm Phật **một câu rồi cũng bất thời**

Hạng mang nghiệp và hạng chẳng mang nghiệp theo cũng đều sanh về cõi Đồng-cư, nưong tên-hoa háa-sanh [a] hần các điều thời lưu, nên gọi là «*quả vi bất thời*» là vì cảnh-giới thanh-tịnh.

Đã dứt hết kiến-hoặc, tư-hoặc và đoạn-trừ luân-trần-sa hoặc, sanh cõi phương-tiên, vì tư-chắc các hạnh.

Chứng bực Sơ-trụ của Viên-giáo và Sơ-địa của Biệt-giáo, đều sanh về ở cõi Thật-báo trang-nghiêm, lại nói rằng: Hai bực này đương chứng lên từ phần từ phần về cõi Thường-tịch-quang.

Đối với việc tu niệm Phật: Bất-luận là Định-tâm hay Tấn-tâm, hữu tâm hay vô tâm, hoặc rõ hay chẳng rõ, mà cốt là chỉ nghe được danh của Phật, hoặc nghe trọn bốn kinh hay chỉ kinh đề này, thì về sau dù trải nhiều kiếp như vi-trần mà với giống của những người ấy không hề dứt mất, rốt rồi, nhưn đó cũng đều đắc Phật độ, như ông tiều bị cọp leo cây, hoảng niệm ba tiếng «*Nam-mô Phật*», nhưng đương lúc bấy giờ thì chưa vãng-sanh ngay được, vì với ba tư-hương là tín, hành và nguyện chưa được đủ.

Cũng gọi Danh-vị là bốn bực Bất-thời-chuyên

HÀNH TƯỚNG VĨNG SANH CỦA CỬU PHẨM LIÊN HOA

Dón rút những văn của Kinh Thập Lục Quán.

1. Thượng phẩm thượng sanh

Trọn đây lên ba tâm là: chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm, và phát cái nguyện đại thừa, để tu pháp niệm Phật, khi lâm chung được thấy Phật, Thánh nhiều đến vô lượng; tự thân người được nương ngồi trên cái đài hoa sen bằng ngọc Kim Cang chỉ trong rất ngắn là “một đờn chỉ” vãng sanh về Cực Lạc kia, tức thời được nghe pháp của Phật thừa tâm liền mở mang được Phật huệ, chứng ngay quả vô sanh nhẫn; chỉ trong một giây phút có thể vãng hầu đủ cả thập phương chư Phật theo thứ tự liền được chư Phật thụ ký cho, cũng chỉ trong giờ phút đó, liền về nước Cực Lạc, liền sáng suốt đặng các pháp môn tông tri (đà la ni) nhiều đến vô lượng.

2. Thượng phẩm trung sanh

Những người nghe pháp Đại thừa mà tâm không kinh sợ, tin sâu lý nhơn quả, niệm Phật và làm phúc thiện chi, cũng đều hồi hướng về nước Cực Lạc; người ấy khi lâm chung được thấy một nghìn đức Hóa Thân Phật của A Di Đà đồng thời nắm tay trao đất, các thánh chúng cũng đông nhiều để đón tiếp. Tự thân của người lên ngồi trên cái đài hoa sen bằng vàng tía, chùng trong một niệm, đã đến ao sen, cách qua một đêm, hoa sen mới nở thân hóa sanh của người bằng màu vàng tía. Nhờ ánh vàng của Phật và thánh chúng, người được mở sáng mắt huệ, nhớ rõ lại những việc lành đã làm từ kiếp trước đều đúng với đệ nhất nghĩa. Người xuống đài sen để lạy Phật. Từ bữa hoa nở về sau bảy ngày, người mới đắc quả tam miệu tam bồ đề, mãi đến tiểu kiếp, mới đặng pháp vô sanh nhẫn.

3. Thượng phẩm hạ sanh

Hạng người này cũng tin lý nhơn quả của pháp đại thừa chỉ mới phát cái đạo tâm vô thượng chứ chưa thật hành được mấy, có hồi hướng về lạc quốc; khi lâm chung người được thấy năm trăm đức Hóa Phật đồng thời trao tay. Tự thân của người lên hoa sen, hoa liền xếp lại, theo Phật đến ao sen, qua một ngày đêm hoa mới nở, sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật nhưng chưa thấy rõ tướng tốt, sau ba tuần thất mới thấy rõ đủ. Được thân cận cúng hầu chư

Phật nghe pháp thậm thâm, trải qua ba tiểu kiếp mới tỏ đặng bách pháp minh môn, mới tiến lên trụ nơi Hoan hỷ địa.

4. **Trung phẩm thượng sanh**

Hạng người này chăm ăn chay, giữ giới niệm Phật hồi hướng về nước Cực Lạc; khi lâm chung thấy Phật thánh chúng hào quang vàng và được nghe các pháp: Khổ, không, vô thường, vô ngã. Tự thân lên hoa sen lạy Phật, trong lúc vừa ngóc đầu là liền được sanh sang nước Cực Lạc, khi hoa nở cũng như đở ra liền được nghe pháp tứ đế, liền chứng quả thứ tư là A La Hán trọn đủ các pháp: tam minh bát giải...

5. **Trung phẩm trung sanh**

Hạng người này ngoài pháp tu niệm Phật với, hạn trong một ngày đêm: hoặc giữ bát quan trai giới hoặc giữ Sa di giới, hoặc giữ cụ túc giới: với các giới ấy tùy giữ được một nào cho tinh nghiêm hạn trong một ngày đêm, đem công đức đó hồi hướng về nước Cực Lạc. Khi lâm chung được thấy Phật, thánh, ánh vàng, tự thân ngồi trên đài hoa sen bằng bảy chất báu, hoa liền xếp lại tức thì đến ao báu, sau bảy ngày hoa nở người lạy và tán thán Phật, nghe pháp đắc Sơ quả trải qua nửa kiếp mới đắc La Hán quả.

6. **Trung phẩm hạ sanh**

Hạng này, thường hành cái hiếu đạo, lòng rất nhơn từ; khi sắp lâm chung, được gặp bạn thiện tri thức nhiều lời tán dương nước Cực Lạc và nguyện rộng lớn của đức Phật A Di Đà. Người nghe vừa rồi là mạng vừa chung, trong lúc như co duỗi cánh tay, liền sanh về nước Cực Lạc. Qua bảy ngày, được nghe đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí nói pháp, liền đắc Sơ quả. Qua một tiểu kiếp mới đắc quả A La hán.

7. **Hạ phẩm thượng sanh**

Những người dù không hủy báng Phật, cô gây nhiều thứ nghiệp; khi lâm chung, gặp Thiện tri thức dạy, nghe nói tên Kinh Đại Thừa, liền diệt được tội trọng từ ngàn kiếp; lại dạy chấp tay niệm Phật, liền trừ được tội sanh tử từ năm chục ức kiếp. Được thấy các đức Hóa Phật, Hóa thánh chúng đều phóng hào quang chiếu sáng đầy thất xá, người mạng chung, nương đài sen bảo hoa, theo sau Phật đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở, thấy hào quang của hai thánh là Quán Âm, Thế Chí và nghe hai Ngài nói Kinh sách đại thừa, phát khởi ngay cái tâm vô thượng

đạo. Trải qua mười tiểu kiếp, học đủ bách pháp minh môn rồi, mới đắc chứng lên bực Sơ địa.

8. Hạ phẩm trung sanh

Hạng này đã phá trai phạm giới, trộm cắp của Tăng kỳ, tức tứ phương hay thập phương Tăng vật là những tài vật của các Chùa như: Ruộng vườn, nhà cửa, gạo thóc, mà các vị Bí Khu, Bí Khu Ni ở nơi các phương khác đều có phần hưởng dụng, kêu bằng tứ phương tăng vật, hay hiện tiền tăng vật. Ba nghiệp bất tịnh mà thăng tọa thuyết pháp. Người ấy đến lúc sắp mạng chung, những hình tướng độc ác của địa ngục đồng thời hiện cho người ấy thấy; may gặp vị Thiện tri thức, vì nói công đức của A Di Đà Phật và các điều giới, định, tuệ; nghe rồi dứt được tội sanh tử tám mươi ức kiếp, cái ác tướng ngục hỏa kia liền hóa làm gió thanh lương, thổi đưa đến các thứ hoa rất tốt đẹp, trên hoa đều có các đức Hóa Phật, Bồ Tát đến đón rước người, chỉ trong một niệm, liền sanh về nơi ao báu, ghé trong hoa sen mãi đến sáu kiếp nở ra, nghe hai đức Đại Thánh nói Kinh Đại thừa, liền dấy tâm vô thượng.

9. Hạ phẩm hạ sanh

Hạng này dù đã lỡ làm gây đủ các tội quá nặng như ngũ nghịch, thập ác, đến lúc sắp thở hơi cuối cùng, mắt người thấy cảnh rất khổ của A Tỳ địa ngục hiện ra, bấy giờ may gặp bạn tri thức khuyên bảo niệm Phật; nhưng người vì quá ư khốn khổ ngặt lắm, chưa thể yên rảnh tâm để niệm Phật! Bạn lại răn nhắc nữa, người mới dốc lòng khứng niệm, lại càng niệm một cách thành thiết lắm, vì tự biết sắp chết, nên không còn xen tưởng niệm chi hơn bằng niệm Phật rất tinh chuyên; như thế niệm được mười niệm, dứt ngay các tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp. Người tự thấy hoa sen vàng như mặt nhật hiện trước mắt, tự thân người nương ngồi trên hoa, chẳng bao lâu chùng trong một niệm đã sanh về Cực Lạc, trải lâu qua mười hai đại kiếp, hoa ấy mới nở; được nghe hai đức Quan Âm, Thế Chí nói đủ cái thật tướng của các pháp, người liền phát tâm bồ đề.

Đà La Ni: Dịch chữ Tổng trì: gom giữ, là: gom tất cả pháp, giữ hết thấy nghĩa. Lại dịch: Cha trì: ngăn giữ, là: ngăn cấm mọi điều ác, giữ gìn các việc lành.

Vô sanh nhẫn: nhịn không sanh. Vô sanh tức là chơn tánh nó vốn không sanh diệt gì cả, do vì mới phá trừ được cái vô minh hoặc, hẳn thấy đặng cái tánh của các pháp, hiểu rõ luôn cái thể các

pháp, mà ẩn nhẫn ở tự tâm, chứ chẳng thể nói hay hình dung ra được. Tỷ như người uống nước, nóng hay nguội là chỉ tự mình biết lấy, chứ không thể nói hay hình dung cái nóng nguội đó ra bằng cái tướng gì được. Bởi với tánh thể ấy, tuyệt hẳn lẽ nói năng, vì lời nói phô thuộc về danh tướng rồi. Vô sanh nhẫn đây vị trí nó ở về bực Sơ trụ của Viên giáo, và bực Sơ địa bên Biệt giáo

Chỉ mới phát cái đạo tâm Vô thượng: Nếu ở trong ngôi “Danh tự tức Phật” mà phát cái tâm ấy thì cái “vô thượng đạo tâm” đó nó thuộc về ba phẩm Hạ; ở trong ngôi “Quán hành tức Phật” phát cái tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Trung; ở trong ngôi “trưng tợ tức Phật” phát tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Thượng.

Sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật mà chưa rõ:

Nhơn vì bực “Thượng phẩm hạ sanh” đây, vị trí nó đương ở nơi Tập chủng tánh (Tập là tập học tu hành, hơn nghe được các giáo pháp, rồi tập tu các việc lành mà thành cái chủng tánh này. Chủng là chủng tử: hột giống nó có cái nghĩa sanh; Tánh là tánh phận, nó có cái nghĩa chẳng đổi), ở tu học lớp “tập chủng tánh” đây, mặc dầu đã trừ phá được cái kiến hoặc, tư hoặc rồi, mà chưa trừ dứt cái trần sa hoặc; nên chỉ với chỗ thấy các tướng tốt của Phật, tâm chẳng hiểu rành cho tường tất được (đó là trong bảy ngày đầu sau khi hoa khai kiến Phật). Mãi đến ba lần bảy ngày, tiên lên lớp Tánh chủng tánh (Tánh là bản tánh: từ vô thi lại, tánh nó vốn sẵn thể là thể cả sáu căn hay lục nhập, lục xứ vẫn tự nhiên thù thắng, mà chưa gieo cái phần giải thoát). Ở tu học nơi lớp đây, để dứt cái hoặc trần sa, chùng đó, với tám vạn tướng tốt của Phật, đều thấy được mỗi mỗi phân minh.

Khổ không vô thường vô ngã:

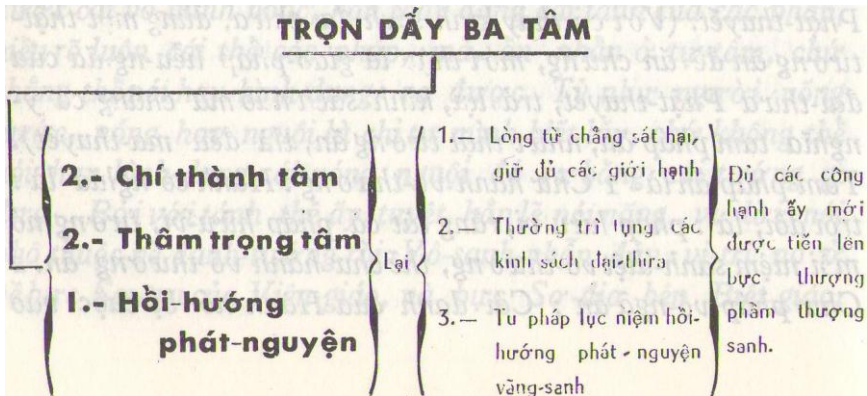
Là pháp của tiểu thừa, Sơ quả, tứ quả là địa vị của Tiểu thừa. Tất cả Kinh pháp của tiểu thừa, dùng ba pháp ấn để ẩn chứng rằng thật là Phật thuyết (với cả thầy kinh sách đại thừa, dùng một thật tướng ẩn để ẩn chứng, mới thật là giáo pháp liễu nghĩa của đại thừa Phật thuyết, trái lại, Kinh sách nào mà chẳng có ý nghĩa tam pháp ấn, như thật tướng ẩn, thì đều ma thuyết). Tam pháp ấn là: 1/ chư hành vô thường: Hành có nghĩa là: Trau dồi, là: pháp hữu vi, rằng tất cả pháp hữu vi, tướng nó mỗi niệm sanh diệt vô thường, thể chư hành vô thường ẩn. 2/ chư Pháp vô ngã ẩn; cái danh của Hành nó bị cuộc vào pháp hữu vi, cái danh của pháp nó thông đồng với pháp vô vi, rằng trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi

đều chẳng có cái thật thể của “Ngã”, thể là chư pháp vô ngã ấn. 3/ Niết bàn tịch tịnh ấn: Rằng cái pháp Niết bàn nó diệt trừ hết những thống khổ của tất cả sanh tử, mà thay vì làm ra thành cảnh giới vô vi tịch tịnh, thể là Niết bàn tịch tịnh ấn.

Hỏi: Bên nước Cực Lạc chẳng có các Thanh văn, sao ở đây lại nói có đó?

Đáp: Đối với lối tu pháp đại thừa, những người ấy thời chí đã lâu, còn với pháp tiểu thừa, có công tập học đã thâm lắm, lúc người sắp mạng chung, dù phát tâm đại bồ đề để vãng sanh, nhưng với cái tánh quen tập tu tiểu thừa kia đã thâm lâu đó nên khó dứt liền được, thành thử Phật ngài nói có Sơ quả, tứ quả như vậy là tùy thuận nơi cái tập tánh của người Thanh văn kia, ngộ để họ liền hướng về Đại thừa cho sớm đầy thôi. Sơ quả, Tứ quả đây chẳng phải những ngôi sơ quả tứ quả của Tạng giáo, Thông giáo, mà chính là ngang hàng với sơ quả, tứ quả của Biệt giáo, Viên giáo, vì đã đoạn trừ rồi kiến hoặc, tư hoặc.

Tứ đế: khô, tập, diệt, đạo là bốn pháp của La Hán học tu, với cái biểu đồ pháp tứ đế, đã có chỉ rõ ở khoản tâm kinh của thời kinh mai rồi. **Tam minh, bát giải, bát giới** sẽ có những biểu đồ ở sau kia, **hai đức Thánh:** tức hai đức Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. **Ngũ nghịch thập ác:** sẽ thấy những biểu đồ chỉ rõ ở trong văn Đại sám hồi là Hồng danh bửu sám.



BÁCH PHÁP MINH MÔN

Sắc Pháp mười một món { Năm căn là nội sắc, sáu trần là những ngoại sắc.

Tâm Pháp tám món { Bát thức tâm vương : nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mặc na, A-Lái da.

Tâm sở Pháp năm mươi một món { Nó thường cùng tương ứng nhau bát thức tâm vương.

Bất tương ứng Pháp hai mươi bốn món { Đều chẳng tương ứng với ba Pháp là : Tâm vương, tâm sở và sắc. Pháp, mà chỉ theo ba Pháp ấy đề chia ngôi mụơn lập.

Vô - vi Pháp sáu món { Chỗ mà thanh - tịnh thức của thánh nhơn nó đối cảnh Pháp trần, vì là đã không còn sanh - diệt nữa.

Đối với sự lý, thánh phàm giữa thế-gian và xuất thế-gian, nếu ta đã hiểu một trăm pháp trên đó rồi thì chi chi đều rõ tất cả không còn gì chướng ngại. Tức là ngôi Sơ-địa của biệt-giáo, Sơ-trụ của Viên-giáo. — Xin xem Bách pháp minh môn luận, sách pháp số cũng chỉ rõ, và cuốn Duy-thức triết-học đương thác giá giữa triết-học hiện thời có biết rõ.

BỐN QUẢ THÁNH

- 1) Tu-Đà-Hoàn dịch là : **Dục-lưu, Nhập-lưu, Nghịch-lưu**
- 2) Tu-Đà-Hàm dịch là : **Nhứt-lai**
- 3) A-Na-Hàm dịch là : **Bất-lai**
- 4) A-La-Hán dịch là : **Sắc-tặc, Vô-sanh, Ứng-cúng**

Dứt rồi kiến-hoặc là : tám mươi tám sở phiền-não, dục dòng chơn-tánh của thánh nhơn, nghĩa là nghịch dòng sanh-tử của chúng-sanh, thuận lên bờ Niết-bàn của thánh nhơn.

Với giữa chín phạm tư-hoặc của Dục-giới, thánh này đã dứt hết sáu phạm trước, còn lại ba phạm tư-hoặc sau, nên còn Phải sanh lại dục-giới một lần sanh-tử nữa, vì đề tu dứt cho hết ba Phạm ấy mới đắc La-Hán.

Đã dứt hết rồi chín Phạm tư-hoặc của dục-giới, nên không thụ sanh-tử ở dục-giới nữa; nhưng còn ở tám chỗ của sắc-giới, vô sắc-giới cộng có bảy mươi hai tư-hoặc. Phải ở đó tu dứt, là tu cái định của tam quả thánh nhơn đề đoạn học.

Đã giết những giặc Phiền-não của kiến-hoặc tư-hoặc, hẳn không bị chịu những khổ sanh, tử của tam-giới nữa, đáng kham nhậm thụ dụng của người và trời cúng dâng.

BÁT THẬP BÁT SỬ

Dục-giới

Khô-đế... mười hoặc : một thân kiến, hai biên kiến, ba tà-kiến, bốn thủ-kiến, năm giới cấm kiến, sáu tham, bảy sân, tám si, chín mạn, mười nghi.

Tập-đế... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn sân, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

Diệt-đế... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn sân, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

Đạo-đế... tám hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba giới cấm thủ, bốn tham, năm sân, sáu si, bảy mạn, tám nghi.

Sắc-giới

Khô... chín hoặc ; một thân-kiến, hai biên kiến, ba tà-kiến, bốn kiến thủ-kiến, năm giới cấm thủ, sáu tham, bảy si, tám mạn, chín nghi.

Vô sắc-giới

Tập... sáu hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn si, năm mạn, sáu nghi.

Diệt... sáu hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn si, năm mạn sáu nghi.

Đạo... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba giới cấm thủ, bốn tham, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

Sắc giới và vô sắc giới đều có hai mươi tám sử, vì với bốn Đế đều chứa cái sân sử; bởi hai giới trên là Định địa, không như Dục giới là Tán địa, nên hai giới trên, chúng-sinh đều chẳng có cái phiền não thô động là sân sử.- Với trên cả ba giới, chung kể cả bốn Đế có những cái Hoặc cộng là tám mươi tám sử, với giữa ngôi “kiến đạo” mười lăm tâm kể tu đương dứt những cái Hoặc ấy, nên nói kiến hoặc của bài thập bát sử.

Nhơn tu bát Bối-xả **Bát Bối-xả** Quả chứng bát Giải - thoát
(tám điều trái bỏ)

- 1 - Trong có sắc-tướng ngoài quán sắc
- 2 - Trong không sắc-tướng ngoài quán sắc
- 3 - Sạch trái bỏ thân làm chứng
- 4 - Hur-không xứ
- 5 - Thực Vô-biên xứ
- 6 - Vô sở - hữu xứ
- 7 - Phi hữu tướng phi vô tướng
- 8 - Diệt thụ - tướng

Trước quan-sát tư thân là bất-tịnh : da thịt rơi-rớt, chỉ thấy xương trắng có tám chất làm-tịnh. Lại, ở Dục-giới kho dứt lòng tham-dục ; lại dùng pháp quán-xét bất-tịnh, để nghiên-cứu các sắc-tướng của thân khác.

Là vào định nhị-thiền, đã dứt được rồi cái Sắc-tướng nơi nội thân của mình. Lại vì với cái lòng tham-dục của Dục-giới kho dứt, nên còn phải quán-xét cái tướng bất-tịnh của thân ngoài-sắc để dứt.

Đã bỏ được rồi cái thân bất-tịnh ngoài-sắc, coi ở trong Định để luyện-tập 8 màu tia sáng, sạch như màu ngọc bàu, trong tâm này niệm vi-thích dần dần thêm lớn, thư-thối khắp sướng cả thân-thể.

Bực này đã dứt hết lòng tướng tất cả sắc-đẹp, tâm mong hợp với Hur-không.

Bỏ chỗ Hur-không, một tâm nương nơi thực, cùng hợp nhau với thực.

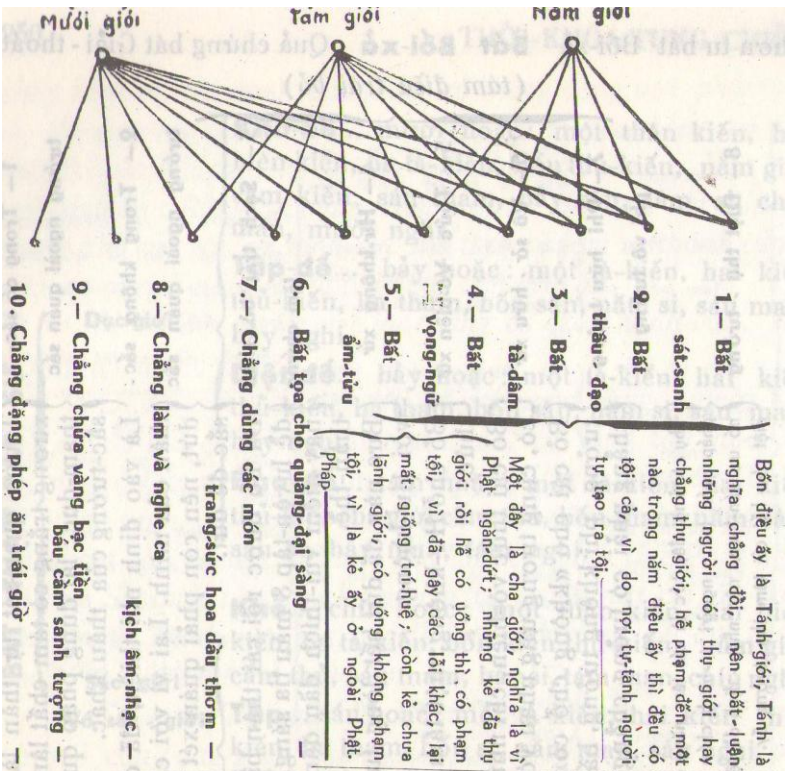
Bỏ cái thực vô-biên, chỉ nhứt tâm duyên vào nơi cái không chỗ có, cùng tương-ưng nhau với cái chỗ mà không chỗ có.

Bỏ cái chỗ «không chỗ có», đem nhứt tâm duyên nơi phi có tướng, phi không tướng, bấy giờ tâm nó tương - ưng nhau với chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng.

Thụ - tướng đây tức là cái tâm năng duyên của bảy pháp quán trên : người tu hành chán lo cái tâm ấy nó ưa tán-loạn, nên nhập - định để yên - nghỉ, đặng diệt cho hết cái tâm thụ tướng ấy.

Địa - dã siêu
Tam - giới

Trong thời - gian tu pháp quán Bối-xả đây, tâm nó phát - minh ra trí-hệ vô-lậu, để dứt hết những kiến-hoặc, tư-hoặc trong ba giới, lúc mà chứng quả A-la-hán, thì cái danh : Bát Bối-xả chuyển đời làm Bát Giải - thoát.



Bốn điều ấy là **Tánh-giới**, **Tánh** là nghĩa chẳng đời, nên **bất-liên** nhưng người có **thụ-giới** hay chẳng **thụ-giới**, hễ phạm đến một nao trong năm điều ấy thì **đâu** có tội cả, vì do nơi tự-tánh người tự tạo ra tội.

Một đây là **che-giới**, nghĩa là vì Phật ngàn-dứt; nhưng kẻ đã **thụ-giới** rồi hễ có uống thì có phạm tội, vì đã gây các lỗi khác, lại **mắt-giống** trí-huệ; còn kẻ chưa lãnh **giới**, có uống không phạm tội, vì là kẻ ấy ở ngoài **Phật-Pháp**.

Bốn điều : **sát, đạo, dam, vọng** gọi là **giới căn-bản**, hễ phạm đến thì tội rất nặng ! Nếu y theo pháp **Tiền-thừa** thì không thể sám-hối được, còn y nơi pháp **Đại-thừa** thì cho sám - hối bằng pháp «**Vô-sanh** sám mới có thể dứt tội đặng. Nhưng nó hay giúp gọi phạm đến bốn giới căn-bản, nên đồng gọi là **căn-bản**, cả các giới : **Tạ-giá, xuất-giá, đại-thừa, tiền-thừa**, đều lấy năm giới đây làm căn-bản.

Tam giới này cũng gọi là «**Bất - quan-trai giới?**», quan : **ngăn**, là cấm dứt **vĩnh-viễn** chẳng phạm đến, **giới** đây **hồ** hay **ngăn** đóng cửa, vào các đường ác; **trai** : dùng nghĩa rằng qua những ngày chẳng được phép ăn lam thê của chay, dùng tám điều kia để giúp nên phép chay nên gọi là «**Bất-quan - trai giới?**». Lấy một ngày một đêm làm **lỳ-hạn** giữ **giới** này, thường **thụ-lại** càng tốt. — Năm giới tám giới thông đồng, vì **cư-sĩ** người tục đồng được thụ.

Mười giới là **cư-sơ** của người xuất-gia trì giới, tức là tên **Sa-di giới**. Sa - di, dịch là **cần-túc**: Cần tu các việc thiện, tức diệt những điều ác, cả ba phạm.

Khu ô	7 đến 13 tuổi
Sa- di :	14 đến 19 tuổi
Danh tự	20 tuổi nhãn lên

Chỉ mới có thể **xua - đuôi** chim quạ nơi ấy **trườn**, vì với những chỗ mà các vị đại tăng sai khiến chỉ bảo v.v...

Sếp gần ngày **thụ-linh-giới** **Cụ - túc**, vì là tuổi đã tương ứng nhau với pháp - luật xuất-gia.

Tuổi tác đã nên **gia - nhập** lên số **lực** đại tăng, mà đức - độ thì hãy còn là cái danh tự của **Sa-di**. Ba phạm đây chung gọi làm một là «**Pháp đồng Sa-di?**», nghĩa là : đồng giữ mười giới+pháp?».

Đại giới
là
Cũng gọi

HAI GIỚI BỒN CỦA CÁC TỖ-KHEO TÀ TỖ-KHEO-NI

đầy rộc thục lại làm thành 5 thiên

Cũng gọi
là **Cụ-túc-giới**

Ba-la-đi

Dịch : khi, nghĩa : bỏ. Phạm đến bốn giới trong căn-bồn này, tội không cho sám-hối bỏ hẳn ra ngoài Phật-pháp.

Tăng 4 điều
Ni 8 điều

Tăng-già
bà-thi-sa

Dịch : chung sơ tàn, vì phạm đến một trong các giới này, tỷ như năm căn bị tàn khuyết

Tăng 13 điều
Ni 17 điều

Ni-tát-kỳ
ba-dật-đề

Dịch : xả-đọa, vì phạm đến một trong các giới này, khi xả thân phải đọa

Tăng 120 điều
Ni 208 điều

Ba-la-đề
đê-xá-ni

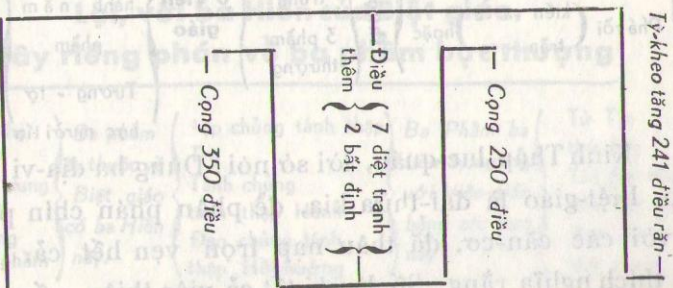
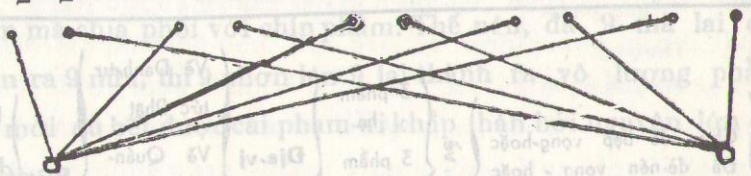
Dịch : dẫn kia xin sám-hối, phạm giới này còn có thể đến Tỳ-kheo kia xin sám-hối.

Tăng 4 điều
Ni 8 điều

Đột-khiết-la

Dịch : ghét làm ghét nói, tức tên là chúng học pháp-giới rất nhỏ nhiều, cần phải mỗi giờ mới phải cần phòng luôn.

Tăng 100 điều
Ni 100 điều

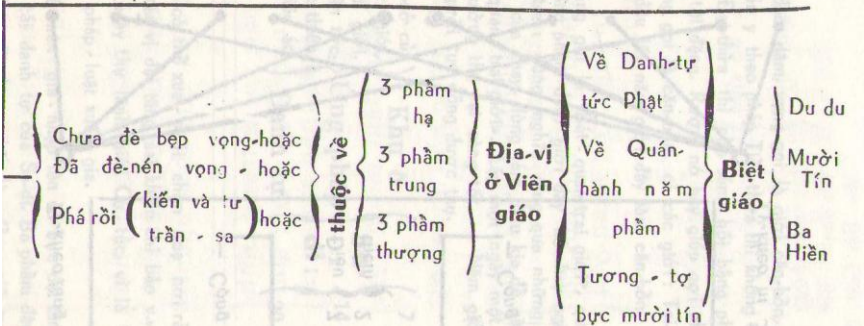


TAM MINH LỤC KHÔNG

- | | | | | | |
|--|----------------------------------|--|--------------------------------|---|-------------------------------|
| <p>1. Thần-túc-thông</p> | <p>2. Thiên-nhĩ-thông</p> | <p>3. Tha-tâm-thông</p> | <p>4. Túc-mạn-thông</p> | <p>5. Thiên-nhãn-thông</p> | <p>6. Lộ-tận-thông</p> |
| <p>Cũng tên như-y : Bay đi tự-tại chẳng đi mà đến, với lớn, nhỏ, một, nhiều hóa-hiện vô-cùng biến-hóa chẳng lường.</p> | | <p>(Nghe biết tiếng mọi loài không chi ngăn-ngại.</p> | | <p>(Biết tất cả tâm-niệm của chúng không ngăn-ngại.</p> | |
| <p>(Biết các việc đời quá-khứ đều không ngăn-ngại 1.-</p> | | <p>(Xem xét những sự hiện-tại sáng-suốt vô-ngại 2.-</p> | | <p>(Quan-sát qua đời vị-lai hiểu suốt vô-ngại. Biết vọng-lậu của mình và người hết hay chưa hết. 3.-</p> | |

Tức là « Tam-minh », giữa lục-thông ; với sự tương của ba đời, dù đủ chỉ biết vô-ngại, mà với hơn-quá lý-tánh của ba đời đều hiểu biết sáng-suốt tất cả ba đời hời còn mờ tối : nếu thêm đặc ba minh thì, với sự lý thách phạm cả ba đời, đều hiểu biết sáng-suốt tất cả chỉ thấy không còn gì che-khuất Ba minh : Túc-mạn-minh. Thiên-nhãn-minh. Lộ-tận-minh.

Với chín phẩm, so theo địa-vị thế nào, để phân công phá hoặc, và với tam tâm, lục niệm, nghe, tu ra sao, cũng phân như thế này



Kinh Thập lục quán, lời sơ nói: Dùng ba địa vị của Viên giáo, Biệt giáo là đại thừa kia, để phân phán chín phẩm đây, là với các căn cơ, đã thâm nạp trọn vẹn hết cả. Còn Lời sao thích nghĩa rằng: Số là với tất cả việc thiện, nếu năng hồi hướng thì việc thiện nào cũng đều là cái hơn của tịnh độ cả; nhưng với tất cả điều ác,

nếu năng sám hối phát nguyện, thì cũng là cái nhọn của tịnh độ nữa. Cho nên, với mỗi mỗi việc tu thiện, dù công hoặc thiện hay thâm, chứ với chín phẩm đâu chẳng được sanh hoặc thượng hay hạ. Còn với mỗi mỗi việc làm ác, so theo cái công phu sám hối được tinh thô thế nào, thì cũng được lên chín phẩm cao thấp như thế nấy. Nên chi, người tu thiện bậc thượng thượng phẩm, có thể thông đồng với bậc hạ hạ phẩm: như người niệm Phật làm lành đủ có Tín và Hành mà trí lực còn thiên cận, phải tạm ở nơi ba phẩm Hạ, người tạo ác bậc hạ hạ phẩm, cũng có thể lên được bậc thượng thượng phẩm: như A Xà Thế tạo làm nghịch hại cha mẹ, toan giết Phật tăng, mà đặng nhờ sám hối thân trọng liền được lên nơi 3 phẩm thượng, đây cũng là đã tạo nghịch tội, tùy theo công thiện hay thâm, nên đều phân có 9 phẩm. Còn tu tam tâm là 1/ chí thành tâm, 2/ thâm tâm, 3/ phát nguyện hồi hướng tâm; và tu lục niệm là: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Giới, và niệm Thí, cũng tùy theo công hồi hướng thiện hay thâm mà chia phối với chín phẩm. Thế nên, đã 9 mà lại còn phân ra 9 nữa, thì nhọn lên 9 lại thành ra vô lượng phẩm, vậy mới đủ hết cái phạm vi khắp thân bởi nguyện lớn của Di Đà.

**Lại, với ba Hiền của Biệt giáo,
đây riêng phán về ba phẩm bậc thượng**

{ Thượng hạ phẩm } { Thượng trung phẩm } { Thượng thượng phẩm }	{ Ba phẩm } { ấy thuộc về } { Biệt giáo } { có ba Hiền } { này. }	{ lập chủng tánh thập } { Trụ } { Tánh chủng } { tánh thập Hành } { Đạo chủng tánh } { thập Hồi-hướng }	{ Ba Phẩm ba } { Hiền ấy ngang } { với Viên-giáo } { bằng các bậc } { này }	{ Từ Tín } { thứ bảy } { Tín thứ tám ; } { Tín thứ chín } { Bực Tín } { thứ mười }
---	---	--	---	---

Hành-vi của chín phẩm

1.- Hạ hạ phẩm	} Chỉ làm ác hạnh	} Khi lâm - chung gặp thiên tri thức khuyến chí tâm niệm Phật mà liền được vãng - sanh về Tây - phương Tịnh - độ, vì đã đời dữ làm lành chí tâm niệm Phật, vãng - sanh	} Đây là căn-cứ theo Quán-kinh đã sắp hàng. Lời sớ-giải thì, trọn dùng nghĩa đại-thừa để phân - phẩm cứu phẩm đó, là : Vì tu Tiểu-thừa, khi lâm-chung có hồi hướng Tây-phương tức đại-thừa, nên được sanh lên ba phẩm trung. Người được sanh ở ba phẩm hạ, là vì y theo Đại-thừa. Sám-hối đã diệt tội, nên với chín phẩm hành mỗi mỗi đều thành đại-thừa, tùy theo mỗi một phẩm hành. Chí như bậc Tam-Hiền đều sanh ở ba phẩm thượng. Còn bậc Thập-tín đều sanh ở ba phẩm trung, đến những kẻ trọn chưa dẹp trừ vọng-hoặc, thì sanh ở ba phẩm hạ, gọi là « đối - nghiệp vãng - sanh ». Vậy, chúng ta nên biết rằng : Kinh Thập - lục - quán đầu nập các căn-cơ cũng như trình-độ tu niệm rất là tường-tận.
2.- Hạ trung phẩm			
3.- Hạ thượng phẩm			
4.- Trung hạ phẩm			
	} Việc thộn thế-tục	} Lâm - chung gặp bạn, khi lâm - chung hồi-hướng về Tịnh-độ nên được sanh lên hai phẩm đó.	
5.- Trung trung phẩm			
6.- Trung thượng phẩm			
7.- Thượng hạ phẩm	} Chỉ tu đại-thừa		
8.- Thượng trung phẩm			
9.- Thượng thượng phẩm			

(Hết từ trùng huyền nghĩa).

Kinh này dùng Đại thừa sanh tô làm giáo tướng. Những lời của Phật thốt ra thích hợp giúp cả kẻ dưới gọi là giáo. Với giáo ấy, phân làm năm thời tám giáo gọi là tướng. Đức Như Lai sanh trụ nơi đời được tám chục năm, thuyết pháp được hai chục năm, mà phân ra làm năm thời:

1. Hoa Nghiêm thời: nói Kinh đại thừa Viên đốn, gồm cả Biệt giáo. Tỷ như sữa từ nơi vú bò sản xuất.

2.A Hàm thời: Nói pháp bằng Tiểu thừa Tạng giáo. Tỷ như sữa biến ra Lạc (*nghĩa là bởi sữa thành ra váng sữa. Lạc: váng sữa*).

3.Thời Phương đẳng: Trong thời này Phật đều nói luôn cả bốn giáo là: Tạng, Thông, Biệt và Viên. Tỷ như Lạc là váng sữa lại biến thành ra Sanh tô là Dầu sữa.

4.Thời Bát nhã: Tạm nói về quyền lý của Thông giáo, Biệt giáo, mà chính nói về thật lý của viên giáo. Tỷ như sanh tô là dầu sữa sống nó đã thành ra dầu sữa chín là thực tô.

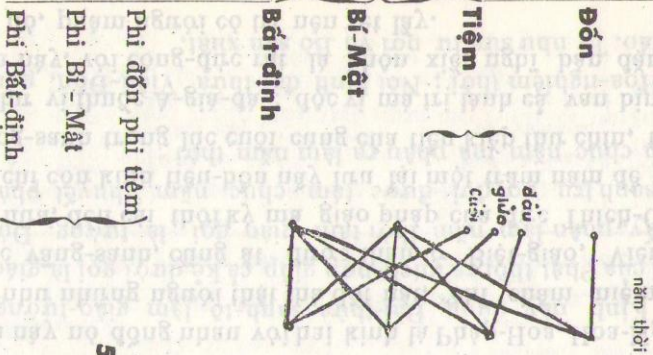
5.Thời Pháp hoa và Niết bàn: Kinh Pháp Hoa thuần một mùi nói về đại thừa Viên giáo, các hàng Thánh Thinh văn đều đặng thụ lãnh lời ghi tác Phật; với kinh Niết Bàn thì Phật Ngài vừa nói với lại bốn giáo, đồng thời cũng vừa nói nhắc lại để bật mắt dầu vết bốn giáo. Tỷ như Thực tô nó đã biến ra đề hồ: Dầu sữa chín nó thành ra mỡ sữa.

Kinh Tiểu Thừa A Di Đà đây là, Phật nói trong thời Phương Đẳng, được thâu vào Biệt viên giáo, vì bởi những người mà trình độ học Phật bằng hai giáo tạng và thông kia, họ không tin hiểu nổi rằng có tịnh độ ở thế giới phương khác, nên không tin nguyện vãng sanh.

Vả lại, nước Cực Lạc là cõi đồng cư, nên nó trọn gồm cả ba cõi là: phương tiện, thật báo, và tịnh quang, thành thử kinh này được thâu thuộc Viên giáo, mà chín phẩm riêng rõ từ lớp, nên nghĩa nó kiêm luôn Biệt giáo, với lý viên đốn thì, kinh này nó đồng nhau với hai Kinh là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Chỉ như những người thật thà dốt nát, chỉ chăm niệm Phật, được vãng sanh, cũng ắt được thâu ở Biệt giáo, Viên giáo. Lại nữa, đến cái thời kỳ mà giáo pháp của đức Thích Ca diệt hết, chỉ còn kinh tiểu thừa này lưu lại một trăm năm để phổ độ chúng sanh trong lúc cuối cùng của tiểu kiếp thứ chín, thế hẳn là như vị thuốc A-già-đà: độc vị mà trị lành cả vạn bệnh, vậy kinh này, với công đức rất là khôn xiết nghĩ bàn đặng, như vậy đó, phàm người có trí nên xét lấy.

Năm Thời Tám Giáo

4 giáo hóa nghi
như phương
thức đời



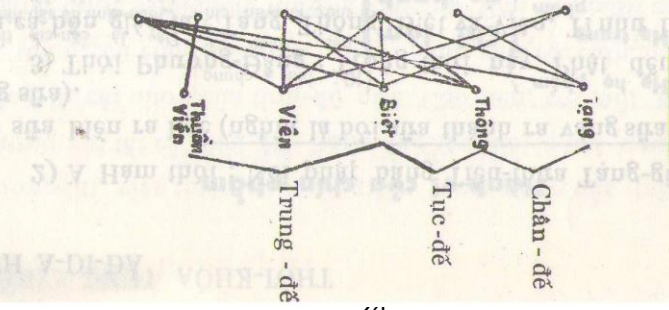
Đốn
Tiệm
Bí-Mật
Bất-định
Phi đốn phi tiệm
Phi Bí - Mật
Phi Bất-định

5 mội

1 Hoa-Nghiêm
2 A-Hàm
3 Phương-Đẳng
4 Bất-Nhã
Pháp-Hoa
Niết-Bàn

mùi
sữa
mùi
lạc
gồm
nói Biệt-giáo chính nói viên-giáo.
chỉ
Vì người tiêu cơ, thân Phật tương
sâu chỉ nói Tạng-giáo chứng quả
Ni-hi-thừa.
Đổi tiêu cơ nói Tạng-giáo, để làm
« Bản tự giáo ».
Đổi đại cơ nói Thông Biệt viên, để
làm « Man tự giáo ».
thực
tỏ
kèm
tỏ
Đề hồ
mở
phần
nói
bật
vói
Vĩ kê sơ sót chưa vào Pháp Hoa,
lại nói bốn giáo hội vào viên giáo.

4 giáo hóa pháp
như ranh vi
thước



Tạng
Thông
Giết
Viên
Trung - đẽ
Chân - đẽ
Tục - đẽ
Thiền Viên

Bán tự là ba mươi lăm chữ cái của Phạm tự, vì nó chưa đủ nghĩa, nên gọi là Bán, tỷ như: a, b, c, d... Mãn tự là những văn tự trong các bài luận, vì đủ nghĩa lý, nên bảo là mãn. Ngài Đàm Vô Sám Tam Tạng y nơi Kinh Niết Bàn, đem giáo pháp của Phật thuyết trong một đời đó, phân làm Bán giáo, Mãn giáo: tiểu thừa là bán tự giáo, đại thừa là mãn tự giáo. Sách Phụ Hạnh nói: thời Phương đẳng đủ cả Bán mãn; các bộ Bát nhã, Pháp Hoa, Niết bàn, Hoa Nghiêm đều chỉ có mãn, chứ chẳng Bán; Kinh nói ở Lộ Uyển chỉ Bán chứ chẳng có mãn.



DAO TẦN, TAM TẠNG CƯU MA LA THẬP DỊCH

Đời Dao Tần, Ngài Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch ra chữ Hán.

Với Kinh A Di Đà đây có hai đời dịch: 1) đời Tấn, Ngài La Thập dịch, tức là kinh Tiểu Bản này; 2) đời Đường, Ngài Huyền Tăng dịch, đề mục là “Xưng tán tịnh độ Phật niếp thụ Kinh”.

Dao Tần là sử dĩ để phân biệt rằng: đời nhà Châu (1.134-247 trước DL) có Đinh Tần (246 – 207); đời Nam Bắc triều (420-588 sau DL) có Phù Tần và Dao Tần (1.528-1.495 trước Trung Hoa dân quốc).

Với Tam Tạng sẽ xem rõ ở biểu đồ sau kia.

Cưu Ma La Thập gọi cho đủ là Cưu Ma La Thập Kỳ Bà, Kỳ Bà... dịch là Đồng Thọ (*Đồng: trẻ, từ bốn, bảy đến mười lăm tuổi; thọ: già, sống lâu từ bảy chục tuổi nhẵn lên*) vì tuổi trẻ mà có đức độ, tài năng bằng bậc tuổi già. Lại nghĩa nữa: sách Bách Luận số cuốn nhưt chép rằng: cha tên là Cưu Ma La Viêm, mẹ tên là Kỳ Bà, dịch là Thọ, Cưu Ma La Viêm, dịch là Đồng, tức là Đồng Thọ, dùng luôn hai tên của Cha Mẹ, để đặt tên cho con là Cưu Ma La Thập Bà).

Dịch: đôi, đôi chữ Phạn ra chữ Hoa (*Hoa là Trung Hoa, chữ Hoa tức là chữ Nho hay Hán của nước Tàu. Gọi chữ Nho, nghĩa nó rộng hơn chữ Hán, vì nước Tàu phi chỉ một Hán tộc*).

Với Tô quán, Thập Sư nguyên là người Trung Ấn Độ, cha tên là Cưu Ma La Viêm, dòng dõi tiếp tục làm chức tướng quốc; đến đời ông Kumarayana (Cưu Ma La Viêm) hy sinh ngôi vinh Tướng Quốc, đi xuất gia tu Phật, ra hải ngoại, sang phương đông, đến xứ Thông lãnh, vào nước Kuche (Cưu Ty, Quy Từ; nay là đất

huyện Khô Xa tỉnh Tân Cương của Trung Hoa), Quốc Vương rất kính mến, cầu làm Quốc Sư, vua có người em gái tên Jivà (Kỳ Bà) mới hai mươi tuổi, rất thông minh, đem ép gả cho, sau sanh ra Thập Sư.

Sau khi sanh, Sư sẵn có nhiều cái thiên tài rất thần diệu linh động, lên bảy tuổi (Đồng) theo mẹ vào Chùa (thân mẫu đã xuất gia trước) để xuất gia, thấy cái Bình Bát bằng thiếc, lấy đũa lên đầu, rồi tưởng bụng nặng thì tức thời cái bình bát nó cũng liền nặng thêm bội phần, mà hề nó nặng đến đâu là sức lực của Sư cũng khỏe mạnh đến đó để đủ đũa chịu, như thế mà Sư liền rõ được cái lẽ vạn pháp duy tâm, nghĩa là: muôn việc gì cũng chỉ bởi tự tâm mình tưởng chi có vậy. Sau khi hiểu suốt cả Tam tạng, phát huệ, rất tài tình về ngôn luận, biện bát, không chi ngăn ngại.

Nhà Vua bốn quốc kiến thiết một cái pháp tọa bằng con sư tử bằng vàng để dâng Sư ngồi thuyết pháp, và cả đến các quốc vương toàn cõi Tây vực hội đồng, thường rước Sư nói pháp, mà các vua đều quy mọp để nghe giảng.

Bấy giờ, nhà Đông Tấn (317 – 419) ông Phù Kiên hùng cứ đất Thiểm Tây, xưng vua lấy quốc hiệu là Tấn; Khi sắp soạn việc binh để đi chinh tây, có quan Thái Sử tâu: về khu vực phía tây có một vì sao rất khác thường xuất hiện sáng đẹp lắm! ắt có bực đại đức thánh như, sẽ vào giúp Trung quốc này.

Phù Kiên nói: Trẫm đã nghe nước Cưu Ty (Qui Từ) có Ngài La Thập pháp sư, vậy phải chăng người này? Niên hiệu Kiến ngưng năm thứ mười chín (1.547 trước dân quốc Tàu) sai các tướng quân là bọn ông Lữ Quang, thống lãnh bảy vạn tinh binh, lúc ra đi Phù Kiên truyền lệnh rằng: Với hành binh viễn chinh này phi Trẫm tham đất đai, quyền lợi chi, như vì nghe bên nước ấy có Ngài La Thập là một người mà hiểu suốt cả tách tướng của muôn pháp, nên mới dụng binh vậy thôi. Nhưng đến nơi hãy đưa thư này trước buộc phải giao La Thập để rước, bằng không sẽ dùng vũ lực v.v...

Chiến thắng quân nước Cưu Ty rồi, rước Ngài La Thập về, vừa đến Lương Châu nghe Phù Kiên bị ông Dao trảng giết rồi, Lữ Quang tự tiện chiếm cứ đất Lương Châu tự lập xưng là Tam Hà vương lấy hiệu là nước Lương (đất Cam túc: Lữ Quang xưng là Hậu Lương).

Đến sau, Dao Trảng cũng mến danh đức Ngài La Thập muốn rước mà Lữ Quang cũng không cho. Sau khi Dao Trảng bị mất rồi, con là Dao Hưng lên ngôi qua xin rước Pháp Sư, Lữ Quang vẫn chẳng chịu; kế Lữ Quang qua con là Lữ Long lên kế vị; Dao Hưng cất đại binh qua, Lữ Long chịu đầu hàng, binh tướng nhà Tần rước Pháp sư về Trảng An, Dao Hưng thờ làm Quốc Sư, để ở nơi Tây-minh-các và Tiêu-diêu-viên, để kiểm duyệt lại các kinh.

Pháp sư Ngài xét hết những Kinh cũ, thấy nghĩa nó phần nhiều sai lệnh chẳng đồng nhau với Phạm bản; cho mời các vị Sa môn là bọn ông Tăng Triệu, Tăng Dê, Tăng Lãnh, Đạo Sanh, Đạo Dung, Đạo Hằng, Huệ Quan, Huệ Nghiêm, Đạo Thường và Đạo Phiêu, mà đời bấy giờ đều kêu là thập môn thập triết, cùng các Đại Đức khác cộng là hơn tám trăm người, đồng sự dịch ra các bản Kinh luận mới hơn ba trăm chín chục cuốn.

Trong một ít ngày mà Pháp sư chưa tịch, cho mời tăng chúng về rồi bảo rằng: những Kinh luận mà Thập nầy đã dịch đó xin truyền bá lại đời làm Pháp bảo lưu thông khắp xứ; với các bản ấy, nếu mà phiên dịch không sai lầm thì khiến cho sau khi thiêu hóa thân đi rồi, công lười không cháy rã. Ngài nói đoạn từ giã rồi tịch, tại vườn Tiêu Diêu, thủ đô Trảng An, vào ngày hai mươi tám tháng năm Hoàng Thi thứ mười tám đời Dao Tần, nhằm năm Hi Ninh thứ năm bên nhà Tần.

Sau khi thi thể cháy hết, lửa than tàn mà công lười vẫn còn nguyên tươi sống. Thế thì, Kinh Tiểu bản Di Đà đây có chư Phật ở sáu phương hiện ra cái tướng lười rộng dài để tán thán hộ niệm đó, há chẳng phù hợp với lời thành thật đó ư? chúng ta được thêm phần tin chắc nên tu pháp “Trì danh niệm Phật” đây.

Lời trên rút ở cuốn mười bốn bộ Tam Tạng ký, và cuốn hai bộ Cao Tăng truyện đời Lương.

TAM TẠNG	{	1 Tu-đa-la	Dịch {	Khế kinh	Tức {	Tạng kinh	Nói {	Định
		2 Tỳ-nại-da		Đều phục		Tạng luật		Giới
		3 A-tì-đạt-ma	Đổi pháp			Tạng luận		Huệ
		Lại là {		Nói về {		Thừa {		
		Phật-đa-tạng		Phật		Đệ		
		Bồ-tát-tạng		Đệ		Tiểu		
		Thanh-văn-tạng		Tiểu		Tiểu		

Ba Tạng (Trippitaka) là tạng Kinh, Tạng Luật, Tạng Luận, Tạng Kinh nói về khoa định họa, tạng Luật nói về khoa giới học, tạng Luận nói về khoa huệ học.

Với tiếng Phạn Sutrapitaka: theo tân dịch, ta đọc là Tô đát lăm tạng, còn với cựu dịch, ta đọc là Tu đa la tạng – Vina yapitaka: tân dịch là Tỳ nại da tạng, Cựu dịch là Tỳ ni tạng. Abhidarmapitaka: Tân dịch là A tỳ đạt ma tạng Cựu dịch là A tỳ đàm.

Có ba thứ tam tạng: 1. – tam tạng của tiểu thừa: a/ bốn bộ Kinh A Hàm là Kinh tạng; b/ các bộ luật: Tứ phần, ngũ phần, và thập tụng là luật tạng; c/ các Luận: lục túc phát trí là Luận tạng. 2.- Tam tạng của đại thừa: a/ Kinh Hoa Nghiêm...là Kinh tạng; b/ Kinh Phạm Võng... là Luật tạng; c/ Kinh A tỳ đạt ma là luận tạng. 3.- Tam tạng của đại tiểu thừa: a/ Thỉnh văn tạng, b/ Duyên giác tạng, c/ Bồ Tát tạng. Lại: a/ Thỉnh văn tạng, b/ Bồ Tát tạng, c/ Phật tạng. Nghĩa là Phật tạng nói Phật thừa, Bồ Tát tạng nói Đại thừa, Thỉnh văn tạng nói về tiểu thừa.

Với bốn Kinh đây, chính ta đã thấy nghe [1]Nhu thể này[2]: một thời[3] đó, đức Phật [4]Ngài trụ nơi vườn cây[5] của hai ông cấp Cô Độc trưởng giả, Kỳ Đà Thái Tử gân thủ đô nước Xá Vệ

[1] Điều nghe thấy đã kết quả thành phần

[2] Phương pháp ấy đã kết quả thành phần

[3] Thời gian làm việc đã kết quả thành phần

[4] Chủ tọa giảng giáo đã hoàn thành

[5] Chỗ thuyết pháp đã thành tích thật sự; dưới kia đại chúng đồng nghe là: pháp chúng thành tựu, chúng gọi là sáu điều thành tựu, nghĩa là thành phần sáu sự đây, để làm chứng tin là Kinh đây đích là Phật nói.

Hai chữ “như thị” nghĩa: “như thế này” đó là, cái bản thể của một bốn Kinh, vì là cái lời nhận thật tin chịu chấp thuận. Như với người kia nói ra một việc chỉ chúng như nghe rồi đồng tín nhận được, thì đều chứng thật rằng Như thị là như vậy; trái lại; nếu chẳng thể tin thì, bảo là Bất như thị là không phải như thế.

Với bốn Kinh này, chính đức Như Lai ngài, tán dương nước Cự Lạc: nào Y báo, nào chính báo đều tốt đẹp nhưt, rực rỡ tuyệt bằng những lời chơn thật. Và lại, còn có cả chư Phật ở tận sáu phương, đều cùng tán thán hộ niệm nữa. Thế nên, đối với Kinh

đây, nếu chúng sanh tin hiểu như vậy, y theo lời dạy bảo, giữ niệm danh Phật A Di Đà thì chắc được kết quả là vãng sanh về cõi tịnh.

Lại nữa, như: chẳng khác, thị: không phi. Là nói: với bốn Kinh đây, và sở thuyết của thập phương tam thế chư Phật, lẽ không khác nhau, nên gọi là Như, đức A Nan Đà kết tập chẳng sai khác nhau với lời của Phật thuyết, nên gọi là thị.

Ngã văn: Ta nghe tức là chú ý nghe. Ngã văn, là người năng nghe. Nhĩ căn là một bộ phận riêng giữa sáu căn, ngã tâm (ý thức) là trọn phần chủ cả năm căn, kêu bằng “ngũ câu ý thức”. Mặc dù ngoài cảnh có tiếng nói, mà ngã tâm không để ý ở nơi tiếng thì tức nhiên cũng đồng như không nghe. Giờ đây chẳng dùng ở phần riêng là Nhĩ căn, mà do phần chung là chủ ý, nên nói Ngã văn: chủ ý nghe, cũng như ta nghe.

Kể những lúc Phật ngài nói pháp, A Nan đà để ý lắng tai vâng nghe rõ cả, cầm cái bình này rót nước vào bình kia, mỗi nhỏ giọt đều chứa vào trong, không lọt một nhiều, nên chỉ sau khi Phật nhập diệt rồi, những Kinh sách mà A Nan Đà đã kết tập đó nó chẳng hề sai khác một tí gì với chính miệng Phật đã nói. Sở dĩ được lời của Tổ Ca Diếp Ba vừa chứng thật vừa tán thán rằng: Pháp hải của Phật như bể lớn, dồn chứa vào tâm của A Nan Đà, thật thế.

Nhứt thời: một thuở, với chúng sanh hoặc đại cơ, tiểu cơ duyên cảm được, thì Phật Ngài liền hiện ra hai thân thẳng ứng, liệt ứng để tùy cơ nói dạy, đây là một thời cơ giáo tương khấu: trình độ thích hợp nhau với giáo lý. Bây giờ nhứt thời đây là cái thời mà Phật ngài tán dương phán “Tri danh niệm Phật” để đối với căn cơ là học giả, hành nhơn thích hợp với tịnh độ.

Tại: ở, chữ tại nghĩa như chữ trụ. Pháp thân của chư Phật không trụ, chẳng chẳng trụ, nghĩa là không nhứt định ở một chỗ nào mà không chỗ nào là không ở. Vì pháp thân vốn phi như vật có hình tướng, nên nói là vô trụ, tâm lượng nó giáp khắp pháp giới, nên nói là chẳng chẳng trụ. Đó là pháp thân, còn với Báo thân thì đọi bực đại căn cơ có cảm đến đâu là hiện ra trụ tại đấy. Như trong hội Hoa nghiêm, Phật ngài hiện ra cái thân rất rực rỡ khắp đầy, để nói cái giáo pháp viên đốn, thật thế. Đây là Báo thân; đến như ứng thân thì cũng không nhứt định có trụ xứ, vì toàn là nương nơi cơ duyên của chúng nhơn được cảm thấy lấy, bởi tùy theo mỗi loại thể nào mà hóa hiện thân như thế nấy, kêu là thiên bách ức hóa

thân, hễ có ứng theo cơ duyên để thuyết pháp thì có hiện trụ tại đó vậy thôi.

Như đức Thích Tôn ứng hiện thân ra trụ nơi đời 80 năm, những chúng cơ duyên được trông thấy, được tế độ đã hết thì, ứng thân ấy phải diệt. Tỷ như củi đã hết, thì lửa phải tắt. Trong thời Phật nói bốn Kinh đây là ứng thân ngài trụ tại nơi vườn của ông Cấp Cô Độc, để hóa độ cho một loại có cơ duyên với pháp tịnh độ, nên nói là tại.

Xá vệ quốc Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên: Xá vệ quốc:

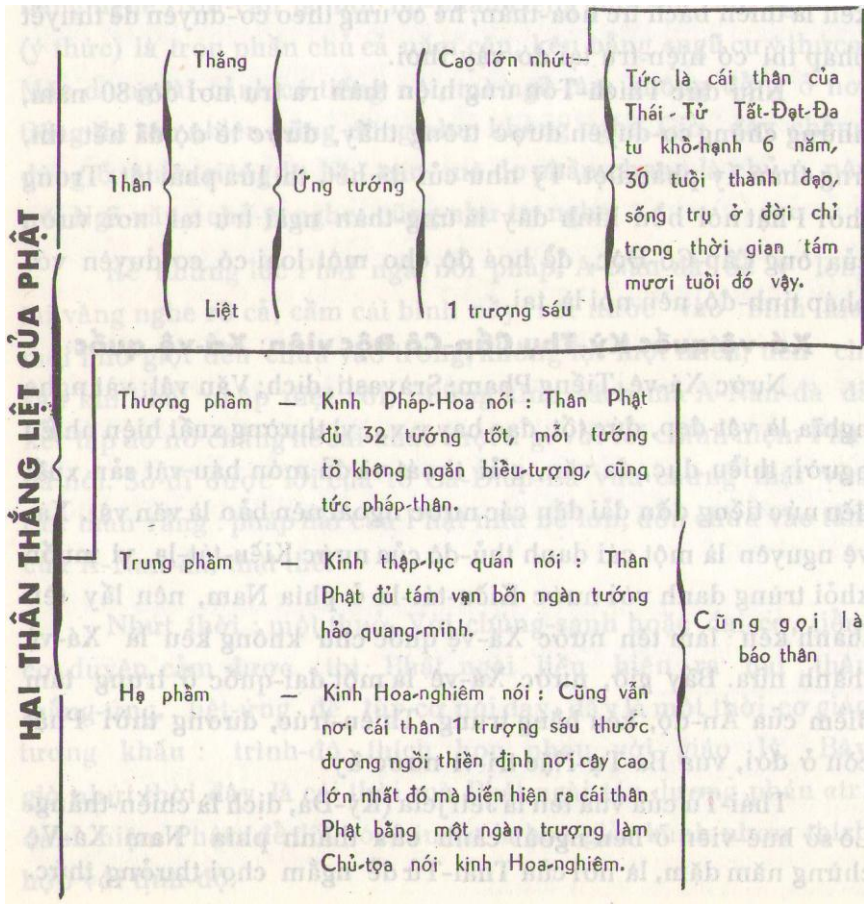
Nước Xá Vệ tiếng Phạm Srāvasti , dịch: Văn vật: vật nghe nghĩa là vật đẹp, đức tốt, đạo hay v.v... vì thường xuất hiện nhiều người: thiếu dục, đa văn, giải thoát và đủ món báu vật sản xuất đều nức tiếng đồn đãi đến các nước ngoài nên bảo là văn vật. Xá vệ nguyên là một cái danh thủ đô của nước Kiền Tát La, vì muốn khỏi trùng danh với nước Kiền Tát La ở phía Nam, nên lấy tên thành kê làm tên nước Xá Vệ quốc chứ không kê là Xá Vệ thành nữa. Bây giờ, nước Xá vệ là một đại quốc ở Trung tâm điểm của Ấn Độ, kê bằng trung Thiên Trúc, đương thời Phật còn ở đời, vua Ba Tư Nặc trị vì nước ấy.

Thái Tử của vua tên là Jetrjeta (*Kỳ Đà, dịch là chiến thắng*) có sở huê viên ở bên ngoài cánh cửa thành phía Nam Xá Vệ chừng năm dặm, là nơi của Thái Tử để ngắm chơi thưởng thức.

Nước Xá Vệ có đại thần tên là Sudatta (Tu Đạt Đa) dịch: Thiện Cấp thí, nghĩa là hay đem tài vật cấp thí cho những kẻ mồ côi, trợ trợ một mình, nên người đời cảm đức gọi ông là Cấp Cô Độc trưởng giả. Ông chở vàng trải lót khắp mặt đất, để đổi mua lấy sở vườn của Thái Tử, rồi kiến thiết là Tinh Xá, rước Phật và chúng Tăng an trụ tại đó.

Thấy Trưởng giả trọng pháp khinh tài, rất cảm mến cái thành tâm, nên Thái tử hỷ xả hiến luôn những kỳ hoa dị thụ và còn một ít chỗ đất chưa trải vàng, nên gọi chung là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên: cây kiểng hoa trái của Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc.

HAI THÂN THĂNG LIỆT CỦA PHẬT



Cùng với một nghìn hai trăm năm mươi người đều là bực đại Bhiksu Tăng, cũng đã chứng quả Đại A La Hán được chúng nhơn tôn tặng là thượng thủ tri thức.

Một “Chúng thành tựu” đó, hiệp với năm món trên, gọi chung là “lục chủng thành tựu”.

Từ đoạn trên đến câu “chư đại đệ tử” dưới, là ghi về “chúng Thanh văn”.

“Đại Bhiksu Tăng” là nói về phần loại: hạng lớn nhất trong chúng. “Một nghìn hai trăm...” là nêu về phần số. “Đại A La hán” là nêu về phần quả vị “Chúng nhơn tôn tặng” là tán thán đức hạnh, với năm sự trên đã thành phần, tất phải trông cậy vào thứ sáu là pháp chúng mới là hoàn toàn thành tựu về sự hoạt động lợi ích

được. Số là do một Phật ra đời, thì có các thánh phụ giúp giáo hóa, khiến cho sáu cõi phạm đồng về với cõi Phật.

Bhiksu (Bí Sô Tỳ Kheo) là cái Danh trong thời tu nhân, A La Hán (arhàn) là cái vị trong thời chứng quả. Chữ “Đại” đủ ba nghĩa: lớn, nhiều, hơn. Vì là các vị Bí Sô được các hàng chư Thiên, quốc vương, đại nhơn đều ngửa trông kính mến, nên gọi đại là lớn; có trí huệ sáng suốt, hiểu thông cả kinh sách ở trong đạo ngoài đời nên gọi Đa là nhiều; cao siêu ngoài cảnh giới các Trời Ma vương, quả vị đã cao lại chánh, nên gọi thắng là hơn.

Bí sô đủ ba nghĩa: 1/ Khất sĩ: Trò xin, nghĩa là với trên thì theo xin pháp của Như Lai để trường dưỡng cái mạng trí huệ; với dưới thì theo Khất thực của nhơn chúng để tự dưỡng cái thân duyên sanh, nên gọi rằng Khất sĩ, vì có khát pháp để học tu lấy mình và huấn luyện cho người, nó chẳng đồng cái danh khát cái: đưa xin, vì chỉ xin ăn, chứ không xin pháp, và chả tu mình luyện người gì, nên gọi đưa xin, chớ chẳng gọi là trò xin. 1/ Phá án: Năng hủy bỏ những điều ác pháp là tham, sân, si, mạn, tà kiến... là các phiền não mê hoặc của tri kiến và tư tưởng. 3/ Bồ Ma: Rún Ma, vì đem tâm về chánh đạo thụ giới, làm cho kinh động đến cung điện của trời Ma vương. Nghĩa là chữ “Bí” dịch là “Bồ”: Khủng bố, chữ “Sô” gọi là năng làm cho chúa trời Ma vương và nhơn dân của trời ấy đều rúng sợ! Vì là trong thời đi xuất gia, bỏ râu tóc, bận áo ca sa, thụ đại giới đó, là cái thời mà chúng Thiên Ma rất kinh hoảng! Tại sao? Vì chúng than rằng: Người ấy đã lên đường chánh giác rồi, chẳng những trong tà đạo ta đã mất một phần tử, mà người lại còn tuyên truyền khuyến dẫn ma dân của ta quày đầu về Phật giới nữa, e rồi đây, cung điện, dục lạc của ta thiếu người ở và hưởng! Vậy hỡi các Ma nữ! Ma dân! hãy cố theo để cảm dỗ, may ra người có còn ham mê mà trở lại với chúng ta chăng!?

Tăng: Gọi đủ là Tăng già (Sangha) dịch là hòa hợp chúng. Luật hành sự sao nói: từ bốn Bí Sô nhần lên, đông ở một chỗ, xử dụng hòa hợp. Hòa hợp như thế này: 1/ Về Lý Hóa hợp là đồng chúng đến cảnh giới tịch tịnh giải thoát; 2/ Về sự là có sáu nghĩa: a/ thân hòa đồng ở chung, b/ miệng hòa chẳng cãi lộn, c/ ý hòa đồng vui, d/ với giới luật được hòa đồng lãnh giữ, đ/ với Phật tri kiến, được hòa đồng hiểu thấy, e/ với tứ sự lợi dưỡng, được hòa đồng thụ hưởng sống chung. Hành sự cao tu trì ký nói: 3 sự giới

hòa, kiến hòa, lợi hòa, đó là hòa hợp về phần thể; còn thân, khẩu và ý hòa đó là hòa hợp về phần tướng. Lại nói từ Sơ quả Tu đà hoàn nhẫn lên, gọi là Lý hòa vì với phần “chứng” đã đồng; từ bậc nội phàm nhẫn lại, thì gọi là Sự hòa, tức là lục hòa trên.

Một ngàn hai trăm năm mươi người: Ba anh em ông Ca Diếp Ba, ba người này đều có các đệ tử. Cộng được một ngàn người; nguyên trước tu pháp ngoại đạo gặp Phật giáo hóa, cả thầy trò đều cải tà quy chánh, đồng thành đạo quả. Lại ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên cùng đem bọn đệ tử hai trăm người bỏ tà về chánh, theo Phật chứng chơn. Và ông Da Xá tử, hay Tu Đề Na tử dẫn 50 chục người đệ tử từ nơi ngoại đạo quy đầu học Phật đắc đạo quả. Cộng chung với trên thành con số ấy (1250). Và nữa bọn ông Kiều Trần Như năm người là trước tiên thụ giáo đều đã thành đạo quả, họ đều cảm thâm ân của Phật hóa độ thành thử họ cũng thường theo Phật để giúp việc dạy.

A la hán: hàm đủ ba nghĩa 1: Ứng cúng, nên chịu cúng. Vì với Nhơn là “khất sĩ” đã xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, nên với Quả đáng được thụ lãnh của nhơn gian, thiên thượng cúng dâng có phần nhơn quả đáng làm ruộng phước cho chúng. 2: Sát tặc: Giết giặc, với Nhơn là phá trừ những điều ác của kiên hoặc, tư hoặc, nên kết quả gọi là giết những quân giặc phiền não. 3: Vô sanh: không luân hồi sanh tử nữa, vì với nhơn đã khiến Ma sợ, nên với Quả gọi là không sanh. Bởi sau khi bỏ cái thân ngũ uẩn đó rồi, là hoàn lại cái pháp thân bất sanh bất diệt, nên chẳng trở lại luân chuyển thụ sanh nữa. Đây là ba nghĩa làm tu nhơn của Bí số, để tỏ ba nghĩa đã chứng quả của La Hán. Định tánh La Hán, chẳng được gọi là Đại, chỉ có Huệ tánh La hán, mới gọi là Đại. Vì La hán ở đây đều là: Trong tâm chứa kín đức hạnh Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày danh tướng Thịnh Văn, để giúp Phật làm nên đại sự giáo hóa, làm bậc thượng thủ giữa chúng tăng, biết căn cơ của chúng rõ thời sự của đời, nên gọi là “Chúng sở tri thức”: Bậc thượng thủ tri thức chúng.

Định tánh – Tánh nhất định; sẵn có chủng tánh vô lậu như định của Thịnh văn từ xưa nay, nghĩa là chỉ tu cái nhơn Thịnh văn, nên chứng cái quả Thịnh văn mà thôi, chứ chẳng chịu tiến lên tu chứng Phật đạo, nên gọi là “định tánh La Hán”.

Huệ tánh - Huệ đối lập với Trí hiểu suốt sự tướng của pháp hữu vi, là năng tánh của Trí; rõ thấu lẽ chơn không của pháp vô vi, là năng tánh của Huệ. Tánh của Huệ là với cảnh quan sát, nghiên cứu nó biết chọn lựa, tác dụng của nó là dứt điều nghi ngờ. Nghĩa là: xem điều đặc thất đều ghi có trong cảnh quán xét, do nơi Huệ tìm hiểu mà đặng quyết định.

Bực Trưởng lão là các Ngài: Xá Lợi Phất[1], Ma ha Mục Kiền Liên[2] Ma ha Ca Diếp[3] Ma Ha Ca Chiên Diên[4] Ma ha Câu Si La[5] Ly Bà Đa[6] Châu Lợi Bàn Đà Già[7], Nan Đà[8] A Nan Đà[9] La Hầu La[10] Kiều Phạm Ba Đề[11] Tân Đầu Lô Phả La Đa[12] Ca Lưu Đà Di[13] Ma Ha Kiếp Tân Na[14] Bạt Câu La[15] A Nậu Lô Đà[16] như thế cả các vị đệ tử lớn của Phật.

Đây là nêu rõ cái Danh của các Ngài, vì tuổi sanh và đức hạnh đều cao cả, nên được gọi là Trưởng Lão. Mười sáu vị trên, mỗi đều riêng chiếm một cái (tài đức) đặc biệt, để xưng bực nhưt, nên đều được gọi là Trưởng Lão, nghĩa là cái tài đức ấy rất già dặn lớn hơn.

Như ông Xá Lợi Phất thì riêng có tài đức bằng “Trí huệ” vì lúc còn ở trong bào thai đã giúp ích cho thân mẫu biện luận hơn chúng; năm lên tám tuổi, lên tòa tranh biện, không ai bì kịp; khi quy đầu Phật pháp, chỉ trong bảy ngày ông đã suốt thông cả giáo pháp của Phật; nên người đời gọi là trí huệ đệ nhưt.

Ông Mục Kiền Liên thì có cái thiên tài bằng “thần thông” vì ngăn dẹp được con Độc Long, không cho xe của Kỳ vực trên trời chạy đi, đốt cháy cái nhà trống trện của Trời Đế Thích, ngăn cấm được chúng Ngoại đạo luyện phép dời núi đã rung rinh, hóa phép đem cả con cháu họ Thính tản cư giấu trên cõi trời v.v... nên gọi là Thần thông đệ nhưt.

Ca Diếp thì chuyên tu hạnh đầu đà, dù tuổi già cũng không chịu thôi nghĩ, được Phật truyền tâm ấn, làm vị Tổ Sư số một bên Ấn Độ đầu đà đệ nhưt.

(1) Dịch: thân tử, trí huệ đệ nhưt (2) dịch: đại thái thực thị thân thông đệ nhưt. (3) dịch: đại âm quang đầu đà (4) dịch: đại văn sức, luận nghị (5) dịch: đại tất, đáp vấn, (6) dịch: tinh tú, vô đảo loạn, (7) Châu Lợi là anh, dịch: đại lộ biên sanh; Bàn đà là em,

dịch: tiểu lộ biên sanh. (8) dịch: hỉ, (9) dịch: khánh hỷ. (10) dịch: phú chương. (11) dịch: ngưu ti, (12) dịch: bất động lợi căn, (13) dịch: hắc quang (14) dịch: phòng tú. (15) dịch: thiện dung (16) dịch: vô bản.

Ca Chiên Diên, dịch là Văn Súc: văn chương trau chuốt. Nghĩa là với giữa các trường luận nghị lời của ông ứng khẩu thốt ra là toàn những vẻ văn chương, câu lời rất khó vì nói hoặc bàn ngược luận xuôi ngang hay dọc đảo lộn phía nào lời lẽ cũng đều rất linh hoạt vang reo nên gọi là luận nghị đệ nhưt. Nguyên ông là dòng giống Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc.

Câu Si La, dịch là Đại Tật: đầu gối lớn. Thuở ông còn tu học bên phái Ngoại đạo chuyên môn đọc thuộc lòng được mười tám bộ kinh sách sau khi đầu Phật xuất gia, tu chứng được bốn pháp biện tài với giữa những cuộc hạch hỏi, lời lẽ của ông rất trôi chảy nên gọi là thiện vấn đáp đệ nhưt.

Ly Bà Đa, dịch là Tinh Tú: ngôi sao Tú Nhon cầu đảo ngôi sao ấy mà được kết quả sanh ra ông, nên đặt tên bằng tên của vì sao kia. Tâm của ông không hề điên đảo loạn tưởng vì tu pháp chánh định đã thâm nên gọi Vô đảo loạn đệ nhưt.

Châu Lợi, dịch là Đại Lộ biên sanh: Anh lớn đê bên đường. Bàn đà già, dịch là Tiểu lộ sanh: Em nhỏ đê dọc đường; bởi vì hai anh em đều do đê nơi lộ. Số là, khi mẹ sắp lâm bồn, phải về nhà của cha mẹ đê đê sanh mà lần nào cũng mới về tới giữa đường đã nở nhụy. Ông Bàn Đà Già nonh Phật dạy nửa bài kệ mà đã mấy tháng học không thuộc, nhờ Phật giải thích mới tỏ ngộ được, phát minh ra thần thông, biệt tài vô cùng nên gọi là thiện trì nghĩa đệ nhưt.

Nan Đà, dịch là Thiện Hoan Hỷ: hay vui vẻ, em ruột của Phật Thích Ca, ông có cái thân thể tướng mạo rất đẹp gần bằng Phật, nên gọi là Dung nghi đệ nhưt.

A Nan Đà, dịch là khánh hỷ: vui mừng, em con nhà chú của Phật, ông đã học thông nhiều kiếp nên gọi là đa văn đệ nhưt. Làm thị giả hầu Phật trong những thời nói pháp; sau khi Phật nhập diệt ông kết tạng kinh. Được đức Ca Diếp truyền tâm ấn làm vị tổ thứ hai bên Ấn độ.

La Hầu La, dịch là Phú Chương: Phủ che. Nonh vì kiếp trước lấp hang làm cho con chuột bị che phủ dưới đất sáu ngày nên nay ông bị quả báo ở trong bào thai của mẹ sáu năm mới được

sanh ra. Ông có cái hạnh nguyện bí mật là với một nghìn đức Phật trong kiếp trụ này, mỗi Ngài lúc còn tại gia ông cũng đều làm con rồi cũng theo xuất gia, như Thái Tử Sĩ Đạt Ta khi còn tại gia thì ông làm con, lúc Ngài xuất gia thành Phật Thích Ca thì ông cũng theo đi tu v.v... với cái hạnh nguyện kín đó, chỉ có Phật mới có thể biết được nên gọi là Mật hạnh đệ nhất.

Kiều Phạm Ba Đề, dịch là Ngu ru ty: Trâu nhơi. Bởi kiếp trước nhái điều để khinh thường một vị Lão Tăng rụng răng ăn cơm nhai trệu trạo cái miệng, ông đã học bộ nhái điều, lại còn nói lớn mặt rằng: Sư ông ăn sao cái miệng như con trâu nhơi. Thế nên mắc báo đọa làm trâu đã ở trăm kiếp, nay dù chứng quả La hán, nhưng còn cái tật dư thừa là thói quen bằng cách miệng cứ nhai hoài như trâu, dù không ăn gì mà miệng cứ nhai luôn. Ở giữa nhơn gian, e người đời không biết là bực Thánh, thấy thế cũng khinh điều mà mắc tội lỗi, nên Ngài thường ở luôn trên cõi trời, chư thiên đều biết kính lạy cúng dường. Đó là Ngài vâng lời Phật chỉ định, nên gọi là thụ thiên cúng đệ nhất. Vậy đời nay, đối với bực già bệnh dù có cái tật chi, các thầy thiếu niên chứ không nên điều cợt nhái lòn, phải kính dè nhớ lấy.

Tân Đầu Lư Phả La Đọa, dịch là Bất động lợi căn: Ý thức chẳng động, căn tánh rất thông lợi. Thường thụ hưởng trai phạm thiện tín đời mạt pháp cúng dường, để làm phước điền cho nhơn gian; hễ trai chủ nào mà thiết đàn trai tăng thành kính, thì ngài ẩn ngàm đến lẫn lộn trong chúng tăng để chúng cúng, nên gọi là phước điền đệ nhất.

Ca Lưu Đà Di, dịch là Hắc Quang: đen ngời. Vì cái da đen huyền có ánh ngời, lãnh mạng làm Sư giả của Phật. Với cái nhiệm vụ giáo hóa, ông có cái sở năng rất hay khéo hơn hết, nên gọi là thiện giáo hóa đệ nhất.

Kiếp Tân Na dịch là Phong Tú; Sao Phòng. Trước khi đến đầu Phật xuất gia, đi giữa đường gặp mưa vào nghỉ ở nơi nhà làm đồ gốm, Phật biết trước, bèn hóa thân làm một nhà sư cũng đến xin ngủ trú núp mưa, nhà sư ấy vì nói pháp cho nghe, liền chứng đạo quả La hán. Nhà sư thâm phép hoàn nguyên lại là hình Phật, ông rất tinh tường về khoa thiên văn, nhứt là rõ biết sự biến hiện của các ngôi sao, sẽ có cát hung thế nào nên gọi là tri tinh tú đệ nhất.

Bạt Câu La, dịch là thiện dung: hình dung khéo. Nghĩa là tướng mạo nghiêm chỉnh. Nguyên kiếp trước có thí thuốc cho một

nhà Sư bịnh bằng một trái cây, nhà Sư ăn quả ấy liền được lành bịnh; nên đời nay ông được kết quả bằng những hiệu nghiệm là lâm vào năm chỗ rất nguy hiểm mà không chết. Lại, kiếp trước giữ giới bất sát sanh, nên đời nay sống lâu được một trăm sáu chục tuổi nên gọi là thọ mạng đệ nhất.

A Nậu Lô Đà, dịch là Vô Bần: không nghèo. Nhon vì kiếp trước, đem cơm bằng gạo lúa tấc cúng cho vị Bích Chi Phật, nên về sau suốt chín mươi một kiếp được cái phước báu muốn chi... được nấy nên gọi là không nghèo. Nay tu pháp Tam muội chứng được thiên nhãn thông thấy biết sáng suốt nên gọi là thiên nhãn đệ nhất.

Mười sáu đức Tôn giả trên đều là: Trong tâm chứa kín đức trí của Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày uy nghi của Thịnh Văn, thường theo sát cánh Phật, để phụ giúp mọi việc giáo hóa, nên được ghi vào đây, còn các La hán khác rất nhiều mà không được ghi, là vì ở xa chẳng thường theo Phật để phụ tá.

Câu “Như thế cả các đệ tử lớn” là nói tổng quát cả vô lượng thánh Thịnh văn giữa pháp hội kỳ viên đạo tràng.

Với các đức Bồ Tát lớn, như là: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Kiên Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường tinh tiến Bồ Tát, còn nhiều các đức đại Bồ Tát như thế nữa.

Đây là ghi về chúng hàng Bồ Tát: câu đầu là nêu lên cái giới: loại từ Văn Thù sắp xuống là chỉ riêng về mỗi đại danh: câu rốt là số Bồ Tát còn nhiều đến vô lượng mà ghi bằng cách nói tổng quát.

Bồ Tát, gọi đủ là Bồ đề tát đỏa, dịch là: Đại đạo tâm chúng sanh, nghĩa: chúng sanh này đã thành tựu cái tâm đạo lớn, vì Bồ Tát thường hay đồng thời xoay ra cái đức độ cả bi lẫn trí để làm việc phổ lợi cho mình và người. Đại luận thích nghĩa rằng: Bồ Đề gọi là Phật đạo, Tát Đỏa gọi là thành chúng sanh, là nói: dùng đạo Phật để làm những việc lợi ích cho chúng sanh được nên người hiền lành thì gọi là bồ đề tát đỏa.

Phật xưng là Pháp Vương, còn Bồ Tát hay nói dối theo Phật để thanh hành giáo hóa, làm bực thượng thủ giữa chúng, nên xưng là Pháp vương tử. Luận Đại Trí Độ, cuốn 29 nói: Phật làm Pháp Vương. Bồ Tát đương tiến vào địa vị của pháp vương nên gọi là Pháp Vương tử, cả thập địa Bồ Tát đều xưng là Pháp Vương Tử v.v...

Xá Lợi Phát là bực Quyền Trí đệ nhất giữa chúng Thỉnh Văn; Văn Thù là bực thật trí đệ nhất giữa chúng Bồ Tát; A Dật Đa tức Di Lặc là đấng sắp bỏ xứ thành Phật ở tiểu kiếp thứ 10 (Thích Ca ở tiểu kiếp thứ 9) Kiên Đà Ha Đề dịch là Bất Hưu Tức: chẳng thôi nghỉ, vì vẫn tu hành đã nhiều kiếp mà chẳng hề tạm nghỉ. Thường tinh tấn; với cái nhiệm vụ tự lợi lợi tha, siêng làm mãi kiếp nọ tốt kiếp kia chưa hề biết mỏi.

Bồ đề tát đỏa là: Khai sĩ, Thủ sĩ, Cao sĩ, Đại sĩ. Các Đại sĩ như Văn Thù, Di Lặc v.v.... trên đây là quả vị đã thâm sâu, hãy còn chí nguyện thân cận đức Di Đà thay, bằng chúng là danh hiệu của các đại Bồ Tát ấy còn ghi trong hội thuyết pháp này như trên đó, vậy kính mong các nhà tu học Phật hiện nay và sau, chớ nên coi thường pháp niệm Phật tịnh độ mà gây lấy cái lỗi chẳng nhỏ, vì các người đã hơn các đức Văn Thù... kia chưa?

Và, Trời Thích Đề Hoàn Nhon, cùng tất cả các Trời nhiều đến số vô lượng, họp thành đại chúng nơi pháp hội Kỳ Viên.

Đây là ghi về chúng trời và người dự hội.

Thích Đề Hoàn Nhon, dịch là năng tác thiên chủ: hay làm trời chủ, vì Đạo Lợi, dịch là tam thập tam thiên: Ba mươi ba nước trời, giữa 33 nước trời ấy, ông Thích Đề Hoàn Nhon làm chủ tể ở trung ương. Cả 33 cõi trời ấy, chung lại là một cõi thứ hai trong sáu cõi Trời Dục ở hạ giới.

Câu “Thích Đề Hoàn Nhon đấng”, chữ Đấng: Thầy, là cả thầy các trời ở ba giới mười phương, nên nói: Các Trời nhiều đến số vô lượng.

Lại nói vô lượng chư Thiên là bao quát cả chúng Bát bộ thiên long; phàm những chúng có duyên với pháp tịnh độ được dự hội nơi Kỳ Hoàn này, đâu chẳng kể suốt cả.

Các Thánh Thỉnh Văn tâm trụ nơi “không” thường đi theo bên Phật, nên ghi ở trước; các ông trời và chúng nhơn lòng còn trụ nơi “Hữu” thường làm phái ngoại hộ Tam Bảo, nên ghi ở sau; chỉ có các Thánh Bồ Tát thường hành cái đạo lý trung bình, nối thành Phật hóa, như bóng theo hình, nên ghi ở trung gian.

Từ Như thị ngã văn... đến chư thiên đại chúng cu, là “lời thông tự đã rồi”. Thông tự: tựa thông đồng, nghĩa là cả tạng Kinh đoạn văn ở trước đầu mỗi cuốn đều để lời tựa phổ thông như thế; cũng gọi rằng lời tựa để làm chứng tín.

LỤC ĐẠO (cũng gọi là Lục Thú)

Ba thiện

1 Thiên - đạo — Các Trời ở tam-giới : sáu loại trời hạ-giới đều có hình nam tướng nữ, phu-phụ đem dục mà sinh ; mười tám loại trời trung-giới chỉ có nam, không nữ, vì là hóa-sanh ; bốn loại trời thượng-giới không cái thân huyết nhục, chỉ có cái thức, ba giới ; đều sanh dục.

2 Nhơn - đạo — Các nhơn loại ở bốn châu, đều có : giàu nghèo, sang hèn, trí ngu, hiền gian, tướng tốt, tướng xấu, thân hình con trai, thân hình con gái, hành đâm dục, chứa đẻ.

3 Tu - La đạo — Loại A-Tu-La có bốn thứ : ở trời giống trời, ở người giống người, ở Quỷ giống Quỷ, ở Súc giống Súc ; loại ở trời : con trai tướng xấu, con gái tướng tốt, hưởng phước bằng trời, mà đức chẳng bằng trời, ôm lòng tặc đồ tánh ưa chiến đấu, để giành quyền với trời, dù bại trận gãy tay đứt đầu lại hoàn hình sanh tay đầu như cũ.

4 Súc sanh đạo — Cả ba chỗ : dưới nước, trên không, đất liền, đều phi cầm tẩu thú, bọ, bầy, mây, cựa, côn, trùng rất nhỏ, cả các loại bàng-sanh đều có cái khổ ăn nuốt lẫn nhau.

5 Ngạ qui đạo — Phan làm ba phạm chín loại : hạng có phước đức là các qui ở Núi, đình, miếu, vì có quốc-tể làng thờ ; hạng vô phước đức, dù với máu mỡ còn chẳng có để ăn, hương là ai thờ cúng, ngàn kiếp chưa nghe đến tiếng nước uống ! Thường chịu đói khát !

6 Địa ngục đạo — Có mười sáu ngục lớn là : Tám sở nóng, tám sở lạnh, ngoài ra còn có 36 ngục, một trăm tám ngục, giữa Núi, giữa nước, giữa đồng hoang ; khổ hành tội ở ngục lớn, không ngọt mật phứt, ngục nhỏ có khi tạm nghỉ, rồi khảo lại nữa chịu khổ hoài.

Đạo; đường; thú; đến. Là đường sá của chúng sanh đi luân hồi, nên gọi là lục đạo chúng sanh đều do nơi nghiệp thiện, nghiệp ác mà đến đó để chịu sanh, nên gọi là lục thú, Kinh Pháp Hoa tự phẩm nói: Lục đạo chúng sanh, sanh tử sở thú.

Sáu cái tướng hành dục của sáu trời Dục giới: 1 Trời Tứ Thiên Vương và Trời Đao Lợi (Ngọc Hoàng) khi hai ông bà hành dâm với nhau bằng cách như chồng vợ dưới nhơn gian là lưỡng thân giao hội. Ba trời Dạ Ma hành dâm cách chỉ ôm nhau hôn mà có chữa. Bốn Trời Đâu Suất hành dâm bằng cách chỉ nắm tay nhau mà thành thai. Năm Trời Lạc Biến hóa khi hành dâm bằng cách chỉ cứ ở với nhau mà cũng có mang. Sáu Tha Hóa Tự Tại lúc hành phu phụ chi đạo bằng cách là chỉ ngó nhìn với nhau rồi cũng nhâm thần kết tử. Tóm lại, để bằng cách hành dâm thai sanh nên gọi là Dục giới.

THẦN BÁT BỘ	1 Đê - Bà (Deva) — Dịch là Thiện : trời. Hưởng phước vi-diệu thiên-nhiên, vì kiếp trước có giữ ngũ giới, hành thập thiện, tu tứ thiền, nên nay kết-quả được thế. Tức là các trời ở ba giới, cộng có hai mươi tám tầng trời.
	2 Na - Đà (Nàga) — Dịch là Long : Rồng Các Rồng : giữ cung-điện trời, giữ địa-luân, làm mưa. Có thông lục thăng-giáng, ân hiện, được tự-tại ; nhưng khi hành dâm và lúc ngủ phải lộ nguyên hình Rắn.
	3 Dạ-xoa (Yaksa) — Dịch là Dưng kiện, cũng tên là bạo ác. Bay trên hư không, đi nơi địa lục, đều rất nhanh chóng, hoặc giữ nơi các cửa khuyết, và thành trì của Thiên-Đế-Thích.

4 Kiền-thất-bà

(Gandharva) -- Dịch là Hương âm : ẩm thân thơm nghĩa là thân ngũ âm sống bằng ăn các vị hương. Chẳng dùng từ nhục làm vị thần hầu Đấng Thích đề tấu âm nhạc về bài tu-nhạc.

5 A-Tu-La (A Sura)

-- Dịch là Không đoạn chánh. Lại dịch là phi thiên : có phước như trời, mà không có đức như trời, và chẳng có ngôi như Đấng-Thích vì kiếp trước tu cái nhờn bỏ-thí bằng cách gán hận, nên nay chiêu cảm lấy kết-quả như thế.

6 Ca - Lâu - La

(Garuda) -- Dịch là Kim sủy điều : chim cánh vàng. Hai cánh sè ra cách nhau đến ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, trên đỉnh có viên ngọc như-ý. Có bốn loại chim bằng noãn thai thấp hóa, bắt bốn loại Rồng bằng noãn thai thấp hóa để ăn.

7 Khẩn - Na - La

(Kini Nara) -- Dịch là Nghi nhờn : ngờ là người, vì trên có sừng, nên dù giống người mà lại chẳng phải người, tron kính gọi là nhờn phi nhờn. Cũng vị Thần đánh nhục bằng pháp nhạc cho Đấng-Thích nghe.

8 Ma-Hầu-La-già

(Mahoraga) -- Dịch là Đại-phúc-hành : bụng lớn đi, tức là Thần Rắn, mình người đầu Rắn. Hoặc dịch là Đại-mãng-Thần. Địa-Long-Thần.

Tám bộ chúng trên thấy ghi trong Kinh Xá Lợi Vấn; với tám bộ ấy, nhục nhãn của loài người không thể trông thấy, vì phước nghiệp khác nhau. Giữa tám bộ, hai chúng Trời và Rồng có thân nghiệm khác hơn, nên gọi là Thiên Long Bát bộ, thường hầu Phật những thời thuyết pháp. Vì kiếp trước chỉ tu học về Kinh Luận thắng phần hơn, nên nay làm thân hộ pháp. Mà lẫn lộn trong các giới quý thần, là vì ít tu học về giới luật, nên nay chưa được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Ngài kêu Cụ Trưởng lão là Xá Lợi Phất để bảo rằng: Từ thế giới Ta-bà đây, về phía tây qua cách mười muôn ức cõi nước Phật. Bên ấy có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có đức Phật, hiệu là A Di Đà, hiện nay Phật ngài đương còn thường thuyết pháp cho chúng sanh bên ấy nghe [các Kinh đều có lời biệt tự, để tựa bày cái lý do về sự phá khi của bộ kinh; ở đây môn tịnh độ là một thắng pháp, không ai có thể biết để hỏi, Phật ngài nhơn nơi cơ duyên đã đến, chẳng đợi ai cầu thỉnh, ngài tự nói ra, nên chẳng có đoạn văn do khi, vậy tạm lấy đoạn này làm lời biệt tự.]

Đoạn đây chỉ rõ ra bằng cách tổng quát về cái danh của cõi y báo là thế giới Cực Lạc, hiệu của đức giáo chủ là A Di Đà.

Số là, với các bộ kinh kia đợi có người đứng ra thỉnh giáo, Phật Ngài mới thuyết pháp. Chừ với Kinh này đây, thì chẳng như thế; nhơn vì với cõi Cực Lạc là chỗ chơn chánh quy túc, để cho chúng sanh trong chín giới đồng về lập mạng an thân; với câu A Di Đà Phật là phương pháp tiện nghi, rước dẫn chúng nhơn đều đặn siêu sanh độ tử. Bên phái tu tiểu thừa họ ít biết đến, cả lực đạo chúng sanh không nghe, vì vô duyên thiếu căn lành đối pháp môn tịnh độ! Còn chúng có căn duyên đặc điểm này, nhờ đức Thích Tôn sẵn lòng từ không đợi, làm đức thầy chẳng mời, chính miệng thốt lời kêu bảo Xá Lợi Phất, để rộng thêm khen ngợi cái nhơn thắng diệu của tịnh độ; vì chẳng những chỉ đương thời pháp hội kỳ hoàn được thấm nhuần ích lợi mà thôi, đến cả chúng nhơn ở thế giới về sau cũng đều được nhờ pháp niệm Phật này làm chỗ nương về cứu cánh nữa là khác.

Vả luận: với tông tịnh độ, có ba bốn kinh chuyên môn, mà tiểu bản đây là phương pháp rất giản tiện, vì về phần lượng thì, văn tự dón ít mà ý nghĩa hàm nhiều; với pháp niệm Phật có bốn

cách mà về phép tu “trì danh niệm Phật” lại riêng được chóng tắt hơn, chỉ có một câu sáu tiếng, chuyên niệm nội trong bảy ngày, hễ đặng “nhứt tâm bất loạn” là chắc được vãng sanh sang cõi tịnh của Phật.

Chính như chỗ bảo: tu các pháp khác, dường như con kiến bò từ dưới chân lên đánh núi cao; có công tu pháp niệm Phật, tựa như ghe buồm bọc gió đi dòng nước thuận. Lại ví: con mọt ở trong cây tre, muốn ra mà cứ đi thẳng lên thì khó, vì phải đục thủng qua nhiều lỗng đốt; còn khoét lỗ ngang chun ra thì dễ vì chẳng hao công nhiều ngày.

Tu pháp niệm Phật cách trì danh đây cũng như thế, vì siêu xuất tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, và được vãng sanh bằng cách mang nghiệp theo, bởi có nguyện lực của Di Đà hướng dẫn, và chư Phật sáu phương hộ niệm; còn tu theo các pháp môn khác thì đâu đặng như thế, vì phải dứt cho hết nghiệp chướng kiến hoặc, tư hoặc mới được ra khỏi ba giới bằng cách từ bụi đi dọc, như Thịnh Văn phải chứng từ Sơ quả đến tứ quả mới ra khỏi tam giới, còn Bồ Tát cũng phải trải qua từ tam hiền đến thập Thánh, và lại chỉ tự lực, chứ chẳng có tha lực gia hộ gì!

Hỏi: Rằng mười muôn ức cõi Phật, mà mỗi một cõi vậy là bề rộng chừng bao nhiêu?

Đáp: cõi Phật, với bề rộng hoặc lớn hay nhỏ, không thể nhứt định hạn cuộc được; như cõi Phật của đức Thích Ca đây là cõi Ta-bà thì lấy một tam thiên thế giới làm một cõi Phật; các phương khác thì: hoặc lấy hai tam thiên thế giới làm một cõi Phật... hoặc hẳn đến lấy ngàn tam thiên thế giới làm một cõi Phật; muôn tam thiên thế giới làm một cõi Phật.

Như Kinh Pháp Hoa, Phật thụ ký cho ông Phú Lô Na qua đời vị lai sẽ thành Phật, lấy hàng hà sa số tam thế giới làm một Phật quốc. Do đấy so sánh ra thì cõi Ta-bà rất là nhỏ bé, vì chỉ có một tam thiên thế giới.

Thế nhưng, luận về cái chỗ xa hay gần của thế giới thì lại còn có sự và lý: So về sự, dù có cái bề xa bằng mười muôn ức cõi Phật, mà so về lý thì nó không cách một gang tấc nào.

Đây, kinh Lăng Nghiêm nói: “Cái hư không nó sanh trong đại giác (**chơn tâm**), tựa như một bọt nước nổi giữa biển. Các cõi nước nhiều như vi trần của pháp hữu lậu, đều nương giữa hư

không để phát sanh. Bọt nước tiêu tan, cũng như cái hư không tiêu, hư không còn tiêu thay, huống là tam giới”.

Thế nên, tất cả quốc độ nhiều như số vi trần, dù tịnh độ uế độ trong mười phương thế giới đều nương nơi tự tâm (**đại giác**) để gây dựng, mà tự tâm nó tròn bọc cả hư không, thế, với mười muôn ức cõi Phật kia đâu phải là xa, còn thân tự tâm lại nó ở trước mắt, thì mười vạn ức Phật độ ấy cũng phi là gần. Vậy, biết gần hay xa gì cũng vẫn là nhưt như.

Những người niệm Phật, nếu mỗi niệm cùng tương ưng với Phật, thì tâm niệm của người tức tâm niệm của Phật, kêu bằng tâm tức Phật, Phật tức tâm. Niệm Phật mà tiến đến trình độ đó, thì đã chẳng cách bức nhau với Phật Di Đà mà cũng chẳng xa cách nhau với chôn bửu sở (**Nhứt thừa thật tướng**).

Đây là, so về lý tánh, thì tịnh độ tuy gần, mà với sự tướng thì có con số mười muôn ức cõi rõ ràng. Với sự tướng thì quốc độ, giới hạn tuy nhiên, mà mỗi bước bước đi trong hằng ngày, không bước nào là không đạp trên cõi Cực Lạc, vì tâm tịnh độ tịnh thì bộ bộ giai như, rất mau thay với lẽ duy tâm, chẳng thể nghĩ bàn đặng!

Rằng có thế giới tên là nước Cực Lạc, đó là chỉ cõi y báo; các nước Phật ở thập phương, nước nào cũng đều có bốn cõi, đều phân ra có cõi tịnh, có cõi uế; chỉ có nước Cực Lạc, bốn cõi đều tịnh, thế đều là nhờ công đức xứng lý tánh bởi hạnh nguyện của Phật Di Đà và pháp niệm Phật tam muội của chúng nhơn tu được phần hơn mà cảm ứng nên bốn cõi đều tịnh như thế.

Rằng có đức Phật hiệu là A Di Đà, đó là chỉ rõ cái danh của Giáo chủ ở cõi Cực Lạc kia. Là nói: Nước Cực Lạc thì có đức Di Đà làm chủ để giáo hóa, tiếp dẫn người niệm Phật; cũng như nước Ta bà có đức Thích Ca làm chủ để dạy người tu niệm Phật.

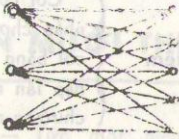
Về phân chung để luận: thì mỗi đức Phật đều có 3 thân là Pháp thân, Báo thân, và Hóa thân. Lại với ba thân đều có đơn, kép, và ba thân ở nơi bốn cõi như thế nào, sẽ thấy biết ở cái biểu đồ dưới kia.

Rằng hiện nay đương còn thuyết pháp, đó là nói cho phân biệt với: quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, mà với hiện tại đây, nào những chỉ một đức Di Đà nói pháp, mà cả đến: nước, chim, cây, rừng đều thường thường diễn thuyết trong bằng giờ, tiếng pháp không hề dừng nghỉ. Chúng sanh nghe pháp, liền mở trí huệ của tự tánh Phật ra, mau chứng lên đạo quả vô thượng của Phật, mà tiếng

pháp ấy vẫn thường diễn thuyết mãi đến đời vô tận vị lai, cũng chẳng ngừng dứt.

Tam Thiên Thế giới

- 1 Tiểu thiên** (một ngàn nhỏ) -- Là một cõi Nhị-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn cõi Sơ - thiên sơ thiên sắp xuống.
- 2 Trung thiên** (một ngàn vừa) -- Là một cõi Tam-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn cõi Nhị - thiên Nhị - thiên sắp xuống.
- 3 Đại thiên** (một ngàn lớn) -- Là một cõi Tứ-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn Tam-Thiên sắp xuống.

Trùng có	}	Một nghìn		Bốn châu lớn
		Trăm muôn		Nhật nguyệt
		Muôn ức		Núi tu di
				Sáu trời, đực Trời phạm ma

Bề dọc là 3 giới bề ngang là ba ngàn thế giới, chung lại là một cái cảnh giới của một đức Phật phân thân ra hàng ngàn trăm ức ứng thân để giáo hóa. Mà nước Cực Lạc thì ở ngoài số mười muôn ức cái tam thế giới. Lại nói nước Cực Lạc cách nhau với nước Ta-bà bằng con số mười vạn ức cõi Phật nhưng Ta-bà Cực Lạc cũng đồng ở trong lớp thứ mười ba của hai mươi lớp hoa tạng thế giới nhiều như số vi trần trong mười ba cõi Phật để bao vây giáp vòng ngoài lớp thứ mười ba đó, nghĩa là với lớp thứ mười ba thì có mười ba Phật để bao vây chung quanh.

Với hình và lượng của hai mươi lớp hoa tạng thế giới, đã có biểu đồ giải rõ ở sau hai câu Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tánh hải của tập thượng rồi.

CỰC - LẠC BỐN CÔI ĐỀU TỊNH

**1/ Cõi phàm thánh
đồng - cư**

Quốc-độ bằng bảy báu, rất thanh-tịnh trang nghiêm, nào lục phàm, nào tứ thánh, biên chúng rõ rõ, chín phàm chung ở, yên-vui thành-thời.

**2/ Cõi phương-tiện
hữu - dư**

Cõi tốt bằng thất-bửu, ánh đẹp rực-rỡ suốt lẫn với nhau, các thánh Thịnh-văn nhiều đến vô-lượng, ở đây nhày từ mặt đất lên đến trên chốn hư-không.

**3/ Cõi thật-báo
trang-nghiêm**

Cõi của bực pháp-tánh bò-tát ở, vị hành pháp chơn thật, cảm được quả-báo tốt lạ, cõi bằng bảy báu trọn tốt, mây lông nó dung nạp lẫn nhau với cõi Phật, thân-thể không chướng-ngại với quốc-độ.

**4/ Cõi thường
tịch quang**

Chơn-tánh thường ở, vắng-lặng suốt soi, tánh lý sắc tướng đều lẫn hòa, lý và trí như một. Đây là chỗ ở của thanh-tịnh pháp-thân Phật Tỳ-lô Cha-na.

_____ Đây chỉ riêng nói về nước Cực-lạc : Cả bốn cõi đều thuần là thanh tịnh trang nghiêm, vì địa-cầu bằng kim-ngân thất-bửu, nên cõi phàm thánh đồng-cư vẫn tịnh-độ. Còn các cõi phàm thánh đồng-cư ở phương khác như cõi ta-bà đây chẳng hạn thì, có đều có uế-trược, vì chúng - sanh tâm còn ba độc mười ác.

PHỤ CHÚ: Thiên thai tông lập ra bốn thứ Phật độ: Phàm thánh đồng cư độ là một: Một quốc thổ mà gồm cả loài người, loài Trời, phàm phu, các thánh Thịnh văn, Duyên giác đồng ở lẫn nhau. Cõi này có hai thứ là tịnh thổ, uế thổ, như Cực Lạc phương tây là đồng cư tịnh thổ; thế giới Ta-bà đây là đồng cư uế thổ. Phương tiện hữu dư độ là hai: là chỗ sống ở của loài người đã dứt được hai thứ phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, ra khỏi sanh tử của tam giới. Thế là chỗ sống ở của những người tu đạo phương tiện của tiểu thừa, đã dứt hết hai hoặc kiến tư, nên gọi là phương tiện; với hai cái hoặc trần sa, vô minh chưa dứt hết, nên gọi là hữu dư. Lại là

chỗ ở của bảy bậc người tu pháp phương tiện, nên gọi là phương tiện độ. Bảy bậc người là: hai người Thịnh văn, Duyên giác bên Tạng giáo, ba người Thịnh văn, Duyên giác, Bồ Tát bên Thông giáo, một người Bồ Tát bên Biệt giáo, và một người nữa là

Thế nên Tổ Thiên Thai đại sư dạy người chỉ quán một niệm tức không, tức giả, tức trung, thì có mười Giới các pháp Tánh, Tướng, đầu chẳng đủ, nếu hay từ đây tinh tiến, thì thăng tiến lên bậc Thánh, không ngờ gì nữa.

mãn biến tình. **PHÁP QUÁN MƯỜI THỪA**

- 1/ **Quán cảnh bất tư nghị** — Tức một niệm hiện tiền, là cảnh màu sớ quán.
- 2/ **Chính phát tâm bồ-đề** — Nương trên cảnh màu, đề đấy cái thể nguyện lớn.
- 3/ **Thiện xảo an tâm chỉ quán** — Khéo dùng pháp chỉ pháp quán, đề an trụ lòng đạo.
- 4/ **Phá pháp khắp** — Lấy ba pháp quán hay, đề phá khắp cả các pháp vọng mê.
- 5/ **Biết thông tắc** — Sanh-diệt pháp ác đó là bế tắc, vô sanh pháp lành đó là khai thông.
- 6/ **Đạo phẩm điều thích** — Ba mươi bảy đạo phẩm đề điều hòa cho định và huệ quân bình với nhau.
- 7/ **Đối trị giúp mở** — Với chánh-đạo khó phát-triển nên cần phải có trợ-đạo.
- 8/ **Biết ngôi thứ** — Biết được ngôi thứ của Thánh-hiền, đừng khởi cái lỗi thương mạn thối lui.
- 9/ **Hay an nhẫn** : — Gặp cảnh thuận nghịch, tâm chẳng động, có thể tiến lên bậc Thánh.
- 10/ **Lìa pháp ái** — Chớ chấp yêu pháp tương tợ, mới có thể tiến lên bậc sơ-try pháp tánh.

Đồng thể Tam-bảo	}	Chân-trí bản-giác	—————	Phật	}
		Thực-tưởng lý-tánh	—————	Pháp	
		Lý-trí hòa-hợp	—————	Tăng	

Tánh đủ Tam-bảo	}	— Chúng ta cái tâm hiện-tiền		}	Ba-trí linh-giác	Phật
		mặc dù với			Ba-đế các-pháp	Pháp
		tánh còn mê			Đế-lý hòa-hợp	Tăng
		chớ vốn đủ				

Biệt-tướng Tam-bảo	}	Pháp-thân, Bảo-thân, Ứng-thân	—	Phật
		Ba thân chỗ nói ra giáo-ly	—	Pháp
		Ngôi bực Thánh-hiền ba thừa	—	Tăng

Tiểu-thừa Tam-bảo	}	Một tượng sáu kém ứng, giống cái tướng Tỳ-kheo	}	phật
		Tợng-giáo : 4 đế, 12 nhân-duyên và lục-độ		
Đại-thừa Tam-bảo	}	Tợng-giáo : 3 thừa, và phạm-phu tăng 3 thân, 10 thân, và thẳng ứng	}	pháp
		Báo-thân Pháp-nhị không, pháp tam-không viên-giáo, biệt-giáo		
Tối-sơ Tam-bảo	}	Viên-giáo biệt-giáo : 10 Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đăng-giác	}	tăng
		Thích-Ca sơ thành Phật-Đạo tại Lộc-dã-uyển nói pháp tứ-đế Sơ-độ năm Thầy Tỳ-kheo v.v...		
Tự-trì Tam-bảo	}	Tượng bằng : vàng, gỗ, đất, giấy, hoặc chặm, đắp, vẽ	}	
		Lá Bối, bìa vàng gáy đỏ, cả đại-tạng, tục-tạng, Cạo tóc, màu đà, đầu tròn áo vuông, 10 giới		

Đơn: chỉ một thân; **Phức:** cặp hai thân. Thân bằng tự tánh, thanh tịnh là thân tâm của các đức Như Lai vẫn là chơn tịnh pháp giới, lia tướng vắng lặng, đủ công đức chơn tịnh là cái thật tánh đối tất cả pháp vẫn bình đẳng cái tự tánh ấy, gọi là Pháp thân, vì chỗ của đại công đức y chỉ.

Cái thân Tự thụ dụng là các đức Như Lai từ vô số kiếp tu tạo vô lượng phúc huệ, kết tinh được cái sắc thân bằng viên mãn biên tịnh, thường tự thụ dụng những pháp vui quảng đại.

Cái thân Tha thụ dụng, là các Như Lai do nơi trí bình đẳng mà thị hiện ra cái thân vi diệu tịnh công đức, ở cõi thuận tịnh độ, vì chúng Bồ Tát trên thập địa, để nói pháp, quyết nghị khiến Bồ Tát được thụ dụng đại thừa pháp lạc.

Cái thân bằng thị hiện ra, là hợp theo cơ duyên mà chư Phật, Bồ Tát thị hiện ra mỗi mỗi thân, như đức Quan-âm thị hiện ra ba mươi ba thân trong phẩm Phổ Môn đã ghi đó.

Cái thân bằng ứng hiện ra, là đối với Bồ Tát bực sơ địa để ứng hiện ra thì gọi là Thắng ứng thân; đối với ba chúng Hiền trước Thập địa và bực Nhị thừa để ứng hiện ra thì gọi là Liệt ứng thân, như thần tượng sáu của Phật Thích Ca đó.

Cái thân bằng Phật giới, là cảnh giới tức quốc độ của Phật: Kinh Phạm Võng nói: “Hay chuyển đổi cõi Ma vào cõi Phật v.v...”

Cái thân bằng tùy loại, tức là cái thân biến hóa: Đức Như Lai do nơi cái trí thành sở tác biến ra mỗi Hóa thân tùy theo mỗi loại để ở nơi Tịnh độ, Uế độ, vì Bồ Tát chưa chứng lên thập địa nhị thừa loại-dị-sanh thích hợp với cơ duyên của chúng, để hiện thân thông thuyết pháp hóa độ cho được lợi lạc.

Tự tánh thân	Pháp-thân	
Thụ dụng thân	{ Tự thụ dụng tâm Báo-thân { Tha thụ dụng tâm— <i>Thắng-ứng thân</i> }	} Ứng-thân	
		
Biển-hóa thân		
	Pháp-thân	{ <i>Tự tánh thân</i>	
		{ <i>Tự-thụ dụng-thân</i>	
	Ứng - thân	— <i>Tha thụ-dụng-thân</i>	
	Hóa - thân	— <i>Biển-hóa thân</i>	
Ba tham ở bốn cõi	}	Ứng-thânhiện²	{ <i>Việc-ứng-thân ở cõi Phạm thánh đồng-cư</i>
			{ <i>Thắng-ứng-thân ở cõi Phương-tiện hữu-dư</i>
		Báo - thân	{ <i>Tha thụ-dụng-thân ở cõi Thật-báo trang-nghiêm</i>
		Pháp-Thân trụ ở	{ <i>Tự thụ dụng - thân ở } cõi Thường-tịch-quang</i>

Phương tiện hữu dư, là các thánh Thanh Văn, Duyên giác là những người đã chứng quả cứu cánh của Nhị thừa và các Bồ Tát chưa lên Thất địa, sẽ sanh về Tịnh độ ngoài tam giới. Các vị ấy đều tu cái đạo lý phương tiện của Không-quán mà dứt được kiến hoặc, tư hoặc, nên gọi là phương tiện; chưa tu pháp Trung quán, chưa dứt hết cái hoặc vô minh nên gọi là hữu dư. Thiên thai quán kinh số nói: “Tu pháp phương tiện dứt bốn trụ hữu dư hoặc, nên rằng phương tiện; vô minh chưa hết, nên rằng.

Thật báo trang nghiêm, là trả cho cái nhơn tu tạo muôn hạnh tốt gọi là Thật báo; mà đắc cái cõi tịnh đủ vạn đức trang nghiêm. Tức là nói về Hóa thân đối nơi Hóa độ, nghĩa là chơn Báo thân của Phật, ở nơi cõi chơn Thật báo.

THẬT SỰ NƯỚC CỰC-LẠC HẸN CÓ BỐN NGHĨA

1.- Chính nêu cảnh thật, vì dễ tâm cầu

2.- Lời Phật chỉ bày, vì khiến chuyên tâm.

3.- Riêng phi căn
thành, dương
diệm, chẳng phải
tam thời vì tinh
chỉ vẽ, theo bóng

*giả-dối, cũng phi bảo bằng cách
chênh-lệch, mà là phá các tà
ma, đảo-đảo các quyền tiêu là
cảnh-giới tam-thịa.*

4.- Trọn rõ tánh sẵn
đủ, vì khiến tin sâu

*Ông Tranh-Sanh có cái thuyết ngu-
ngôn, cũng như cảnh-giới trong giấc
mộng con của Tản-Đà Nguyễn-khắc-
Hiếu; nước Cực lạc đây là phi lời
bịa-dặt, vì đây chính đại-nguyên của
Di-Đà-Phật thật hiện thành, cũng do
thanh-tịnh của người niệm Phật
được kết-quả vắng-sanh về ở đó,
bởi tâm hành thanh-tịnh, đắc quốc-
độ thanh-tịnh.*

Cần thành - Dương diệm: Cần thành, tức là kiên đạt phược thành, dịch là thành quách của thần Kiên Đạt Phược, Kiên Đạt Phược dịch: tâm hương, nghĩa: tìm mùi thơm. Bên Tây vực người ta gọi đoàn nhạc kịch hát xướng là Tầm hương, vì bọn ấy có tài năng hay tạo tác trình bày các cuộc huyền thuật, bởi với cái thành quách mị thuật ấy, người ta có thể vào trong dạo chơi được, nên gọi là Tầm hương thành. Cái thành ấy hiện ra bằng cách chỉ là bóng dạng, trông thấy tựa hồ có chữ phi thật sự. Hoặc kêu Dương diệm (ánh nắng mặt nhật) hóa thành là kiên đạt phược thành: các người lái buôn đi nơi núi biển họ thường thấy ánh nắng của thái dương chói lọi hóa thành ra thành quách Kiên đạt phược với trong thành ấy, người ta nghe có những tiếng âm nhạc, nên tây-vực kêu bọn nhạc kịch phường trò là kiên đạt phược (Cần thác bà: Tầm hương), đã gọi chúng là Tầm hương, nên với cái thành kia cũng bảo là Tầm hương thành. Trí Độ Luận cuốn 6 chép rằng: lúc mặt nhật mới mọc, người ta trông thấy cái thành quách kia có

cửa có lầu đài cung điện, nhọn vật ra vào, đến khi mặt trời lên cao, thì cái thành ấy tiêu diệt mất. Vì với thành ấy, chỉ trông thấy thôi, chớ phi thật sự nên bảo là kiến đạt bà thành.

Sách phụ hạnh nói: Với Càn thành, người đời họ bảo là Thần lâu, Thần là con sò lớn, sớm mai nó thở hơi lên, do ánh thái dương phản chiếu mà với nơi còn biển, người ta thấy có hình như lâu đài nhọn vật, nên gọi Thần lâu: lâu các cửa con Sò, cũng chỉ hơi bóng chớ phi thật có.

Sách Huệ uyển âm nghĩa nói: giữa núi thập bửu, có vị thần âm nhạc, tên Kiên đạt phước, các trời trên Đạo lợi, lúc mà muốn thưởng thức nhạc kịch, thì nhạc thần ấy tự cảm biết được liền lên tiền đình, để hiến nhạc kịch. Nhọn đó, nên chi người Tây vực bảo phường nhạc kịch là kiến đạt phước. Cũng vì bọn nhạc kịch kia họ có mẹo thuật làm ra cảnh cuộc tranh ảnh thành quách ấy, nhọn đó cũng gọi cái thành quách của rồng, sò thở hiện kia là càn thác bà thành.

Lời Tám Thập Dụ nói: Thế pháp không khoán, như bử quý thành: sự vật giữa đời rộng trong, tỷ như cái thành của quý Tầm hương. Nghĩa là chỉ thấy có mà không thật.

Xá Lợi Phất! cỡi kia tại sao tên là Cự Lạc? vì chúng sanh ở cõi ấy đã chẳng có các điều thống khổ mà lại chỉ hưởng toàn những phước vui, nên bảo là nước Cự Lạc.

Đoạn đây là nêu lên cái danh nghĩa của cõi Cự Lạc mà giải thích bằng cách tổng quát.

Hai câu trước là nêu lên để gạn hỏi: từ kỳ quốc sắp xuống là giải thích.

Cả các loại ở chín cõi đều gọi là chúng sanh, chỉ có Phật mới chẳng gọi chúng sanh, mà chúng sanh ở cõi Ta bà, ý thức của nó cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, về chỗ chúng cảm chịu là y báo chánh báo đều là uế trược thì có những các điều khổ như: ngũ trược, tam khổ, bát khổ, đến vô lượng nghiệp mê hoặc vì bởi cõi đã uế, thân cũng uế trược nữa. Chúng sanh nước Cự Lạc ý thức toàn chánh niệm, nên chỗ cảm chịu là cõi y, báo thân chánh báo, đều là thanh tịnh thì có những các điều vui như: ngũ thanh, tam lạc, bát lạc, đến vô lượng các điều vui của pháp tánh vì thế giới đã thanh thái, mà thân tâm cũng thanh tịnh nữa.

Sách yếu giải nói: Cự Lạc là cõi phàm thánh đồng cư, chúng sanh được về ở đó, là do cái căn lành tu pháp trì danh niệm

Phật nên hưởng phước đức cũng đồng với Phật A Di Đà nghĩa là bốn cõi đều trọng thanh tịnh, đều trọn hưởng đủ phước vui.

Và lại điều tối thắng của nước Cực Lạc phi ở ba cõi trên, mà chính ở tại cõi đồng cư, bởi vì các cõi đồng cư nơi thập phương đều nhường điều thù thắng của cõi đồng cư ở Cực Lạc, thế thì, ngay nơi đồng cư mà trọn thấy luôn bốn cõi nốt, vì mang nghiệp vãng sanh đi tắt ngang ra ngoài tam giới, đều về ở tại cõi đây cả. Vậy biết Phật Thích Ca ngài nói ra sự khổ vui đó, là để khiến cho người tự nhận bỏ cõi khổ đây mà hoan nghinh lấy cõi vui kia, chúng ta cần hiểu cái ý nghĩa ở chỗ đó.

(Nước Cực Lạc kia thật sự thuộc về cái vui tuyệt đối hoàn toàn thanh tịnh, với lời chú, và trong các biểu đồ dưới, những điều: thanh trực, khổ lạc, đối lập đó là để chỉ dẫn chúng sơ cơ trông thấy nảy lòng chán khổ ham vui thể thôi.)

1.- Kiếp trực

Là thời kiếp ác-trực. Danh nghĩa của kiếp là nó kiêm cả bốn trực sau, nào là các pháp thân tâm tụ hội, đều có thời-tiết vẫn dài, sanh-diệt, trôi rời, vì thời-gian nó trôi qua, không có dừng trụ lại được.

2.- Kiến trực

Là kiến-thức ác-trực. Với những chỗ : đứt mất, thường còn, có, không v.v... chúng-sanh đều chấp một bên, mà thành cái thấy lầm bằng năm lợi-sử. Lại suốt ngày rượt theo hoàn-cảnh, dấy tướng phân-biệt, không tạm ngừng.

3.- Phiền-não trực

Sáu căn đối với sáu trần, nhọn đó, ý-thức nó tùy theo cảnh ngộ nảy ra các cái niệm: mừng, giận, buồn, vui v.v... tức là năm cái độn-sử là : tham, sân, si, mạn, nghi.

4.- Chúng-sanh trực

Tinh cha huyết mẹ thức của con lẫn-lộn chung lại kết thành thân ngũ-ấm thì, có cái ngã-tướng. Cái thân có sanh-tử ấy, nó ở giữa lục đạo, cứ sanh sanh tử tử mãi, để luân-hồi niu liền nhau chẳng dứt.

5.- Mạng-trực

Hơi thở còn tiếp-tục ra vào, là cái căn sanh-mạng của thân, nếu một thở ra rồi không trở lại, thì đồng tro đất. Phật dạy : Mạng sống ở giữa hơi thở hút ; lại bị lạnh nắng đổi thay, dung-nhan biến dần, rút ngắn tuổi sống.

Cái thời gian có năm trực hiện hành trên thế là: về kiếp giảm từ thuở loài người mãi còn sống chỉ hai vạn tuổi, đến thuở chỉ sống còn có mười tuổi. Kiếp trực là chung, bốn trực kia là riêng, nghĩa là trong một kiếp trực nó có bốn trực kia, vì lấy những biến cố của bốn trực kia mà làm một kiếp trực.

Ngũ thanh của cõi thanh-thái tức Tịnh-độ

1.- Kiếp thanh

Nước Cực-lạc chẳng có thời cuộc biến
thảm hóa ruộng dâu, phi ba đời trời
dời, thân thi mãi kiếp chẳng diệt, vì
phi bốn mùa thức giảm.

2.- Kiến thanh

Thường nghe diệu pháp, tâm chỉ chánh
kiến và chánh-tư-duy, nghĩa là nhận
thấy và suy-nghĩ đều chánh (1).

3.- Phiền-não thanh

Đắc tri thanh-tịnh, vẫn không phiền-
não. Là : người tam-thừa có cái trí
thanh-tịnh và vô-lậu, vì không nhiễm
nên lia phiền-não.

4.- Chúng-sanh
thanh

Tự tha bình-đẳng, vì toàn là thiện-
nhơn, không thượng cấp hạ cấp,
đều đắc quả vô-sanh, vì không có ác-
đẳng cấu-xé hóc-lọt nhau.

5.- Mạng thanh

Phật và nhân-loại đều sống vô-lượng
tuổi, vì đều do lấy trí-huệ làm sinh-
mạng, nên không sanh-tử luân-hồi.

(1) Do tâm tìm thấy được chơn-lý của bốn đế là khổ,
tập, diệt và đạo, rồi phát-minh ra. Chánh-kiến là dùng cái tuệ
vô-lậu làm thề, và là chủ thề cả bát-chánh-đạo. — Đã thấy lý
tư-đễ, còn phải tư duy để cho chơn-tri ấy được tăng-trưởng, lấy
cái tâm-sở vô-lậu để làm thề.

Ba khổ của cõi Ta-bà

1.- Khổ khổ

Cả chúng-sanh giữa tam giới đều mang cái
thân phận đoạn sanh-tử đã là khổ rồi, riêng
về chúng-sanh cõi dục thân thô trực hơn,
khổ háo càng nặng.

2.- Hoại khổ

Dù dặng phước vui thanh-tịnh thiên-định ở
Sắc giới, đi ở tự-do đi nữa, mà hễ hưởng
phước hết rồi, thì cái thân phải hoại, vẫn
đọa chịu khổ cõi dục.

3.- Hành khổ

Dầu tu đắc định-lực-sanh ở cõi Vô-sắc, sống
lâu tám vạn kiếp không luy gì đến thân,
nhưng trong thiên-định còn có điều khổ vi-
tế lưu-động !

Ba vui của cõi Cực-lạc	1.- Không khổ khổ	$\left\{ \begin{array}{l} \text{có vui} \\ \text{trong vui} \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Chẳng có cái tình nhiễm về ái-dục, là} \\ \text{đặng thụ hưởng điều yên-vui thanh-} \\ \text{tĩnh không lụy.} \end{array} \right.$
	2.- Không hoại phổ	$\left\{ \begin{array}{l} \text{vui chẳng} \\ \text{biến hoại} \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Cái thân trống rỗng sáng sạch, vì} \\ \text{liên-hoa hóa sanh, là có cái vui không} \\ \text{vật-chất ngại.} \end{array} \right.$
	3.- Không hành khổ	$\left\{ \begin{array}{l} \text{vui trí} \\ \text{bất động} \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Định và huệ hòa lẫn nhau, chánh tri} \\ \text{không bị động, là có cái vui chẳng} \\ \text{biến dời đi đâu.} \end{array} \right.$
Tám điều khổ của cõi Ta-bà	Khô vì :	1.- Bị sanh đê.	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Ở trong thai-bào khác nào như giam trong} \\ \text{lao-ngục, khi lọt lòng mẹ, xương không-khí} \\ \text{lạnh, thống khổ như gió rét cắt thân-thể!} \end{array} \right.$
		2.- Phải già yếu	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Sức giảm yếu, hình dung đổi, tinh-thần suy-} \\ \text{kém, trí nhớ đời lẫn, bước đi lụm cùm,} \\ \text{người ta chẳng ưa gần nữa.} \end{array} \right.$
		3.- Chịu đau-đớn	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Bổn đại không điều-hòa, ê-ảm đau nhức, ăn} \\ \text{ngủ không đặng, ngồi, nằm chẳng yên, thuốc} \\ \text{men cũng chẳng hiệu-nghiệm.} \end{array} \right.$
		4.- Rốt rời chết	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Gân xương như rút giứt nhức-nhối, nghiệt-} \\ \text{cảnh ác-tướng đều hiện ra, hồn vía kinh-} \\ \text{khủng, lo sợ vô cùng!} \end{array} \right.$
		5.- Cầu chẳng đặng	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Vội những danh, lợi, phước, thọ, đến cả sự} \\ \text{này, việc nọ mà người ta tham muốn mưu-} \\ \text{cầu, nhưng không mấy khi toại được như ý.} \end{array} \right.$
		6.- Yêu biệt li	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Đương cùng sum-hạp một nhà ân-ái, hạnh-} \\ \text{phúc với nhau, mà bỗng nhiên xảy ra những} \\ \text{con hoặc sanh-li, hoặc tử biệt đời phương.} \end{array} \right.$
		7. Thù ghét gặp	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Giữa đôi bên thù-oán, cố muốn tránh mà lại} \\ \text{bất gặp nhau, để vẫn trông sanh cảm ghét,} \\ \text{chẳng khác nào như đinh đóng vào mắt.} \end{array} \right.$
		8.- Ngũ ấm hằng chứa	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Thân tâm dần dần dòi biện-dời tiêu-mòn,} \\ \text{mỗi niệm chẳng ngừng, tỷ như lửa cháy} \\ \text{càng lừng càng tiêu-diệt tắt mất lần lần.} \end{array} \right.$

Tám điều vui của nước Cực-lạc	1/ vui không bị sanh	vì	1.- thần-thức đầu thai trong hoa sen, trọn sạch hóa sanh.	RẤT VUI
	2/ vui không bị già		2.- cái thân bằng công-đức tốt, vẫn không biến đổi gì.	
	3/ vui không bị bệnh		3.- cái thể chất bằng trong rỗng, không mây chi đau ngứa.	
	4/ vui không bị chết		4.- sống lâu đồng với Phật, xứng với tánh chẳng diệt.	
	5/ vui không cần chẳng đặng		5.- chẳng cầu tự nên, không cần tìm kiếm tạo-tác.	
	6/ vui không ái biệt ly		6.- cả chúng như biển thanh-tịnh, thường được bạn thân.	
	7/ vui không thù ghét gặp		7.- đều là người bực thượng thiện đồng tâm vui thuận.	
	8/ vui không năm ấm lòng		8.- thân tâm đều thanh-tịnh, thường trực hằng lừng đời.	

Lại, Xá Lợi Phất! trong toàn cõi Cực Lạc, có bảy lớp hàng cây phía trên thì có bảy lớp lưới giăng, để che quanh cây thì có bảy lớp Câu lon để bao bọc, ba vật ấy đều hợp thành bằng bốn thứ báu, quanh vây chạy giáp vòng cả nước, thế nên nước kia tên là Cực Lạc.

Từ đây sắp xuống cả năm khoa văn mà ở đây là khoa Lan-thuần, La-võng, hàng thụ đồng chỉ ra những cảnh vi diệu đều là việc vui đẹp bằng trần sắc của pháp tánh.

Câu lon tức lan can xen xen đặt rào xung quanh nơi hàng cây, với mỗi đường cái đi, phía trong phía ngoài lớp lớp đều đặn cũng thông đồng nhau.

Lưới thất mật võng rất tốt trau giồi trên hư không để bủa giăng mỗi tầng trên hàng cây những ánh tia sáng đều chói dọi lẫn nhau.

Hàng cây nó tự sanh trên đất vàng báu, đối với hàng cây, đứng ở bốn phương trông ngắm thì, thấy nó đều là bảy lớp. Cả ba món là hàng cây, câu lon và lưới giăng đều hợp thành bằng bốn chất quý báu là vàng ròng, bạc trắng, ngọc lưu ly ngọc pha lê, tự nhiên sẵn nên bằng cách xen sắc lẫn trau, chứ phi như nhơn công tạo tác của cõi Ta-bà này. Các món vàng báu ấy, chất nó mềm mại như bông gòn, tùy ý của người ở đó, muốn uốn nắn cách nào nó cũng theo chiều thế ấy.

Kinh Đại Bản nói: “Trên các bờ vàng báu, có vô số cây gỗ chiên đàn hương, cây trái cát tường, mỗi hàng đều giáp cung nhau, mỗi thân cây đều ngắm cân nhau, mỗi nhánh đều so bằng nhau, mỗi lá đều xoay về một hướng với nhau, mỗi hoa đều thuận chiều với nhau, mỗi trái đều tương đương đối nhau, như thế, mỗi hàng mỗi lối nhiều đến mấy trăm ngàn lớp”.

Lại nói: các cây bằng bảy thứ vàng báu hợp thành ấy, khắp đầy trong thế giới Cực Lạc: hoặc một cây tự nhiên thành bằng một thứ báu, hoặc một cây tự nhiên thành bằng hai thứ báu, cho đến hoặc một cây mà sẵn nên bằng bảy thứ báu; đối với cây báu ấy, các cõi tịnh độ ở thập phương đều hiện bóng cõi và thân cây, tỷ như hình tượng hiện bóng vào gương. Mỗi cây báu ấy, bề cao là tám ngàn do tuần, giữa nhánh lá và hoa, tùy theo màu sắc của ngọc báu thì chói ra ánh sáng nấy; trong ánh sáng hiện ra lâu các, trong lâu các có Phật Di Đà và hai đức thánh là Quan Âm, Thế Chí, đều phóng quang thuyết pháp; trên mỗi mỗi cây, đều có bảy lớp lưới báu, khoảng giữa lưới báu, hiện ra các cung điện rõ đẹp, tự nhiên có các vị thiên đồng tử ở trong đó. Với bao sự cảnh thắng diệu ấy, đều là những công đức nơi tự tâm của Phật Di Đà và các người tu hành niệm Phật nó hiện ra đây.

Chừ đây, đem mỗi mỗi sự cảnh báu màu ấy để tiêu biểu những đạo hạnh của tự tâm như thế này: cái lễ mà, với ba sự cảnh đều nói rằng thất trùng đó là để nêu rõ bảy khoa đạo phẩm; tứ bửu là để nêu rõ bốn đức thường lạc ngã và tịnh: lan thuận là để tượng trưng cả muôn đức ngang dọc của tự tánh; bửu võng là để hình dung cái tự tánh nó ràng bọc cả pháp giới; hàng thụ là để tỏ ra rằng tự tánh nó trường dưỡng các căn lành. Chính là chỗ bảo rằng: Ngoài tâm không còn có pháp (sự vật) nào, ngoài pháp (cảnh) cũng không còn có tâm gì nữa, thật thế.

Bốn đức của Phật-giới	1. Chơn-thường	Mặc dù trải nhiều kiếp, tự tánh-nó không hề biến đổi, tỷ như thể-chất của vàng báu, vẫn chơn-thường chẳng hề khác.
	2. Chơn-lạc	Tự-tánh nó có công-đức nhiều vô cùng, tỷ như vàng báu nó hay khiến cho người được giàu sang, hưởng nhiều phước vui-vẻ.
	3. Chơn-ngã	Tự-tánh nó lẫn suốt khắp giáp, ví như chất vàng báu ; tùy ý người tạo khác món đồ, chứ chất vàng nó vẫn tự-tại.
	4. Chơn-tịnh	Tự-tánh nó chẳng nhiễm theo cảnh một ly một hào gì, thí như chất vàng báu, trong ngoài đều là sáng sạch cả.

Với bốn điều ấy, là pháp tánh nó sẵn đủ những công đức vi diệu. Đối với bốn đức ấy: các Bồ Tát trên bực Sơ trụ bên Viên giáo; và các Bồ Tát trên bực Sơ địa bên Biệt giáo, đều chứng được bằng cách dần dần từ phần; còn những Bồ Tát đã chứng lên bực Cực quả Diệu giác, mới chứng cả bốn đức ấy đến cực điểm hoàn toàn viên mãn.

(Sách Pháp Hoa huyền nghĩa cuốn bốn chép: Người tu Phật đã phá hết phiền não hai mươi lăm hữu rồi, gọi là tịnh. Đã phá rồi những cái nghiệp của hai mươi lăm hữu, gọi là Lạc. Không thụ cái báo thân của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Thường. Chẳng còn cái sanh tử của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Thường. Với Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, gọi là Phật tánh nó hiển hiện ra đó.

Nói ra Thường Lạc Ngã Tịnh ấy: là cái lập trường để thuyết pháp của một bộ Kinh Niết bàn, thành thử với Niết bàn Kinh, các Tổ xưa đã bảo là “đào thường giáo” nghĩa là giáo điển này chuyên bàn về lẽ Hằng thường).

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng thất bửu: trong ao có nước đủ tám công đức đầy đầy; dưới đáy ao dùng toàn thứ cát bằng vàng bửu đất; bốn thứ báu là kim, ngân, lưu

ly, pha lê hợp lại đắp thành các con đường từ nóc và bằng phẳng đi chung quanh nơi bờ ao; trên mặt đất vàng gần bờ ao, đều kiến thiết lên những lâu các bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, để trang sức rất là tôn nghiêm; trong ao hoa sen nở lớn bằng bánh xe: bông màu xanh phóng ra tia sáng xanh, bông màu vàng phóng ra tia sáng vàng, đỏ thì chói ra ánh màu đỏ, và trắng thì chiếu ra hào quang trắng; mỗi mỗi bông sen đều đủ bốn điều quý là nhiệm màu, thơm và sạch.

Đây là khoa văn bửu trì, lâu các và liên hoa đều rất đẹp. Từ thất bửu trì sắp xuống là nói về nước ao; Từ tứ biên sắp xuống nói về giai đạo lâu các; Từ trì trung sắp xuống nói về ao sen.

Với bửu trì, kinh Đại bản nói: Bên trong bên ngoài, phía tả phía hữu, đều có các ao tắm: có ao lớn bằng mười do tuần, ao lớn bằng hai mươi, hoặc ba mươi, nhẵn đến lớn bằng một trăm, một nghìn dặm, dường như bể cả; có ao tự nhiên thành bằng một thứ báu, có hai thứ báu, nhẵn đến bằng bảy thứ báu chung lại thành một ao, chí như cái ao của Phật tắm tư vương lại lớn gấp bội số trên.

Quán Kinh nói: Mỗi mỗi ao nước sẵn nên bằng thất bửu, thứ bửu này thể nó rất nhu nhuyễn, do nơi ngọc chứa như ý sản sanh ra, chỉ làm mười bốn khía, nó ứng ra màu tốt của thất bửu, vàng ròng tốt làm bờ cừ, nước chảy rót vào trong hoa, rồi cũng theo thân cây để chảy lên xuống.

Giai đạo: Giai là giai cấp : từ bậc từ nóc. Đạo là đạo lộ: mặt đường cái đi bằng phẳng. Nhà chông nóc gọi là lâu; nhà lâu nóc nhọn gọi là các. Quán Kinh chép rằng: trên mặt đất bằng hoàng kim, trong mỗi mỗi một thứ báu nó có hàng năm trăm ánh màu, ánh sáng nó như hoa, thành ra những cái đài quang minh, hàng nghìn hàng muôn nhà lâu các, cách hợp thành bằng trăm thứ báu.

Với trì trung liên hoa... kinh Đại Bản nói: “Hoa sen lớn hoặc bằng một do tuần, nhẵn đến trăm dặm, ngàn dặm”. Răng lớn như bánh xe đó Kinh Hoa Nghiêm lời sao giải rằng: “bánh xe của Kim Luân Vương ở cõi đây lớn bằng một do tuần tức là bốn mươi dặm”, đó là nói về cái lượng rất nhỏ vậy thôi, vì người ở cõi đồng cư, mỗi trình độ thấy hoa hoặc lớn hay nhỏ đều chẳng đồng nhau.

Hoa sen xanh tên là ưu bát la; hoa sen vàng tên là Câu vật đầu; hoa sen đỏ tên là Bát đầu ma; hoa sen trắng tên là Phân Đà

Lợi. Bởi cái thân hoa sen có ánh sáng nên cái bào hoa sen cũng có ánh sáng.

Song, bên nước Cực Lạc, các thứ liên hoa: hoặc thứ rất toàn chỉ một màu sáng, hoặc thứ xen lẫn nhiều màu sáng, ở đây nhà dịch ghi có bốn màu là chỉ nói sơ lược thôi.

Vi diệu hương khiết: Chữ Vi nghĩa là có cái hoa mà không có cái chất xác, Diệu: Hoa rất nhiều mà không chướng ngại nhau. Hoi thơm bay phưởng phất ra khắp giáp là nghĩa chữ Hương, phi đồng với hoa sen bằng thảo mộc trần vật ở thế gian này nên gọi là Khiết. Nhiệm màu thơm sạch, là khen ngợi bốn đức tốt của bông sen ở Cực Lạc, cái hoa sen còn được như thế, hưởng chi với cái thân do hoa sen hóa sanh ra càng vi diệu hương khiết đến thế nào nữa tưởng khá biết được.

Nếu rõ về “tánh” để nói, thì bảy báu là tiêu biểu 7 thứ của thánh, tám món công đức là nêu rõ nước nó có tám lý chánh, đáy ao cát vàng là tượng trưng cái tánh chơn như nó triệt để chẳng hề biến đổi, cũng như ao sen sâu tận đáy ao vẫn là chất vàng. Hoa sen phóng hào quang là để tỏ rằng: Cái thể của tự tánh nó vẫn vắng lặng mà thường tỏ soi.

NƯỚC CÓ TÁM TÍNH CHẤT CÔNG-ĐỨC

1/ Lóng đùng sạch-sẻ	1/ Lóng đùng sạch-sẻ lìa như đục.	<i>Nhẹ</i>
2/ Trong ngần mát-mẻ	2/ Trong veo mát mẻ không móng xét.	<i>Trong</i>
3/ Ngon ngọt bén tốt	3/ Ngon ngọt béo bùi đủ mùi qui.	<i>Mát</i>
4/ Nhẹ nhàn mềm mại	4/ Nhẹ nhàn mềm mại khả lên xuống.	<i>Mềm</i>
5/ Nhuận gội thấm thía	5/ Nhuận trơn thấm thía không khô nám.	<i>Lại</i>
6/ Yên lành hòa đẹp	6/ Yên lặng chăm rài chẳng chóng tràn.	<i>Không</i>
7/ Hết đói đã khát	7/ Chẳng những đã khát gồm đỡ đói.	<i>hôi</i>
8/ Nuôi lớn các căn	8/ Nuôi lớn thân tâm khỏe sáu căn.	<i>Khi uống</i> <i>vừa thích</i>
		<i>Uống rồi</i> <i>không ốm</i>

Nghĩa dưới có hơi đại đồng tiểu dị với nghĩa trên; với các ý nghĩa rằng: nước nó có hay là không chảy từ dưới lên trên thân thể đến chỗ nào, và nước ấm hay nước mát v.v.. là nó đều tùy nơi ý muốn của người tắm cần đến thể nào thì nó cũng vừa đến thể nấy. Nước mà như ý thể đó là như cái nguyện của đức A Di Đà và, sức niệm Phật của mỗi người tu tịnh độ hợp nhau thành ra cái pháp tánh vốn đủ thứ “nước lý” công đức như thể đó, chớ không chi lạ, nên gọi là “nước công đức”.

Cũng gọi “công đức trì”; ao công đức là: nước trong ao nó có tám chất công năng kinh Vô Lượng Thọ chép: “Cõi Cực Lạc, từ trong đến ngoài, tả qua hữu, đều có các ao tắm, ao lớn: hoặc mười dặm, hoặc hai mươi dặm, hoặc ba mươi dặm, nhân đến lớn tới hàng trăm hàng ngàn do tuần, với bề ngang dọc sâu cạn, thì ao nào

mỗi đều mỗi đồng đẳng theo với nhau, nước tám món công đức trong treo, đầy đầy”

Thất Thánh-tài	Tín (đức tin) — Tin	Kinh Tịnh-thanh	Cũng gọi là	Pháp tài	Với «Thất-thánh tài» mà hai bốn : Kinh Vị-tăng-hữu có đại đồng tiêu đi nhau với Kinh Tịnh-Danh. Người đời nếu có thể.	
	Tấn (tinh-tấn)					
	Giới (giữ giới) — Giới					Thánh tài
	Tàm-quí } Tàm } Quí }					
	Văn (huệ nghe) — Văn					Tài bửu
	Xả (bỏ nhiễm) — Xả					
	Định huệ — Huệ					

y theo bảy việc ấy để tu, chí tâm niệm Phật hồi hướng về tịnh độ, đến khi công hạnh viên thành, thì tự thấy nơi tự tánh mình nó sẵn có những món pháp tài công đức rất thắng diệu của Thánh đạo. Người niệm Phật mà chẳng có “Thất thánh tài” ấy, thì hẳn không đặng sanh về nước Cực Lạc!

(Kinh Bảo Tích cuốn 42 nói: “1. Tín (tin chịu chánh pháp), 2. Giới (giữ giới luật), 3. Văn (năng nghe chánh giáo), 4. Tàm (thẹn: mắc cỡ với phần mình), 5. Quý (hỗ: hỗ người với phần người) 6. Xả (xả bỏ tất cả không tham đắm), 7. Huệ (với sự lý hiểu biết sáng suốt).

(Kinh Niết Bàn cuốn 17 nói: Tín, Giới, Tàm, Quý, Đa văn, Trí huệ, Xả ly là Thất thánh tài, hề giữ được bảy món ấy, gọi là Thánh nhơn). Kinh Duy Ma phẩm Phật đạo nói: Giàu có bảy tài bửu, dạy trao dùng thêm lời). Kinh Báo ân chép rằng: lửa dữ nó đốt cháy thế gian tài, miệng dữ nó đốt thất thánh tài; bảy thánh tài là: tín, tinh tấn, giới, tàm quý, văn xả, nhẫn nhục, định huệ. Vì bảy tài ấy nó năng tư dụng cho được thành Phật, nên gọi là Thánh tài, cũng bảo là bảy Pháp tài. Người ta ở đời họa phúc gì cũng tự nơi miệng cả, nên thường giữ cái miệng hơn giữ lửa dữ, vì lửa dữ nó chỉ đốt cháy của cải trong một đời thôi, chứ cái miệng dữ nó hay cháy đến của vô số đời v.v... giữ đủ các pháp ấy, Phật bảo người đó giàu có bảy Thánh tài, các chúng sanh kia không giữ được của ấy Phật bảo kẻ bần cùng!

Xả Lợi Phật! cõi nước Cực Lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là khâu kết lại nghĩa trên. Hai chữ như thế là chỉ về các sự trang nghiêm trên. Số là vì đại nguyện, đại hạnh của đức A Di Đà Phật nó đều xứng với pháp tánh, nên với chỗ thành tựu ra những công đức rất trang nghiêm, như thế, và tự tánh nó hiển hiện ra bốn thứ tịnh độ. Sở dĩ nói: “Nếu người niệm Phật, hoa liền nêu danh, siêng trễ vừa phân, tươi khô khác hẳn”. Nghĩa là: Ở cõi ta bà đây người phát tâm niệm Phật, thì bên nước Cực Lạc ao sen nó mọc lên một đóa hoa, trong hoa có ghi tên của người ấy, hễ người niệm Phật thường mỗi ngày được tăng tiến, thì hoa ấy nó càng ngày càng tươi lớn thêm lên mãi; trái lại, thì hoa nó mỗi ngày mỗi lụn bại dần hoặc đến khô tàn, mà chớ, nếu người niệm Phật kia chỉ cần chung đãi, hoặc thôi không niệm nữa!

Vậy, với cái tâm niệm Phật mà mọc hoa ghi tên và tươi tốt lớn thêm đó, há phi là bởi tự tánh mà thành tựu công đức trang nghiêm như thế ư?

Lại, Xá Lợi Phất! trong cõi nước của Phật kia, trên thiên không thường reo âm nhạc, dưới địa chất toàn bằng vàng ròng; ngày đêm 6 giờ, chốn thiên không thường tuôn xuống hoa mạn đà la, chúng sanh trong cõi hằng mỗi rạng sáng, đều lấy cái y kích, hứng đựng các thứ hoa tốt quý, đem đi dâng cúng chư Phật ở mười muôn ức cõi nơi các phương khác; cúng rồi liền trở về bổn quốc, để dùng bữa cơm sớm mời rồi đi kinh hành.

Đây là ghi rõ rằng hoa nhạc dâng cúng bằng cách rất mẫu nhiệm.

Từ câu “thường reo...” sắp xuống, là ghi những: trên không, dưới đất hai cảnh đều trang nghiêm.

Từ câu “chúng sanh trong cõi...” sắp xuống là ghi: đến phương xa cúng Phật.

“Nhạc” là món tinh trần, “Đất” là món sắc trần, “Hoa” là hai trần: Sắc và Hương, “Com” là vị trần, xúc trần là đồ áo quần bạn v.v...dù đây không nói, chớ lẽ cũng hàm đủ.

Nhạc của chư Thiên, dĩ nhiên là nó vi diệu hơn nhạc của thế nhơn kinh. Quán Kinh nói: “Chư Thiên nhiều đến vô lượng, trời hòa nhạc trời”. Lại nói: “đồ âm nhạc như treo trên hư không, lơ lửng dường thể tràng phan báu của chư thiên lòng thông, reo kêu tự nhiên, chớ chẳng phải có ai đánh thổi, vẫn không xen nghĩ”. Nên nói là “thường reo” cũng như đánh mãi là thế.

“Ngày đêm 6 giờ” ngày có: đầu, giữa, và cuối, gọi là ngày ba thời; đêm có: trước, giữa, và sau gọi là đêm ba giờ. Nói là thời giờ đó, là ý nghĩa rằng hàng giờ chẳng dứt, tức là mỗi giờ đều có nhạc trời nó tự nhiên reo luôn.

Mạn đà la, dịch là thích ý: vừa với ý; lại dịch là hoa trắng, hoa đỏ nghĩa nó hàm cả bốn màu là: hoa lớn và nhỏ bằng sắc trắng, thứ đó cũng thế. Như Kinh Pháp Hoa nói: Ma ha mạn đà la hoa, ma ha mạn thù sa hoa.

“Mới rạng sáng đi cúng Phật” là dùng cái lúc mà ý thức còn thanh tịnh, vì chưa tư tưởng lo nghĩ những gì.

“Y kích” hoặc nói y khâm là món đồ bằng vải để đựng bông đàm đi cúng.

“Bữa ăn” là bữa cơm sớm mai, từ rạng sáng đến bữa cơm chay sớm mai là giờ phút rất ngắn, mà có thể đi cúng hoa cả chư Phật ở từ mười vạn ức cõi, rồi liền về bổn quốc, kịp dùng bữa ăn sớm như thế, là rõ rằng: Chúng sanh đi cúng hoa kia đều đã đặng ba món “ý sanh thân” (**ý sanh thân**: là từ sơ địa nhãn lên thập địa, tất cả Bồ Tát, muốn sanh thân ra cách nào thì biến hóa ra như tâm ý mình muốn thế nấy, tự tại không ngại, gọi là ý sanh thân. Bộ Kinh Niết Bàn bốn quyển, cuốn hai nói: ý sanh thân là ví như ý thức nó tới lui rất chóng không ngần ngại. Cuốn ba nói “ba món ý sanh thân”. Vậy biết: chúng sanh ở cõi nước kia, toàn là đã chứng lên bậc sơ địa... thập địa Bồ Tát cả) tới lui vẫn tự tại bằng cách phi lật đật đi mà chóng đến tự nhiên.

Lại, vì vâng phép thần lực của Phật, nên đối với các thứ bình bát bằng vàng, bạc, các vật báu và trăm vị món ăn, thức uống nó đều tùy nơi ý muốn của mỗi người cần dùng chi để hiện nấy, người ăn rồi thì vật dụng nó tự lui biến đi đâu mất, chớ khỏi nhọc công dọn rửa dẹp cất gì cả.

“Ăn rồi đi kinh hành” là: Cũng một cách vệ-sanh để sửa thân không bị ngăn trệ, sửa tâm không phóng dật.

Nếu luận về lẽ hiển tánh: thường reo nhạc trời là để nêu cái tự tánh nó đủ muôn đức dung hòa mà chẳng sai dòi; đất bằng vàng ròng là nêu tâm địa bình đẳng mà chẳng biến đổi: Trời tuôn hoa mạn đà là nêu thứ hoa sạch của tự tánh thiên nhiên để trang nghiêm nơi tâm địa: đựng hoa đem cúng chư Phật ở phương khác là nêu rằng: tịnh hoa của tự tánh cúng chư Phật pháp giới trong tự tánh: đến giờ ăn về nước kịp dùng bữa là tỏ rằng: tánh nó phi lai

phi khứ, mà thị hiện tới lui, tức chẳng rời Cực Lạc mà thường khắp giáp nơi mười phương; ăn cơm rồi đi kinh hành là tiêu biểu trong cái tâm đã đắc định nó phát sanh ra thú-vị pháp-thực kêu là “thiền duyệt thực” để tu dưỡng tinh thần, tức là “pháp hỷ sung mãn”, thế nên có nghĩa là ăn cơm; dùng cái diệu huệ để quan sát, sáng suốt lẫn thấu xa gần, nên có nghĩa là đi kinh hành.

Tóm rút, thì năm trần là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi mâu, có lẫn suốt cả hằng sa thế giới; người ta nếu cái tâm niệm Phật đã được thanh tịnh, thì cõi ta bà nó lẫn suốt nhau với Cực Lạc, vì tâm tịnh tức độ tịnh; trái lại, nếu tâm sanh phân biệt, thì phương đông nó cách hẳn nhau với phương tây.

Ngày đêm sáu thời

Ngày { Đầu
Giữa
Cuối

Đêm { Đầu
Giữa
Cuối

Hợp lại làm sáu thời
Lại, sáu thời hợp với
mười hai giờ

Ba chủng ý sanh thân

1- Cái định chánh thụ tức là vui tam-muội

2- Tỉnh giác pháp tức là tự-tánh

3- Tùy chủng loại đều sanh mà không hành tác

Ý sanh thân

Do cái sức tam-muội mà đắc cái tự-tại, khắp vào các cõi đều được tùy-ý vô-ngại.

Hiểu rõ các pháp-tánh nó như huyền hóa, vốn không thật có, nên hay khắp vào.

Tùy nơi chủng-loại của chúng-sanh, để hiện thân ra như bóng hiện trong gương mà không vi tác gì.

Từ Tam - địa đến Thất - địa Bồ-tát không quán

Các vị Bồ-tát trong Bát - địa giả quán

Các vị Bồ-tát trong cửu - địa Trung-quán

Cũng gọi là thành ý thân

Xá Lợi Phát! cõi nước Cực Lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là kết thúc lại đoạn văn trên, để ghi nguyện thành đức tốt.

Lại nữa, Xá Lợi Phát! Nước kia thường có mỗi mỗi thứ chim về lông xem màu tốt lạ lắm, như là: Hạc trắng, con công, con két, con cò, chim tiếng hay, chim chung mình hai đầu, các thứ chim ấy, ngày đêm sáu giờ hót tiếng hòa nhã, tiếng nói lâu đủ các pháp năm căn năm lực, bảy phần bồ đề, tám phần thánh đạo; chúng nhơn ở cõi kia, nghe tiếng ấy rồi, ai nấy cũng đều niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Đây là nêu rõ món quý màu bằng chim biến hóa để thuyết pháp bảo. Vì e chúng sanh nó nghe pháp lâu ngày rồi sanh tâm lười trễ, nên đức Phật A Di Đà ngoài dùng phép nguyện lực thần thông biến hóa ra các thứ chim nói pháp như để nhắc thúc cho chúng gắng mà tiến tới.

Mỗi các thứ chim xem sắc tốt lạ đó, là nói đã nhiều mà lại rất đẹp. Nay lược để sáu thứ chim: 1. Xá Lợi, dịch: Thu lộ, là một giống thuộc về loại Cò, tức đồng đàn với thủy điều, là thứ thường đậu kiếm ăn dưới nước; hoặc dịch là Xuân oanh. 2. Ca lãn tần đà, dịch: Diệu âm, nghĩa: tiếng hay, vì lúc mà nó chưa ra khỏi trứng, tiếng đã hơn các chim khác. 3. Cọng mạng: một mình hai đầu, mà tánh biết lại riêng biệt nhau giữa chung một báo thân núi tuyết và các chỗ khác đều có hai thứ chim ấy, song bởi nghiệp ở sanh; chớ chim bên Cực Lạc thì phi là nghiệp tướng.

Ngày đêm, bên nước Cực Lạc hẳn không ngày đêm, mà tạm dùng những giờ hoa nở làm ban ngày, bông xẹp lại làm ban đêm; cũng có thể lấy những lúc chim kêu là ngày, còn khi chim nó đều yên lặng là ban đêm. Đây nói sáu giờ thốt tiếng hòa nhã đó, thì các chim nói pháp luôn không ngớt thế...

« BA MƯƠI BẢY PHẦN GIÚP ĐẠO »

BIỂU ĐỒ NÀY
LÀ CỦA TỤC
TANG KINH

Bốn pháp
niệm xứ

1. « xét thân bất tịnh » = xét cái thân của ta và người : da thịt máu mủ, mồ hôi, đại tiểu tiện... đều là uế-ác làm gốc khổ
2. « xét chịu là khổ » = xét khi 5 căn đối với 5 trần : lành chịu các cảnh tốt xấu khổ vui, đều là gốc khổ
3. « xét tâm vô-thường » = xét cái ý-thức nó phân-biệt các cảnh ưa ghét, mỗi niệm tạp loạn, sanh diệt vô-thường nên chấp là ngã vật, ngã thân
4. « xét pháp vô-ngã » = xét các pháp vốn chẳng có ngã chủ-tể, gặp vật thì dính, không nên chấp là ngã vật, ngã thân

Ba
4
Bốn pháp
chánh căn

1. « với ác-tâm đã sanh, kíp khiến đoạn diệt »
 2. « với ác-tâm chưa sanh, ngừa chẳng cho sanh »
 3. « với thiện-tâm chưa dấy, mau khiến nó dấy »
 4. « với thiện-tâm đã dấy, chóng khiến thêm lớn »
- « Niệm » : tâm : « xứ » : 4 điều điên-đảo, là : Thân, Thọ, Tâm, Pháp, Vi niệm pháp đây, thì là 4 khổ điên-đảo, đồng 4 đức : thường, lạc, ngã, tịnh, — Hay giữ chánh-tâm, cầu si đoạn ác tu thiện,

Hai
5
Ngũ lực

1. « Dục như ý túc » = Với cái « Định » đã có phần được ích, muốn mong tiền-bộ tới.
2. « Niệm như ý túc » = Mỗi niệm vẫn giữ nhất tâm, an-trụ nơi chánh-ly, — Tu pháp này năng phát các pháp : thân-thông như-ý.
3. « Tiến như ý túc » = Cứ chăm tinh-tiến sẵn tới, công-phu chú giải-đoan.
4. « Huệ như ý túc » = Soi xét chân-tâm, xa-lìa vọng tâm, lòng không tán-loạn.

Chiếc 7-

Lê 8-

1. « Tín căn » = Đối với đấng của Tam-bảo, ta nên tin sâu chịu muốn
2. « Tấn căn » = Đã tin lý ấy rồi, nên siêng tìm xét mãi không quên
3. « Niệm căn » = Mỗi niệm tìm - tòi lý ấy rồi như mãi không quên
4. « Định căn » = Chăm lòng soi lý ấy, tâm-ly đối nhau chẳng tan mất
5. « Huệ căn » = Định cái tâm vào đạo, pháp thành quán phân-minh

1. « Tín lực » = Đức tin đã sâu đặc lực rồi, chẳng bị các chỗ nghi làm lay động, nên phát được nghị-hoặc phân-não
2. « Tấn lực » = Căn tinh-sấn đặc lực rồi, quán hân các điều đầu đầu dãi-dãi, nên làm được các đạo nghiệp xuất-thế-gian
3. « Niệm lực » = Căn ghi nhớ đặc lực rồi, phá được các niệm tà ý trợn nên được cái chánh niệm xuất-thế-gian
4. « Định lực » = Căn Định đặc lực rồi, dứt được các điều tạp-tướng, nên phát-sanh sự lý của các thiên-định
5. « Huệ lực » = Căn Huệ đặc lực rồi, phá được tà-kiến của bao phái ngoại-đạo, trừ các chấp của các : Thiên, Tiểu

— « Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ » đều kiên-cố như cây đặng cội-cột sâu, với hoàn-cảnh nhiễu-loạn, cũng chẳng lay-động, như căn-cột hoặc sức-lực cứng-chắc, đủ năng-lực duy-trì.

Bảy phần Bồ-đề

- | |
|---------------|
| 1. Niệm |
| 2. Trạch pháp |
| 3. Tinh-tiến |
| 4. Hỷ |
| 5. Kinh-an |
| 6. Định |
| 7. Xả |

Giác chi

- 1- « Niệm » ; với « Định Huệ » , điều-hòa cho nó cần đồng nhau ; lúc dụng công, hễ làm cố trầm thì niệm dùng ba cái : —
 — Trạch - pháp, tinh tiến, hỷ đề xét đây lên ; tâm nó phụ, thì niệm dùng ba cái : kinh - an, định, xả đề đầu đẹp
- 2- Trong khi định quán-xét các pháp, năng gián « trạch » được cái công chán-thật, nên chẳng dùng cái pháp hư-vọng nên không dùng cái lối khỗ-hạnh vô-ích
- 3- Thuở tu các đạo pháp, năng hướng về chánh-hạnh « tinh tiến » chứ chẳng tùy các pháp điên-đảo sanh mừng
- 4- Lúc tâm đặc pháp sanh hoan « hỷ » , năng biết chánh-ly, thấy phiền-não, nhu-thuận, không cưỡng bạo
- 5- Dứt điều thô-trọng của hai nghiệp thân và khẩu, trừ các cái các định giả dối, không sanh ái kiến
- 6- Khi công-phụ thuần-thực phát-sanh các thiện « định » năng biết các định giả dối, không sanh lòng nơi
- 7- Đã biết cảnh hư giả trong thiên định « xả » bỏ đi, mà chẳng sanh lòng nơi

Tám phần Đạo chánh (lẽ)

1. Chánh kiến... Với pháp « Thất-giác » đã điều-hòa đồng nhau, thì đặc cái huê-chân-giác, phan ranh để-ly, gọi chánh-kiến
2. Chánh ngữ... Với Để-ly, thấy đã chánh rồi, thì khêu-nghiệp không bao giờ nói lời hư-vọng.
3. Chánh tư... Cái Để-ly nó tương-ưng nhau với trí vô-lậu, nên cái ý-thức nó chẳng tà tư loạn tưởng nữa.
4. Chánh nghiệp... Cái ý-thức đã an-trụ nơi trí vô-lậu rồi, ba nghiệp của thân ra làm đều được thanh-tịnh cả
5. Chánh mạng... Cái ý-thức đã an-trụ nơi trí vô-lậu rồi, trừ luôn cả tà-mạng của ba nghiệp : thân, khẩu, ý.
6. Chánh tinh... Đã trụ nơi trí vô-lậu rồi, với hạnh chán-chánh, vẫn tinh-tiến, cần đến quả Niết-bàn.
7. Chánh niệm... Đã trụ nơi vô-lậu trí rồi, cái niệm chán-chánh là phương-pháp để giúp đạo-quả lòng không động mất.
8. Chánh định... Trí vô-lậu nó tương-ưng nhau với định chán-chánh an-trụ nơi để-ly, quyết-định chẳng dời.

— Định và Huệ đã đều động rồi, thì từ đây, móng lòng, động niệm đầu chạ phải đều là Chánh-đạo, trong đạo chánh, vẫn an-ân, tu-hành đề chóng đến cái đạo-vị của Phật-dà vậy.

là nói: khi nó kêu, khi nó yên lặng cũng chẳng phải là hai khi đó là để khiến cho người nghe được tỏ rằng: ngay nơi định mà huệ, chính nơi huệ mà định, định (yên lặng) huệ (hoạt động) tròn lẫn nhau, thế là đặc pháp hoan hỷ vậy.

Ngũ căn v.v... tức là ba mươi bảy đạo phẩm, là những chỗ gọi: pháp tứ niệm xứ, pháp tứ chánh cần, pháp tứ như ý túc, pháp ngũ căn, pháp ngũ lực, pháp thất bồ đề phần, pháp bát thánh đạo phần, các pháp như thế đó, tức là nó gồm cả những pháp: niệm xứ, chánh cần, như ý túc trước kia, và còn các pháp: Tứ niệm, lục độ, thập lực, tứ vô sở úy, cả vô lượng pháp môn nữa. Người mà muốn tu lên quả vị Thánh, nếu phi do các đạo phẩm đây, thì đâu có thể tiến ngay tới thánh quả ư?

Nghe tiếng chim ròi liền niệm Tam bảo. Ví đối với các pháp tiêu thừa, đại thừa không chỗ nào mà các chim biến hóa kia nó không nói đến. Nghĩa là: các chim kia nếu nó nói pháp bằng cách khen ngợi công đức của chư Phật, khiến cho người nghe liền tỏ được cái Phật tánh bốn giác thường trụ thanh tịnh, nên chi phát tâm niệm Phật: nếu chim nó nói bằng cách giảng diễn pháp tam thừa, người nghe liền tỏ được tự tánh vốn đủ các pháp môn nhiều như số hằng sa, nên chi phát tâm niệm pháp; nếu chim nó hát bằng cách kể quả vị của tam thừa, người nghe liền tỏ được cái địa vị lý trí nó hòa hợp với tự tánh, nên chi phát tâm niệm Tăng.

THU LỘ: chim Thu, chim Lộ. Chim Thu: hình trạng nó giống con Hạc, lông màu xanh xám tro, hai cánh xòe rộng chừng 5, 6 thước, đầu cao chừng 6, 7 thước, đánh nó trọc không lông, da đầu đỏ, mỏ giẹp, dưới cổ có cái bướu thông như cái đày. Ưa nuốt rắn. Chim Lộ: lông cánh toàn sắc trắng, cần cổ và hai cẳng đều dài, da cẳng màu xanh, mỏ dài đến hai, ba tấc, trên đánh có một cái lông trắng khá dài. Hai thứ chim trên thường đậu nơi mé nước, nên đồng gọi là thủy điểu; chim Lộ thì ăn cá. Phụ nữ bên tây dương ưa dùng lông nó giặt trên đầu.

CHIM XUÂN OANH: Lông trên lưng màu vàng xám tro, đuôi có lông đen, đôi chim này trống mái thường bay cặp kề nhau.

Tóm lại, chim kia trọn diễn công đức của Tam bảo, mà người nghe có thể cũng trọn niệm được ngôi “Nhứt thể Tam bảo” của tự tánh, thực thể.

Sáu độ

- 1.- Bồ-thí
- 2.- Trì-giới
- 3.- Nhân-nhục
- 4.- Tinh-tiến
- 5.- Thiên-định
- 6.- Trí-huệ

Đề tế-độ sáu Tệ

- 1.- Xan-tham : bôn rút
- 2.- Hủy-phạm : phá giới
- 3.- Sân-khuê : giận dữ
- 4.- Dải-đãi : trễ nải
- 5.- Tán-loạn : tan rối
- 6.- Ngu-si : đại ngầy

BỐN PHÁP NHIẾP HÓA

- 1.- **Bồ-thí** : Với người ưa của, lấy của cho ; ra pháp thì lấy pháp cho.
- 2.- **Ái-ngữ** : Dùng lời nhỏ-nhẹ, để tùy-thuận an-ủi cho tất cả chúng-sanh.
- 3.- **Lợi-hành** : Tùy dấy thân, khẩu, ý ra làm, khiến người đều nhờ lợi-ích.

Bốn không chỗ sợ, có hai cách

- 1. Gôm giữ
- 2. biết cần
- 3. dứt nhờ
- 4. Trả lời

Không sợ

- 1. nghe tất cả pháp, thường hay thụ trì nghi nhớ không quên.
- 2. biết các chúng-sanh cần tánh sai khác, nói pháp hợp cơ.
- 3. với kẻ nghi lầm, đều vì giải quyết, khiến đặng mở hiểu.
- 4. với kẻ vấn nạn, đều trả lời được ; không bị thua chúng.

- 1. Trí tất cả
- 2. vọng lậu hết
- 3. nói lẽ chướng
- 4. nói lẽ khổ hết

- 1. đối tất cả pháp, đều biết, cả thấy, thấy hết cả.
- 2. Phật hết 5 trụ-hoặc, 2 cái sanh-tử mất hẳn.
- 3. với pháp ngăn đạo, đều hay biết hay nói.
- 4. với cái đạo diệt khổ hay biết và hay nói.

— Chư Phật do các nghĩa ấy, nên thuyết pháp cho chúng-sanh, mà vẫn không hề sợ-sệt, thành thử phất ngài thuyết pháp, gọi là « vô-úy thuyết ».

PHẬT CÓ MƯỜI TRÍ LỰC

1/ Chỗ phải chỗ chẳng	} Trí lực }	1/ Biết cả nhân-duyên quả báo của chúng-sanh : như làm việc lành thì đắc quả vui, gọi là chỗ phải ; Nếu làm việc ác, mong đặng quả vui, gọi là chỗ chẳng.
2/ Nghiệp chướng		2/ Biết vô lượng các nghiệp, chướng của chúng-sanh.
3/ Phép định		3/ Biết tất cả các pháp tam-muội thiền-định.
4/ Căn-tánh		4/ Biết cả chúng-sanh, căn-tánh có bậc thượng bậc hạ.
5/ Ưu muốn		5/ Biết cả chúng-sanh có mỗi mỗi sự ưa vui khác nhau.
6/ Ranh cõi		6/ Biết cõi đời của chúng-sanh ranh giới mỗi thứ riêng nhau.
7/ Đến chỗ		7/ Biết tất cả hình tướng đến chốn của cả thấy đường
8/ Mạng đời trước		8/ Biết cả họ, tên, khổ, vui, sống lâu, chết yểu của các chúng-sanh.
9/ Thiên nhân thông		9/ Biết suốt cả sắc-thân và chỗ nơi của chúng-sanh qua lại đường sanh-tử.
10/ Hết thân hữu-lậu		10/ Tự biết mình đã hết sanh-diệt, vì chẳng chẳng chịu thân đời sau nữa.

Xá Lợi Phất! Ông chớ bảo các chim ấy, thực là do chỗ tội báo sanh ra. Sở dĩ là sao? Vì cõi nước của Phật kia không có ba đường dữ. Xá Lợi Phất! Xét nước Phật kia còn chẳng có cái “danh” ác đạo thay, huống chi có cái “thực”. Các thứ chim ấy bởi đức A Di Đà Phật Ngài muốn cho tiếng pháp khắp rạo, nên biến hóa ra các chim đó.

Đây là giải thích cái lý do có ra hóa cảm. Nguyên bởi với cõi Cực Lạc, ai có nhiều căn lành mới được vãng sanh về đó. Đã được sanh sang, mà mỗi giờ nghe tiếng pháp nhuần thấm nơi lòng, thì ác niệm nó chẳng sanh ra đặng, nên chi không có cái danh ác đạo. Với cái danh ác đạo đã không nghe thấy, thì làm gì có cái thực ác đạo làm chim bị tội nghiệp ư? Đã thế, thì đều là bởi lòng từ

mẫu của Phật A Di Đà chỉ biến hóa ra các chim thuyết pháp, để khiến cho chúng sanh nghe đến đều đặng lợi ích bốn tất đàn vậy thôi.

Chim cây Bốn tất đàn nói pháp	} lợi ích	Hề lòng chúng tra chim thuận ý, nên Phật hóa để cho vui mừng.	
		Chim thường nói pháp, rất hay lạ, chúng nghe sanh lòng lành đối với chim chẳng sanh tưởng hèn, để đối tự lòng phân biệt.	
		Với Chim là Phật khiến cho ngộ rằng Phật sanh đồng pháp thân.	
—là	} 1 Thế-giới 2 Vì người 3 Đối trị 4 Nghĩa đệ 1	} Tất đàn	Tất đàn : dịch là : Thí cho.
			Nghĩa là đức Phật nói pháp để bố thí cho tất cả chúng hữu-tinh.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia, gió mầu thổi rung các hàng cây báu và lưới là báu, reo ra tiếng rất hay. Tỷ như trăm ngàn món âm nhạc đồng thời nổi lên. Những Chúng nghe tiếng ấy, tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, Pháp, và Tăng.

Đoạn đây nêu rõ: gió, cây rập vờn hay, là vật vô tình thường thuyết pháp. Lan can, lưới là, hàng cây, đều bằng bốn chất báu tạo thành. Gió rung thì reo tiếng, hợp vờn bát âm mà thành tiếng luật, để diễn thuyết pháp mầu cao nhiệm, nên khiến cho những kẻ nghe đến, thì tự nhiên đều dấy tâm niệm Tam bảo.

Vốn bởi cõi thanh tịnh, pháp nào pháp nào cũng chỉ nơi tâm nó biến hiện như: lan can, lưới giăng, hàng cây đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ muôn lành, trí đức, bồ đề; như ao, lầu, hoa sen, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn huệ hành, thắng nhân; như nhạc trời, hoa cúng đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ tự nhiên hoa, nhạc, để cúng dàng chư Phật nơi pháp giới trong mười phương của tự tánh; như chúng chim hóa cầm nói pháp đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ các đạo phẩm tròn mầu, cái thức nó thanh tịnh nên nó biến hóa ra chúng trân-cầm rất thần diệu: như gió rung cây báu rập vờn đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ cả vô lượng pháp môn. Thế nên, với cảnh tịnh độ, từ chúng hữu tình đến vật vô tình, đều chỉ nơi tâm nó biến

hiện ra. Nếu người nghe Kinh đây, cần phải tiến ngay tới vâng làm, chớ nên thấy qua mặt rồi bỏ lăm lờ đi, vì phải biết rằng: với Tịnh độ và Di Đà chẳng phải do nơi kẻ khác màặng!

Tiếng Phật đủ tám thứ giọng	1 Rất tốt — cực hay, vượt hơn giữa các thứ tiếng hay.
	2 Mềm mại — khéo thuận tình đời mà chẳng cứng bạo.
	3 Hòa thích — nhuần nhã hòa thích mà không thô trái.
	4 Cao sáng — tôn trọng khả kính sanh hiểu sáng suốt.
	5 Chẳng gái — đủ bốn không sợ chẳng gần bóng bầy.
	6 Chẳng lăm — xét đúng chân thực chẳng có sai lăm.
	7 Sâu xa — rất sâu thăm xa, kẻ phạm, tiểu chẳng xét đặng.
	8 Chẳng dứt — lời biện dường sông đổ, không hết không dứt.

Bát âm nhạc đời	Tiếng kim — chuông, linh, đồng la.	Bát-âm của thế-gian tuy vui mà khiến người nghe mê làm đắm nhiễm :	
	Tiếng thạch — khánh-theo, khánh bện.		
	Tiếng ty — đờn cầm, đờn sắc.		
	Tiếng trúc — ống: tiêu, tịch không hầu.		
	Tiếng bào — như là sanh, can.		Bát-âm bên nước
	Tiếng thổ — như là huân, tri.		
	Tiếng cách — như trống, bông.		
	Tiếng mộc — như tiếng : chúc, ngô.		

Xá Lợi Phát! cõi nước Phật kia, trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây là câu kết văn trên, đức Thích Tôn Ngài khen ngợi cõi y báo của Tịnh độ rất trang nghiêm như trên kia, vì muốn để cho

người nghe, dứt lòng nghi ngờ, sanh đức tin, nên nói lời xâu kết ấy.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức tin là mẹ công đức đứng đầu đạo, đức tin hay nuôi lớn tất cả các căn lành”. Lại nói: “Chỉ có lòng tin mới có thể đi sâu vào biển cả là pháp của Phật”. Đó, chính chỗ bảo: Lòng tin không thiết thực, thì, chẳng được sanh về Cực Lạc, thực thế.

Song, các cõi nước nơi mười phương, đều có bốn quốc thổ, cũng đều phân ra có tịnh có uế; chỉ có cõi “Đồng cư” bên Cực Lạc, riêng được thuần là thanh tịnh. Cõi “phàm thánh đồng cư” bên Cực Lạc còn được thuần tịnh đến thế, phương chi ba quốc thổ trên nó ư.

Sanh sang “Đồng cư”, đã liền thấy được ba quốc thổ trang nghiêm trên nó như thế đó, là đều bởi tự tánh đã thanh tịnh, nên cả tám thức nó biến hiện ra mà thành như thực có ba cõi kia, tuy thực có, song cũng với mỗi sự mỗi vật gì đều không ngăn ngại. Nếu người tin nước Cực Lạc trang nghiêm như thế, là đâu chẳng phải do nơi tâm tạo thành; trái lại, nếu người chẳng tin, thì tự làm chướng ngại lấy, thực khá tiếc!

PHỤ CHÚ BỐN THỨ CÔI PHẬT

1) Cõi phàm thánh đồng cư: là cõi nước của các hạng: loài người, loài trời, chúng phàm phu và các thánh Thinh văn, Duyên giác đồng ở. Có hai thứ tịnh độ, uế độ: như thế giới ta-bà đây là đồng cư uế độ, tây phương Cực Lạc là đồng cư tịnh độ.

2) Cõi phương tiện hữu dư: Là chỗ của những người đã dứt phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, ra khỏi ba giới sanh tử, sanh về ở đó. Tức là chỗ vắng sanh của người tu pháp phương tiện tiểu thừa đoạn kiến tư hoặc về ở, nên gọi là phương tiện, cái hoặc trần sa, vô minh chưa hết, nên gọi là hữu dư.

3) Cõi phương tiện trên là quả báo độ của người tu mới chứng được không lý; còn đây là cõi “thực báo vô chướng ngại” là “quả báo độ” của người đã chứng không lý lại chứng thêm một phần lý trung đạo. Ví hành cái chân thực, cảm được cái báo tốt, sắc và tâm chẳng ngại nhau, nên gọi là “thực báo vô chướng ngại độ”, cõi này toàn là Bồ Tát ở, không có phàm và nhị thừa.

4) Cõi thường tịch quang: Thường có pháp thân vốn ở cái thể thường trụ. Tịch: là giải thoát. Vì tất cả tướng vẫn tịch tịnh hẳn. Quang: là bát nhã, cái trí tuệ chiếu các tướng, đây là chỗ sở y sở cứ các đức Như Lai ở, nên gọi là “thường tịch quang độ”.

Nhân - thức
Nhĩ - thức
Tỷ - thức
Thiệt - thức
Thân - thức

Ý - thức

Mạc - Na -

thức

A - La - da -

thức

Năm thức đây, do khi nắm cầm đối với cảnh nắm trần, mà năm thức liền chỉ đều lâu riêng với cảnh của cầm nó, khi đó, chúng chỉ vừa được rõ, hay chưa phân biệt được lối hay xấu gì.

Hiện sự nhận

Với ngoài đã có năm thứ căn-trần đối nhau, năm thức trước liền chỉ rõ cảnh của tự căn, bấy giờ ý-thức thứ sáu nó ở bên trong tham-gia phân biệt mà sanh ra lòng yện và ghét.

đang quan sát h

Dịch là ý, tức là cái căn của ý-thức thứ sáu nương tựa, ý-thức thứ sáu đợi có đối cảnh mới sanh khởi; thức thứ bảy thì từ vô-thỉ đến nay, vẫn một niệm vọng động luôn, mặc dù khi thân chết, thân ngủ, nó chưa hề có một niệm gián-đoạn, mà những khi sanh diệt yện đắm đều do nó làm chủ-động. Song, cái tự-thể của nó hẳn không có hình-tượng, nó thường chấp cái kiến-phân của thức thứ tám để làm ngã tâm, chấp cái tướng-phần của thức thứ tám để làm ngã-tượng. Sáu thức trước hoặc thiện hoặc ác đều lấy cái ngã-chấp của thức này làm căn sở-y, nên thức này chẳng dứt thì sanh tử chẳng thôi.

bảy hay tám

Dịch là tăng (chưa) có ba nghĩa: Năng tăng, sở tăng, chấp tăng. Do bảy thức trước tạo ra nghiệp thân thiện hay ác, đều có chủng-tử, đều chưa cả vào trong cái số-tăng của thức thứ tám nó chấp lấy mãi không rời hoại, mãi qua đời sau, đến đời hột giống chín, tùy theo hột-giống-ngiệp này nở mà chịu quả-báo, tự hào chẳng sai. Nên hay niệm Phật, thì mỗi niệm tức mỗi hột giống Phật chứa để vào thức thứ tám, tức nhiên tám thức nó biến hiện làm cái tăng-thức thanh-tịnh của Như-Lai, đến khi thành-thức, tự nhiên trước mắt rõ thấy cảnh Cực-Lạc của đức Phật A-Di-Đà mỗi mỗi món gì cũng đều vi-diện. Thế nên Tịnh-độ các món vi-diện trang-nghiêm đều là chỉ tám thức của Phật và ta nó biến-hiện ra thế thôi.

Thế biết rằng: tịnh-độ hay nề-độ đều do tám thức của chúng-sanh biến-hiện; mà cảnh Tịnh-độ của đức A-Di-Đà cũng chỉ do tám niệm Phật thanh-tịnh tám thức nó biến hiện ra.

Xá Lợi Phất! ông nghĩ thế nào, Phật kia có sao, hiệu là A Di Đà? Xá Lợi Phất! Phật kia hào quang sáng không lường chiếu mười phương cõi nước, không chỉ ngăn ngại, thế nên hiệu là A Di Đà. Lại, Xá Lợi Phất! Phật kia và nhân dân mạng sống lâu đến vô lượng vô biên kiếp A Tăng Kỳ, nên gọi là A Di Đà.

Đoạn đây giải thích về thân chánh báo trang nghiêm của chủ và bạn.

Tiếng Phạn là Amita (A Di Đà), dịch là Vô Lượng Quang lại dịch là Vô Lượng Thọ. Sách Yếu giải nói: “Hào quang của Pháp thân sáng không chia bờ mé, hào quang của Báo thân sáng đúng chân tánh, đây thì mỗi Phật nào cũng đồng thể cả; duy có hào quang của Ứng thân: thì có Phật sáng chiếu một do tuần, hoặc mười do tuần, một trăm do tuần, một ngàn do tuần, một thế giới, hoặc chiếu mười thế giới, một trăm thế giới, một ngàn thế giới; duy có hào quang của Ứng thân Phật A Di Đà sáng chiếu cũng cùng khắp tất cả như hào quang nơi hai thân kia, nên gọi là Vô Lượng Quang”

“Lại. Pháp thân mạng sống lâu vô tử vô chung; Báo thân mạng sống lâu hữu tử vô chung, đây, mỗi Phật nào cũng đồng thể cả, nên đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Còn mạng sống của Ứng thân Phật thì tùy theo cái chí nguyện, tùy cơ duyên hoặc vắng chẳng đồng nhau; mà chỉ có cái thọ mạng của Ứng thân Phật A Di Đà và của nhân dân trong nước, cũng đều sống lâu đến vô lượng vô biên kiếp số a tăng kỳ”.

Thể thì với hào quang và thọ mạng của ba thân, nó chẳng đồng, chẳng khác với nhau, chỉ đặc biệt có một mình Phật A Di Đà là riêng được thắng hơn cả, vì hào quang, thọ mạng đều vô lượng vô biên.

Tánh nó vắng mà thường chiếu, tức là nghĩa “Vô lượng quang”, chiếu mà thường vắng, tức là nghĩa “Vô lượng thọ”.

Những chúng sanh nghiệp sanh sang, vì chưa phá được kiến hoặc tư hoặc, và kẻ sanh về bực Hạ phẩm, đều gọi là nhân dân, chúng đây một phen đã đặng sanh về nước Cực Lạc, đều đặng bực bất thối, mà hào quang, thọ mạng, cũng đều được vô lượng, chủ và bạn đều đồng được “Thọ” và “Quang” như thế đó, thì duy có nước Cực Lạc thôi.

Xá Lợi Phất! Đức A Di Đà từ thành nhĩ lại đến nay đã mười kiếp.

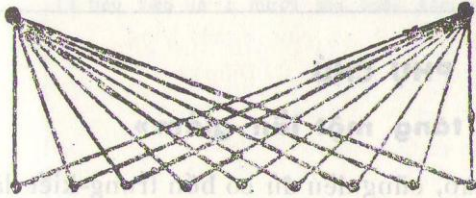
Đây là nói rõ đức Giáo chủ lên nước kia lúc ban đầu thành Phật. Pháp thân thanh tịnh, bấy nay vẫn là Phật, thì phi là thành, và phi chẳng thành, ta chẳng nên luận kiếp số, vì pháp thân Phật bất sanh bất diệt; Báo thân là tu nhân đã tròn thì chứng quả báo, nên gọi là thành Phật; Ứng thân thì tùy theo căn cơ có cảm phải ứng hiện ra, có tám cái tướng để thành nên gọi là thành Phật, thì với Báo thân và Ứng thân, đều có thể luận kiếp số.

Rằng “ Từ thành Phật đến nay đã mười kiếp” đó là nói về Báo thân và Ứng thân. Lại, với Phật, là do danh tích, và tu hành đã viên mãn thì gọi là thành; cõi y báo, thân chánh báo bề bạn (nhân dân), mỗi mỗi đều trang nghiêm, cũng gọi là thành được cả.

Hiện tám tướng để thành Phật

Đại-thừa

Tiểu-thừa



- Từ Đâu-sắt xuống
- Gá vào thai
- Trụ trong thai
- Ra khỏi thai
- Ra khỏi nhà
- Đẹp Quân-ma
- Thành đạo quả
- Chuyển pháp luân
- Vào Niết-bàn

- Đâu xuất là trời thứ bốn của đực giới, Bồ tát ở trời này giảng thần.
- Bồ tát Hộ-Minh do nơi sườn hữu bà Ma-Da, chẳng huệ gá thai.
- Tiểu-thừa chẳng lập tướng này, vì hiệp chung trong tướng gá thai.
- Bồ Tát từ nơi sườn hữu của mẹ giảng sanh, ngày 8 tháng 4.
- 19 tuổi, rằm tháng 2, nửa đêm cõi ngựa vượt thành đi tu.
- 7tu đủ sáu năm khổ hạnh, đến ngồi bên gốc cây phòng quang đẹp Ma Quân
- 30 tuổi, ngày 8 tháng 2, cuối đêm, trông thấy sao Mai chứng đạo.
- Trong năm mươi năm, ở năm thời, nói tám giáo, đối các cơ mà thuyết pháp.
- Đến tám mươi tuổi, độ chúng sanh cơ duyên đã hết, ứng thân của Phật cũng diệt.

— Tiểu-thừa không lập cái tướng trụ thai vì bao hàm trong tướng thác thai ; còn bên pháp Đại thừa thì không lập cái tướng hàng Ma quân là vì rõ Ma đồ tức là Phật vậy.

Phụ chú

Số vô-lượng
100.000.000.000.000
000.000.000.000.000.

Số A-Tăng-Kỳ
1.000.000.000.000.000
000.000.000.000.(theo
Thống tôn toán pháp)

Chữ kiếp là thời phần, có đại, trung kiếp, và tiểu kiếp, chẳng đồng nhau. Nghĩa là : một lần tăng, một lần giảm, hiệp cộng là : một nghìn sáu trăm tám mươi muôn năm là một tiểu kiếp (mười sáu triệu năm, 16.000.000 năm), hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp (320.000.000 : ba trăm hai chục triệu năm),

Trung kiếp là một trong bốn trung kiếp: thành, trụ, hoại, không, trong bốn trung kiếp, mỗi kiếp đều là 20 tiểu kiếp. Cả bốn trung kiếp hiệp chung lại làm một đại kiếp, kể có: một nghìn hai trăm tám chục triệu năm (1.280.000.000 năm).

PHỤ CHÚ

“Một lần tăng một lần giảm”

Mỗi một đại kiếp nào, cũng đều đủ có bốn trung kiếp là: thành, trụ, hoại và không; mỗi một trung kiếp cũng đều đủ có hai mươi tiểu kiếp; mỗi một tiểu kiếp nào cũng có đủ hai thời kỳ tăng và giảm.

Nói về tăng giảm, là đến thời kỳ mà toàn thế giới, cả nhân loại, mỗi người đều chỉ còn mười tuổi là một đời phải chết, đó là thời gian đã đến cực độ; rồi từ đó trải qua một trăm năm, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười một tuổi. Lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười hai tuổi v.v.... cứ tăng lên như thế mãi cho đến thời mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, là cái thời tăng đã cực độ. Rồi từ đó, trải một trăm năm, mỗi người bị giảm mất một tuổi, nghĩa là chỉ sống được tám vạn ba nghìn chín trăm chín mươi chín tuổi; lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người bị giảm mất một tuổi; nghĩa là chỉ sống còn được tám vạn ba nghìn chín trăm chín mươi tám tuổi v.v... cứ giảm như thế mãi cho đến cái thời kỳ mà mỗi người chỉ sống còn được có mười tuổi, là một đời phải chết đó là cái thời kỳ giảm đã cực độ. Nên gọi là một lần tăng một lần giảm.

Thử đức Phật Thích Ca ra đời nhằm kiếp giảm, mỗi người chỉ sống còn được một trăm tuổi: từ đó cũng cứ mỗi một trăm năm là giảm một tuổi, thì hiện nay(1958) mỗi người sống còn chỉ được 75 tuổi, vì Phật lịch trải qua con số 2502 năm rồi. Vì từ Phật (một trăm tuổi) đến nay đã trải qua hai mươi lăm cái trăm năm thì giảm mất hai mươi lăm tuổi rồi, nên chỉ còn sống được bảy mươi lăm tuổi (chỉ kể số trung bình cả loài người, không kể kẻ chết yểu).

Biểu đồ hiện tượng của một đại kiếp, hiện tại là kiếp nhân hiền (theo kiếp Ta bà)
(Đem phân tâm bốn trung kiếp)

1 Thành (Thành lập các cõi : đại địa, sáu Trời ở Dục giới, và các Trời Sơ thiên...) 20 tiêu kiếp.

(1 tiêu kiếp là : mười sáu triệu năm — 16.000.000. năm).

2 Trụ (Đã thành Trời đất tức vũ trụ rồi, chúng sanh từ các cõi khác đến an cư) 20 tiêu kiếp.

(1 trung kiếp là : ba trăm hai chục triệu năm — 32.000.000 năm).

3 Hoại (Sau khi mãn kiếp trụ rồi, có một hỏa tai lớn làm hoại đến sơ Thiên Thiên...) 20 tiêu kiếp.

(1 đại kiếp là : một nghìn hai trăm tám chục triệu năm — 1.280.000.000 năm).

4 Không (Từ trời sơ thiên cho đến đất cái đều trống không chẳng còn chi cả) 20 tiêu kiếp.

- Kiếp thứ 1 ————— Cả tám tiểu kiếp này chẳng có Phật — ra đời.
- Kiếp thứ 2 ————— — Trong tiểu kiếp này, về giảm thời, có bốn đức Phật ra đời: 1) Phật Câu Lưu Tôn, ra đời nhằm thời xuống đến thưở con người còn sống được 60.000 tuổi, 2) Phật Câu Na Hàm Muu Ni, ra đời nhằm thời xuống thưở mà còn người sống được 40.000 tuổi. 3) Phật Ca Diếp ra đời nhằm thời giảm xuống thưở mà còn người còn sống được 20.000 tuổi.
- Kiếp thứ 3 —————
- Kiếp thứ 4 —————
- Kiếp thứ 5 —————
- Kiếp thứ 6 —————
- Kiếp thứ 7 ————— 4) Đức Phật Thích Ca Muu Ni ra đời nhằm thời kỳ giảm xuống đến thưở mà toàn thể giới mỗi người chỉ còn sống được có mỗi một trăm tuổi là
- Kiếp thứ 8 ————— — một đời
- Kiếp thứ 9 —————
- Kiếp thứ 10 ————— Tiểu kiếp này, khi mà giảm xuống đến thưở con người còn sống còn được tám vạn tuổi, là đức Di Lạc ra đời.
- Kiếp thứ 11 —————
- Kiếp thứ 12 ————— Cả bốn tiểu kiếp này không có Phật ra đời.
- Kiếp thứ 13 —————
- Kiếp thứ 14 —————
- Kiếp thứ 15 ————— Một tiểu kiếp này tuần tự có chín trăm chín mươi bốn đức Phật ra đời.
- Kiếp thứ 16 —————
- Kiếp thứ 17 ————— Cả bốn tiểu kiếp này, không có Phật ra đời.
- Kiếp thứ 18 ————— — Vời tiểu kiếp này, thưở mà toàn thể giới mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, bấy giờ có đức Phật Lô Lô Chí ra đời, là đủ số một nghìn đức Phật và lại, Phật nào cũng giáng sanh tại Ấn Độ, sau khi đức Lô Lô Chí nhập diệt là
- Kiếp thứ 19 —————
- Kiếp thứ 20 ————— đến kiếp hoại.

— Một đại kiếp của thế-giới Ta-bà chỉ bằng một ngày đêm của thế-giới Cực-lạc; mà từ A-Di-Đà thành Phật đã trải qua mười đại kiếp theo số kiếp của thế-giới Cực-lạc. Tin cứ theo cõi Ta-bà để luận tính thì cũng khó mà như định được, vì đều tùy căn-cứ của chúng sanh được cảm đến. Nghĩa là: bởi bức đại-căn thấy được số đại kiếp, bức tiểu căn thấy được số tiểu kiếp v.v.

(những chữ bị mất: *Kiếp thứ 20, đến kiếp hoại, người, tùy, được*)

Hiện nay (Phật lịch 2502 – 1958) bắt một kể đi, thì còn năm nghìn chín trăm chín mươi bốn năm nữa, là đến cái thời kỳ mà mỗi người bị giảm chỉ còn sống được có mười tuổi là hết đời. Đến đó là hết tiểu kiếp thứ chín của Phật Thích Ca ra đời. Kể đó là qua tiểu kiếp thứ mười: cũng từ đó bắt một kể đi, cứ trải qua mỗi một trăm năm là thêm lên mỗi người một tuổi, nghĩa là mỗi người sống được mười một tuổi v.v... cứ như thế tăng mãi cho đến mỗi người đều sống được tám vạn bốn nghìn tuổi: từ đó, bắt đầu giảm xuống, cũng cứ mỗi một trăm năm là giảm một tuổi, giảm mãi đến thời kỳ mỗi người chỉ sống đến tám vạn tuổi, bấy giờ Đức Di Lạc mới giáng sanh. Thì hiện nay (1958) bắt một kể đi, còn tám triệu, mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn năm nữa, đức Di Lạc mới giáng sanh. Lại, từ đức Thích Ca đến đức Di Lạc cách nhau là tám triệu, một nghìn, năm trăm ba mươi chín năm, có phải thế không xin nhà toán học tính lại, cảm ơn.



Nói về đại kiếp khi thành khi hoại đủ có cái tướng đại tiểu tam tai

Trong đại kiếp trước, về kiếp không (trung kiếp) nó có hai mươi cái tiểu kiếp đã mãn, bấy giờ thế giới lại muốn thành lập trở lại, thì giữa hư không bủa ra luân mây đen lớn, mưa xuống hột bằng trục xe, mưa mãi đến vô số nghìn năm, nước chảy khắp trong hư không cõi đại thiên, dần dần chảy đầy đến cung trời Quang Âm của lớp Nhị thiên (trung giới), từ đó rớt thủy tai giảm bớt.

Bây giờ có luồng gió lớn, thổi sóng đánh bọt, bọt nhóm lại tự nhiên bền chắc, biến thành cung trời bằng thất bửu, tức là lớp Sơ thiên, cung trời Phạm Vương lập thành trước nhưt. Từ đó đại thủy tai giảm bớt.

Đại phong tai lại thổi sóng đánh bọt, bọt nhóm kết lại theo thứ lớp biến thành sáu cung trời dục của lớp Dục giới (hạ giới). Nghĩa là thành: sáu, trời tha hóa tự tại, năm, trời Hóa lạc, bốn, trời Đâu suất đà, ba, Trời Dạ ma, hai, Trời Đao Lợi, và một, Trời Tứ Thiên vương. Từ đó, đại thủy tai lại giảm bớt.

Bọt nước nhóm nhấc, kết thành núi Tu Di và các Kim Sơn, biển nước mặn, bốn châu thiên hạ là: Đông thắng thần, Nam thiệm bộ, Tây ngưu hóa, và Bắc huật đôn việt. Như thế trải qua hai chục tiểu kiếp thế giới này mời hoàn thành.

Bấy giờ, từ cung trời Sắc giới (trung giới) có những trời nào đã hưởng hết phước rồi, phải đọa xuống sanh ở nơi bốn châu, hoặc chúng sanh từ nơi phương khác, cũng di dân đến sanh ở nơi bốn địa cầu trên ở yên như thế dần dần thêm lan rộng các nơi, cuộc an trụ này cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Với kiếp trụ (hai mươi tiểu kiếp) về tiểu kiếp thứ hai mươi mốt rồi, là bắt đầu qua kiếp hoại, bấy giờ có luồng gió đen lớn (đại phong tai), nó thổi nước biển vệt ra làm hai, trông cạn chính giữa, tróc lấy nhứt cung, đem để trong nhứt đạo, nhân có hai nhứt cầu lưu hành giữa không trung, thành thử sông, ao, dòng nước đều khô, lâu lâu về sau trận đại phong tai lại thổi rạch nước biển, tróc lấy mặt nhứt thứ ba đem lên như trước nên sông đại Hằng hà phải khô, như thế, đến khi mặt nhứt thứ bốn xuất hiện, thì ao A-nậu khô; đến khi mặt nhứt thứ năm hiện ra thì đại hải đều bị đất khô, đến khi mặt nhứt thứ sáu hiện ra, quả đại địa đều nổi khói, mặt nhứt thứ bảy xuất hiện cùng đều đốt suốt núi cao đất liền, thành thế giới lửa, từ trời Sơ thiên xuống sáu trời Dục khắp cả đại thiên thế giới, đều thành tro tàn. Cái thời kỳ hoại như thế, cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Sau khi kiếp hoại hết rồi, từ lớp trời nhị thiên sắp xuống, đều là mịt mù tối tăm thành một cõi đại không, số là một kiếp không, cũng trải qua đủ hai mươi tiểu kiếp.

Kiếp đến cái thời kỳ kiếp không mãn rồi, hợp chung với trên thành bốn trung kiếp là thành, trụ, hoại không cộng với tám mươi tiểu kiếp, thế là một đại kiếp.

Cũng như thế đó, trải qua bảy cái đại kiếp, thì có bảy lần thành, bảy lần hoại mà bảy lần hoại này, đều là chỉ bị đại hỏa tai nó phá hoại thế giới.

Đến cái đại kiếp thứ tám về thời hoại, bèn là đại thủy tai nó phá hoại cả đại thiên thế giới, và đến cõi trời Nhị thiên đều bị chìm ngập!

Lại từ đại kiếp thứ chín đến đại kiếp thứ mười lăm trong bảy cái đại kiếp đây, cũng là bảy lần đại hỏa tai phá hoại thế giới.

Đại kiếp thứ mười sáu lại bị đại thủy tai phá hoại đến lớp trời nhị thiên. Như thế trong tám cái đại kiếp, có bảy lần đại hỏa tai, một lần đại thủy tai. Nếu đến tám lần tám là đại kiếp thứ sáu mươi bốn, bèn là một đại phong tai phá hoại cả đại thiên thế giới, nhứt đến lớp tam thiên thầy đều bị thổi hoại diệt hết.

Về sau thế giới muốn thành trở lại, thì cũng vẫn bảy lần bảy đại hỏa tai, thì lại xen vào bảy lần đại thủy tai, rồi sau có một trận đại phong tai phá hoại, giáp vòng rồi trở lại đầu, cứ thế xoay vần mãi không cùng không tận. Ngoài thế giới như vậy, là đều bởi chúng sanh đồng phần với nhau do một cái vọng tâm gây ra những nghiệp hoặc rồi chiêu cảm lấy, nên chịu sanh tử đến vô cùng! Nếu cùng nhau chẳng sanh cái vọng tâm, thì cái nghiệp hoặc kia do đâu phát khởi? Được thế, thì, thế giới vốn không bèn là cái thanh tịnh diệu tâm nó thực hiện ra thân diệu sắc, cảnh diệu không, lẫn nhau không ngần ngại nơi pháp tánh và thế giới. Trên đó là giải thích về đại tam tai rồi.

Tiểu tam tai là trong một kiếp Trụ có hai mươi cái tiểu kiếp, mỗi một tiểu kiếp, do toàn thể chúng sanh có thiện tâm càng nhiều, mỗi người tuổi sống lâu thêm dài, thêm lên đến tám vạn bốn nghìn tuổi, quả đại địa thanh tịnh, lòng người hòa vui thời trời đặng mùa, sung sướng! Về sau, chúng sanh lại thêm lớn các ác tâm như là: lòng đạo tặc, lòng sát hại, nói vọng ngữ, và tà dâm, thành thử lòng thành tổn thất, nên tuổi thọ dần dần giảm xuống, nghĩa là cứ mỗi một trăm năm là giảm đi mỗi một tuổi, theo thứ lớp giảm mãi đến thườ mà mỗi người chỉ còn sống được ba mươi tuổi (hiện nay 1958 bắt một kẻ đi, thì còn 20.005.009 năm nữa đến số đó) thì toàn thế giới đều có cái tai cơ bản nổi lên, trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày, trên thiên không chẳng mưa, thành đại hạn hơn, với một ngày một đêm là người ta chết đói nhiều đến vô số! Về sau, có những chúng sanh biết hồi đầu, dấy cái ý niệm chán lìa ác tâm, sanh khởi lòng lành, nên cái tai cơ bản dứt dần.

Như thế, giảm đến thườ mà mỗi người chỉ còn sống được hai mươi tuổi, thì cả thế giới có cái tai tật dịch nổi lên, kéo dài đến bảy tháng, bảy ngày, dịch khí liên tiếp, số người bị chết không thể đếm được! Về sau cũng có những người ăn năn nhằm lìa ác tâm, dần dần sanh thiện niệm, nên cái tai ôn dịch tiêu diệt.

Lại giảm xuống đến thườ mỗi người chỉ sống còn có mười tuổi thì toàn thế giới có tai đao binh nổi lên, chỉ trải qua có bảy ngày, chúng sanh bị ác tâm lòng lẫy lên đến cực độ, giết hại lẫn nhau, vì nghiệp lực quá mạnh, nên chi các thứ cỏ, cây vật gì chúng cũng đều hóa ra thành các thứ mũi nhọn, chạm đến liền hoặc có kẻ quày đầu, chán ác nghiệp, sanh thiện tâm, nên từ bắt đầu được thọ mạng tăng lên.

Như thế trăm năm tăng một tuổi, tăng mãi dần dần đến thưở mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi v.v...

Với cái lẽ mà sơ dĩ chúng sanh hành thiện dần dần thêm nhiều, thì cái thọ mạng cũng tăng lên nhiều, chúng sanh hành ác dần dần thêm nhiều, thì thọ mạng cũng dần giảm nhiều, đó thì biết rằng chúng sanh phát nguyện niệm Phật, tất nhiên được vãng sanh tịnh độ, vì cũng thiện nghiệp tạo nên mà đã về Cực Lạc, thì đâu có nghe đến tam tai.

Vậy kính mong các bạn chớ ưa nhớ cõi sanh tử làm vui; nếu sanh vào thời đại tiểu tam tai thì khổ không thể nói, ví dầu sanh nhằm vào thời kỳ sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, được thụ hưởng vui sướng tự nhiên đi nữa, cũng không khỏi cái khổ sanh tử! Chi bằng niệm Phật được sanh về Cực Lạc được sống mãi kiếp số vi trần chẳng đời chẳng đổi, vậy yêu cầu các ngài mau nên thủ lấy.

VỚI 3 THÂN PHẬT, LUẬN THÀNH, CHẴNG THÀNH		
1	PHÁP-THÂN PHẬT — Vạn cổ vốn thường như	thành
2	Báo-THÂN PHẬT — Cống đầy đủ mới thành	chẳng thành
3	Ứng-THÂN PHẬT — Tùy cơ cảm mới thành	thành

Trên đã nói về phần chủ là A Di Đà; dưới đây nói về phần bạn:

Xá Lợi Phật! Đức Phật kia Ngài có đệ tử hàng Thanh văn nhiều đến số vô lượng vô biên, đều là bực chứng quả A La Hán: với bực ấy, chẳng phải chỗ tính kể mà có thể biết được. Các thánh Bồ Tát đông nhiều cũng lại như thế.

Đây nói các thánh Thanh văn, các thánh Bồ Tát, đều nhiều đến vô lượng.

Hỏi: trong luận nói: “các thánh bực nhị thừa chẳng được sanh về nước Cực Lạc”. Mà ở đây sao lại có chúng Thanh văn (tiểu thừa) nhiều vô lượng ư?

Đáp: Trong tạng giáo, thông giáo, chúng Định tánh Thanh văn không tin có Tịnh độ ở phương khác, còn như biệt giáo, viên giáo, mặc dầu hoặc tên là thánh Thanh văn, chứ cái hạnh tức là

tiến đến Bồ Tát: như bên biệt giáo, bực trụ thứ bảy, đã đoạn rồi kiến hoặc, tư hoặc, bên viên giáo bực tín thứ bảy, đã dứt hai mê hoặc là kiến và tư, mặc dầu đồng với quả thánh thứ bốn bên tạng giáo, chớ thực ra thì cái đức hạnh của bực đại tâm (Bồ tát) cả.

Lời số Quán Kinh nói: “Những người tu tập tiểu thừa, vốn chẳng được sanh về Tịnh độ, nhưng do kia đến lúc mạng chung, có phát cái tâm đại thừa, thì cũng đặng vãng sanh”. Do theo thói quen tu pháp tiểu thừa, bèn chứng tiểu quả thánh Thanh văn, nhưng mà với cái tâm hướng đại thừa đã thành. Ví dầu khi lâm chung, không phát khởi cái tâm đại thừa, thì quyết định chẳng được sanh về nước kia, chớ nếu như đã đắc vãng sanh, thì mỗi giờ thường gần gũi đức Di Đà, thân vẫn được tiếng pháp, há chẳng chóng đặng tiến thêm phần đạo, thôi giảm phần sanh, để chứng lên quả vị cao ư?

Nên nay đây, trong chánh văn có kể bực Thanh văn là tạm có vậy thôi. Nghĩa là, hoặc có người dù chuyên tâm niệm Phật mà chẳng rõ được lý niệm, hoặc chuyên niệm Phật mà vì tự lợi, những người này sanh về cõi đồng cư kia mà ban đầu chỉ phải ở hàng Thanh văn.

Lại, cả mười phương thế giới, chúng sanh tu pháp niệm Phật, được vãng sanh về nước kia nhiều như số giọt mưa, cho nên nói chẳng phải chỗ đếm kể mà biết đặng thế thì bực Bồ Tát đông nhiều, dù chẳng nói, cũng có thể biết được, nên nói cũng lại như thế.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia trọn nên công đức trang nghiêm như thế.

Đây, kết lời để chỉ thị: Chúng bạn bằng bực thánh bên Tịnh độ kia, là đều do nơi nguyện hạnh của đức Di Đà tạo thành ra cả, vì một chủ là đức Di Đà đã thành thì, tất cả bạn thánh cũng thành luôn.

Hỏi: nguyện hành do đâu để thành những cái thân thánh của chủ và bạn (*đệ tử: Thanh văn, Bồ Tát kia ư?*)

Đáp: một tiên thân của Di Đà là Ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “đến thuở ta thành Phật, trong cõi nước ta, các vị Bồ Tát có đủ những thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, uy thần, thầy đều được như Phật “. Đó là cái “nguyện” đã tạo thành ra chúng bạn bực thánh. Lại nói: “đức Pháp-tạng ngài giáo hóa chúng sanh, tu hành sáu độ, rộng hành giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh

phát bồ đề tâm”, đó là “hành” để gây nên chúng bạn bực thánh đây.

Lại Xá Lợi Phất! đối với nước Cực Lạc cả mười phương thế giới, có những chúng sanh được vãng sanh về nước kia, đều là ba hạng A Bộ Bạc Trí, tức là ba bực Bất thối; trong ba bực đó phần nhiều có những vị “Nhứt sanh bồ xứ”, số này nhiều lắm, phi chỗ tính kể mà có thể biết được chỉ có thể dùng những vô lượng vô biên số a tăng kỳ để nói thôi.

Đoạn này, đặc biệt khuyên cầu nhứt sanh bồ xứ để phát nguyện, chính rõ ràng: hễ được vãng sanh là bực bất thối, mà kiêm cả nhiều ngôi cao.

A Bộ Bạc Trí, dịch là Bất thối chuyển, nghĩa là: đối với quả vị Phất, mỗi kiếp tu chỉ tiến dần lên, chứ không hề lui sụt. Có ba thứ bất thối:

1) Vị bất thối: Cứ theo phép phân giáo quả ở cõi đây, thì bên Tạng giáo có Sơ quả, bên Thông giáo có bực Kiến địa, bên biệt giáo có bực Sơ trụ, bên viên giáo có bực Sơ tín, các bực đó, đều mới dứt được kiến hoặc, mới vào dòng Thánh, chẳng đọa xuống bực phàm.

2) Hạnh bất thối: Bồ Tát bên Thông giáo, bực thập hạnh bên Biệt giáo, bực thập tín bên Viên giáo, các bực đây đều dứt được tư hoặc, và phá được trần sa hoặc, hằng tế độ chúng sanh, chẳng đọa xuống bực Nhị thừa.

3) Niệm bất thối: Bực Sơ địa bên Biệt giáo, Sơ trụ bên Viên giáo, hai bực Bồ Tát này đều mới đoạn được vô minh hoặc, đích thấy được Phất tánh, nên tâm niệm thông vào biển tánh Diệu giác.

Và lại, bên nước Cực Lạc thì chẳng thế, nơi cõi Ta bà, dầu người bình sanh gây ngũ nghịch, thập ác, nhưng đến khi gần mạng chung tự phát tâm có niệm Phất được mười niệm, liền có thể đời nghiệp vãng sanh, ở nơi hạ hạ phẩm đó, cũng đắc ba bực bất thối, các cõi Phất ở mười phương chẳng có giai vị đó. Nếu không công chuyên tâm niệm Phất, và cái đại nguyện của đức Di Đà, thì đâu khỏi cái lỗi vượt bực ư!

Nhứt sanh bồ xứ ấy, như với cõi này, đức Thích Ca, cái cơ duyên đã hết, pháp của Ngài phải diệt, thì có đức Di Lạc để bổ lên địa vị của Phất, nước kia, nếu đức Di Đà Ngài bỏ ngôi rồi thì có đức Quan Thế Âm bổ lên ngôi Phất. Do hãy còn một phẩm sanh

tướng vô minh, nên gọi là nhứt sanh, phá đặng “nhứt sanh vô minh” đó liền chứng vô thượng Phật quả. Do vì bên Tịnh độ cái duyên thắng hơn nên phần nhiều “Nhứt sanh Bồ Tát”. Lại nữa, chúng sanh bên Tịnh độ đồng cư, có thể được cùng làm bạn với vô lượng Bồ Tát nhứt sanh bồ xứ, còn các Tịnh độ ở phương khác, đâu đặng có như thế.

Cứ phương này ước theo giáo đạo để luận tam bất thối

1) Vị bất thối – Tạng giáo ngôi Sơ quả, Thông giáo ngôi Kiến địa, Biệt giáo ngôi Sơ trụ, Viên giáo ngôi Sơ tín, những ngôi đó của bốn giáo đây, đều mới phá kiến hoặc, mới vào bực Thánh, rồi mỗi kiếp lên, chứ chẳng đọa xuống hạ phẩm.

2) Hạnh bất thối – Thông giáo ngôi Bồ Tát, Biệt giáo ngôi Thập hạnh, Viên giáo ngôi thập tín, đều đoạn tư hoặc, và phá trần sa hằng độ chúng sanh chẳng đọa xuống bực nhị thừa.

3) Niệm bất thối – Ngôi Sơ địa bên Biệt giáo, ngôi Sơ trụ bên Viên giáo, hai ngôi này đều mới đoạn được cái vô minh hoặc đích thấy đặng Phật tánh, chứng được pháp vô sanh nhẫn, mỗi mỗi tâm niệm đều lưu thông và nơi biển tánh Diệu giác.

Người niệm Phật mà vãng sanh về bực hạ hạ phẩm đó, bèn được bực bất thoái, thì giáo đạo ở phương đây chẳng thể rộng thấu được như thế. Nên pháp môn niệm Phật đặc biệt siêu hơn vô lượng pháp môn khác chính chỗ bảo: pháp rất dễ dàng trong pháp dễ dàng.

Xá Lợi Phật! chúng sanh trong cõi Ta bà đây, nếu được nghe Kinh này cần phải phát nguyện, nguyện sanh về nước kia là vì lẽ gì? Là để được cùng với các Ngài bực thượng thiện đều là “Nhứt sanh bồ xứ” không thể tính số như thế kia, đồng nhau đều hội họp một chỗ.

Đây, khuyên phát nguyện. Thượng thiện: kia thiên đạo dù thiện nhưng chưa ra khỏi sanh tử, nọ nhị thừa dầu thiện, còn đắm cảnh trống vắng, nên đều chẳng được gọi là “thượng”. Chỉ có bên Viên giáo, từ bực Sơ trụ đến bực Đẳng giác, đều đã hiện rõ cái “Chân pháp tánh” nên đều chính là “Thượng thiện”.

Đều hội họp một chỗ: chúng sanh ở nước “Cực Lạc phẩm thánh đồng cư” liền được thấy cả ba cõi (cõi phương tiện hữu dư, cõi thực báo vô chướng, cõi thường tịch quang), thế thì từ bực Đẳng giác nhẫn xuống đến bực hạ phẩm, đều chẳng rời cõi phẩm

Thánh đồng cư, mà đã được trọn chứng kiến luôn cả ba cõi kia nữa. Như vậy đó, thì các giáo môn khác không thể thâm đặng như thế là vì giáo môn niệm Phật này cao xa ngoài các giáo môn tầm thường kia!

Xá Lợi Phất! Không thể lấy chút ít căn lành bằng phước đức hay nhân duyên gì mà đặng sanh về nước ấy được đâu! Xá Lợi phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe ta nói danh của Phật A Di Đà, rồi giữ danh hiệu mà niệm: hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, niệm được “nhứt tâm bất loạn” thì người đó đến khi sanh mạng sắp cuối, đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng (Quán Âm, Thế Chí) đều hiện “Hóa thân” ra trước mặt người, người ấy khi cuối cùng, tâm không điên đảo (chánh niệm phân minh), liền được sanh sang cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Đoạn đây là khuyên trì danh hiệu để lập hành.

Với: tin, và trì danh, mỗi niệm mỗi niệm chăm chú vào tâm, để làm phần chánh đạo Bồ đề, đó tức là cái “nhân chí thân”. Còn tu các pháp “tán thiện” như là: tụng kinh, trì chú, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, và thiền định, đó tức là cái “duyên hộ trợ”. Phần “Chánh đạo” là đa thiện căn, phần trợ duyên là đa phước đức.

Giữa cõi đời đây, bất luận là: nam, nữ, lão, thiếu, sáu thú, bốn sanh, năm nghịch, mùi ác, hễ chỉ nghe được danh Phật, là liền thành căn lành, qua đời vị lai chắc chắn đó mà đắc độ (như lão nhân đắc ngộ).

Với phương pháp “chấp trì danh hiệu” có sự, có lý. Về “sự trì” thì chưa thấu cái lẽ “tức tâm tức Phật”, mà chỉ được quyết chí tin và nguyện, nhớ Phật, niệm Phật, tiếng nào tiếng nào không xen, tâm nào tâm nào chăm chú vào nhau, không giờ nào tạm quên.

Về “lý trì” thì rõ biết cái “lẽ thị tâm thị Phật”, mỗi câu mỗi câu tự nơi tâm lưu lộ ra, mỗi tiếng, mỗi tiếng trở lại vào nơi tự tâm, năng niệm (tâm ta niệm) sở niệm (danh của Phật) lý vẫn trong vắng, lẽ cảm ứng lẫn nhau, hoặc có khi quên lãng nơi tự thân, chỉ còn hiệu Phật rõ rõ mà thôi, thì tự nhiên thành một tâm (tam muội).

Từ một ngày đến bảy ngày, là hoạch định cái kỳ hạn để thủ chúng vào pháp niệm Phật tam muội là nhứt tâm bất loạn. Người

lợi căn niệm Phật, thì hoặc chỉ một ngày, mà tâm liền được bất loạn, người độn căn, niệm đến bảy ngày mới được nhưt tâm bất loạn, người trung căn niệm Phật thì không nhưt định, hoặc: hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, mới được bất loạn.

Lại, bực lợi căn niệm Phật, luôn trong bảy ngày tâm đều bất loạn, bực độn căn niệm Phật thì tâm chỉ được bất loạn chừng trong một ngày thôi, bực trung căn niệm Phật thì không thể nhưt định được, là hoặc tâm bất loạn trong sáu ngày, hoặc được tâm bất loạn chỉ có năm ngày, hoặc được bốn ngày, hoặc được ba ngày, hoặc tâm được bất loạn trong hai ngày thôi, nên nói là không nhưt định.

Nhưt tâm bất loạn, cũng có hai lẽ: Đối với tu niệm Phật bất luận là sự trì hay lý trì, hễ trì niệm đến chừng dẹp hết phiền não, dứt sạch kiến hoặc, tư hoặc, thế là đắc (sự nhưt tâm), bất luận sự trì hay lý trì, hễ trì niệm đến chừng mà tự tâm được khai ngộ, thấy được tự tánh Phật, thế đều là “lý nhưt tâm”. Đắc sự nhưt tâm thì chẳng bị kiến hoặc tư làm tán loạn, đắc lý nhưt tâm, thì chẳng bị hai bên làm tán loạn.

Kiến hoặc, tư hoặc chẳng làm loạn nữa, thì người niệm Phật này khi lâm chung, cảm được đức Hóa thân Phật, và các vị hóa thánh chúng đều đến hiện ra trước mắt, người này tâm chẳng còn dấy cái tướng sanh tử điên đảo của cõi Ta bà nữa, liền sanh nơi hai Tịnh độ là hoặc ở cõi đồng cư, hay cõi phương tiện.

Chẳng bị hai bên làm loạn, hai bên tức là nhị biên kiến: Đoạn kiến, thường kiến, hay hữu kiến, vô kiến. Vì hai bên chẳng loạn, nên khi lâm chung cảm được đức Báo thân Phật và thánh chúng hiện tiền, người này tâm chẳng còn dấy cái tướng thấy có sanh tử, niết bàn làm điên đảo nữa, liền được sanh về hai tịnh độ là hoặc ở cõi thực báo, hoặc ở cõi Tịch quang.

Nay đây chỉ một phương pháp “chấp trì danh hiệu” này, mà phổ biến cả ba căn cơ thấy đều thích hợp, vì là rất đốn gọn rất dễ dàng, nên ngài Vĩnh Minh đại sư đã bảo: Với phương pháp này, vạn người tu thì vạn người đều được vãng sanh cả”. Thực thế.

Song, chỉ “Lục tự hồng danh”, đây, nó gồm hết tám giáo thân cả năm thời, nên kinh này thuộc về phần “Vô vấn tự thuyết” là chỉ có lý do đó.

Đến giờ sanh mạng cuối đó, người ta hiện tiền đây, một niệm đầu là thiện hay ác đều chường ra, nhưng cũng chỉ là thường

vậy thôi, chư chưa chi là mãnh liệt lắm; duy có giờ sắp thờ hơi cuối cùng đó, cái niệm lực nó mạnh lắm, thì những việc thiện ác của một đời này, và hoặc các cảnh thiện ác từ hàng nghìn hàng muôn đời về trước, đồng một thời này nó đều chường bày ra cả, nghĩa là: Hễ những ác cảnh hiện ra, thì bấy giờ người lâm chung tâm rất sợ sệt! Hễ cảnh nó phiền phức quá, thì tâm thần phải tán loạn. Hoặc với cái tâm bị chấp trước sự gì đó khó bỏ ra được, thì tùy nơi tâm chấp thứ nào, cảnh nó hiện ra thứ nấy, rồi tâm tùy theo cái cảnh đó để vào nơi ác đạo (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*).

Nếu người cả đời chuyên niệm Phật đã thuần thực, hoặc đời trước có thiện lực, thì khi lâm chung có thể dấy cái chính niệm, tùy niệm lực thế nào thì được thấy Phật thấy hoa thế nấy liền sanh về tịnh độ.

Nếu người mà khi lâm chung có ác tướng hiện ra, may gặp được thiện tri thức, đề huề cảnh tỉnh cho, gắng lấy niệm Phật, vâng cái sức chính niệm đó, liền thấy được đức Hóa Phật và các đức hóa thánh chúng đến rước, trong một đờn chỉ, liền qua tịnh độ.

Sở dĩ lúc bình thường, cần phải nhớ con vô thường (cái chết) nó chẳng hẹn mà đến, thường phải giữ hiệu Phật mà niệm mãi cho đến thuần thực, thế mới có thể tránh khỏi khi lâm chung bối rối, ân hận đến đời như con Cua, con Còng sa vào chảo nước sôi.

Hỏi: số người nhập thất, kiết kỳ mỗi tuần thất niệm Phật hãy nhiều, mà số đắc “nhứt tâm bất loạn” thì ít, là sao thế?

Đáp: Với bảy ngày thụ trì danh Phật đó, là ắt phải đều dẹp hết muôn việc cho đến thân tâm cũng buông xả nốt, với những khi: đi đứng ngồi nằm, ăn cơm, mặc áo, đi đại, đi tiểu, nhứt cử nhứt tức gì, trong mỗi niệm mỗi niệm luôn luôn chẳng quên hiệu Phật, mãi mãi mỗi câu, mỗi câu không ngắt hờ, chuyền chuyền luôn như mỗi hột chuỗi xâu tiếp mãi không thôi. Cứ như thế, trong bảy ngày chắc được nhứt tâm bất loạn, nên tin biết lời của Phật nói quyết không dối ai (*nhứt cử: một việc làm, nhứt tức: một hơi thở*).

Hỏi: Niệm Phật, lạy Phật, tụng Kinh năng trừ được nghiệp chướng, thế nên thấy các nhà Thiện nam, Tín nữ tu niệm kia, hoặc trở lại gặp lấy tai ương đó là sao?

Đáp: Đây, đều là bởi nghiệp chướng từ nhiều đời, nay đã đến thời trả quả, còn niệm Phật là mới tu nhân đời nay, thì về sau mới được hưởng quả; hoặc giả niệm Phật bằng cách tạp niệm, thì

rốt cũng khó đắc lực! Chi bởi nhân theo quả chuyên, như hình có bóng, rất nhỏ đến một ty hào cũng chẳng mất.

Đức Di Lặc Bồ Tát nói: “Trong chùng một đờn chi, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, mỗi niệm mỗi niệm đều thành hình cả, hễ niệm thiện thì hình thiện, niệm ác thì hình ác, mảy mún chẳng sai”. Nhưng người mà trọn ngày tưởng xằng nghĩ bậy lộn chẳng biết, đợi đến khi muốn vắng lặng, mới biết niệm tưởng ấy rất thô và nhiều, từ kẻ phàm đến bậc thánh, cái niệm nó càng rất tinh và tế, đến thánh như đức Di Lặc xem ra, mới thấy biết một đờn chi nó còn có những cái tướng rất tinh tế bằng con số bảy nhiều thay, phương chi là những cái thô niệm của chúng ta ư.

Song chúng sanh cái tâm niệm sẵn của nó, khắp giáp pháp giới nên chi hễ dấy một niệm thiện, thì công đức đã rộng và lớn mà nếu dấy một niệm ác thì tội cũng khó nghĩ bàn!

Kinh Địa Tạng nói: “Mông lòng động niệm, đâu chẳng phải tội”, phương chi từ có sanh ra đời đến nay, trải qua vô lượng kiếp số như vi trần, với các tội lỗi đã tạo từ xưa đâu có thể nghĩ tính gì được! Nay dù thừa thụ được chút đỉnh căn lành của đời trước, nhớ mà niệm Phật, lay tung nhưng ngắt vì trí lực suy vi, nên thân nghiệp cái niệm chẳng định lại được. Tỷ như ngọn đèn giữa đám sương mù lớn, lại thêm gió nữa, thì không được tỏ, và lại ánh sáng hầu dứt mà chớ!

Với giờ Phật, đâu có đắc lực, nếu sanh một cái lòng mừng chấp trước đến thì e khó khỏi điều tai hại là Ma chướng nó khuấy rối! Sở dĩ với phép tu niệm Phật này, cần thiết như là phải chăm lòng vào một cảnh (một câu niệm Phật), chớ đặng nhiều niệm xen lộn. Ví dầu được thấy Phật quang và các tướng tốt đi nữa, cũng phải rất ly sanh tâm hoan hỷ. Chỉ nên mỗi câu mỗi câu niệm thẳng tới trước, mỗi tâm niệm đều quy về nơi vắng lặng mà thôi thì nghiệp chướng tự nhiên hết. Như đức Sơ Tổ (Huệ Viễn) Lư sơn, đã ba lần được thấy thánh tướng (đức Di Đà hiện thân rờ đầu), nhưng vẫn làm thỉnh chẳng tỏ lộ ra, mãi đến khi lâm chung, thấy Phật lần chót mới nói ra. Người đời nay dụng công niệm Phật, có chút đỉnh tướng hiện gi; đã cho là đắc lực, mừng khoe với chúng thì đâu chẳng tự với lấy Ma

Hỏi: Người tu bên nhà Thiên, cố nhiên có nhiều Ma chướng, mà kẻ tu pháp niệm Phật, tin rằng hẳn không chẳng?

Đáp: Người tu thiền đem cái quán trí cùng ganh ép nhau với vọng tưởng, thì trong tám thức đã chứa sẵn những Ma tà của năm ấm nó phát hiện ra, nên chỉ hể trí lực nếu kém lại sanh lòng mừng chấp, thì tất nhiên phải gặp việc Ma. Người tu niệm Phật, mỗi niệm quy nhứt tâm, thì có hào quang sáng soi chung quanh bốn chục dặm, những tai hại Ma chướng đều lánh xa; nếu thấy tướng tốt của Phật thánh hiện ra trước mặt, chỉ thủ tiêu bằng cách là ta chẳng sanh cái niệm mừng chấp đến mà cũng chẳng khoe nói với ai, chỉ thẳng tiến dụng công chánh niệm mà thôi, thì quyết đặng sanh về tịnh độ.

Hỏi: Nhà thiền giả xa lìa tâm, ý, thức ra để đặng tham cứu, tham cho thấu đến về trước khi mà cha mẹ chưa sanh ra cái thân này, còn các nhà niệm Phật thì hoặc là trì danh, hoặc là quán tưởng, đều chẳng rời nơi tướng phải không?

Đáp: Bên nhà thiền ắt phải chẳng lập một tướng chẳng vướng một trần, nếu có một ty hào niệm nhỏ nào, thì bèn là cái nghiệp nhân sanh tử, người tu niệm Phật: Với trong thì nương vào nhứt tâm của mình, với ngoài thì nương nơi nguyện lực của Di Đà, chỉ rời một điều là chấp trì hiệu Phật không quên dứt, cái tâm niệm định vững như thái sơn, thế là chánh niệm.

Còn như tu phép quán tưởng, thì căn cứ nơi Kinh thập lục quán, chăm tâm vào một cảnh lâu lâu chẳng dời, thế là chánh quán. Với hai phép tu trên đây quyết được chỉ một đời là xong nên.

Hỏi: Khi đương tu niệm Phật, trong lòng bỗng có tư tưởng nổi lên lộn xộn, hoặc hôn mê trầm trệ, trở lại làm bức ngặt mình nhiều quá thì phải làm thế nào?

Đáp: Vọng tưởng là thói quen từ đời vô thủy tận, nay muốn trừ nó thì nó lại càng trầm trọng hơn, chỉ cần niệm Phật bằng cách lớn tiếng khiến cho tiếng niệm mỗi câu nghe lọt vào tai, mỗi tâm chăm chú với nhau, dần dần tự nhiên quy vào nhứt tâm bất loạn.

Hỏi: Với câu niệm Phật, mà cách ra và cách niệm thâm, có khác nhau như thế nào không?

Đáp: với cái công thì chẳng phải hai, nhưng cách đối trị thì chẳng đồng nhau. Vì lúc niệm Phật mà có nhiều bệnh hôn trầm thì phải niệm ra tiếng lớn; còn tán loạn nhiều thì chỉ niệm thầm. Lại niệm ra tiếng, thì vừa trị bệnh hôn trầm, vừa trị bệnh tán loạn, còn niệm thầm thì chỉ riêng trị về bệnh tán loạn.

Hỏi: Kẻ ngu dốt niệm Phật bằng cách để tiền hay vật gì đó làm ghi số, sẽ không quá khinh dễ ư?

Đáp: Kinh nói: “Niệm một câu hiệu Phật, có thể dứt được tội nặng đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp”. Lại, một chữ Phật trọn đủ các công đức, ngặt vì kẻ ngu dốt lòng cố chấp như keo gắn chắc, không tiến hóa, nếu chẳng dùng tiền ghi số lòng cố để khuyến dụ, thì nó tưởng là không có công đức gì. Song, tiền hay vật chi đó, cũng là tùy nơi tâm lượng sở hiện thôi. Tỷ như mặt gương treo trên cao, nếu bên ngoài không hình tượng chi, thì trong lòng gương nó chỉ là bản thể trong sáng rộng khắp mười phương. Còn như ngoài có vật tượng gì, thì hoặc lớn hay nhỏ, cũng đều hiện vào rõ ràng, chẳng ai giấu đặng hình bóng.

Người phát tâm niệm Phật cũng thế, như kẻ trí giả niệm Phật, trở lại quán xét: với trong chẳng có cái tâm năng niệm, với ngoài cũng không có Phật bị niệm, tâm Phật đều không, hai cái không hiệp chung với nhau, mỗi câu tương ứng, mỗi niệm thanh tịnh, cái thể ấy nó khắp giáp pháp giới, thì chính nơi thể đó, cùng rõ lẫn nhau với Vô lượng quang, Vô lượng thọ. Tỷ như trong lòng gương, chỉ có một bản thể thanh tịnh mà thôi.

Với phép tu niệm Phật, kẻ ngu phụ phần nhiều ưa trước tướng, như là niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật thì ghi làm một tiền; hoặc niệm Phật cầu qua đời sau được giàu; hoặc các việc gởi kho minh phủ v.v... đó đều là cái bóng luống dối bởi vọng tâm kế chấp nó hiện ra, tỷ như lòng gương nó tùy nơi vật tượng, hề tượng lớn thì hiện bóng lớn, tượng nhỏ hiện bóng nhỏ, phân minh chẳng sai. Với chơn minh phủ dù có thể dùng đặng vì cũng là cái duy tâm tạo, tưởng chi sẽ có nấy, nhưng mà cái công rất mỏng, song cũng có thể làm cái thẳng nhân để thành Phật trong kiếp lâu xa về sau.

Hỏi: Với việc cầu trường thọ thì niệm Dược sư, siêu độ thì niệm Di Đà có thể được không?

Đáp: Về công đức thì chẳng khá nghĩ bàn, nhưng chưa khỏi tâm niệm bị chia hai. Số là A Di Đà Phật tức là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, với nguyện của Ngài ta không thể xét được! Nếu với một đức Phật mà ta niệm cho được đến nơi đến chốn, thì hiện đời được thêm phúc thọ, về sau được cái quả báo là liên hoa hóa thân, hẳn không nghi ngại. Nếu tâm có chia chẻ, thì có hơi khó đắc lực!

Hỏi: Tu đại thừa Bồ Tát là phải nhiều kiếp dài dằng, để vào cõi trần tế độ chúng sanh; nay đã vãng sanh Cực Lạc, không thể liền trở lại đời ngũ trược cõi này, như vậy đâu chẳng là hạng tiểu thừa ư?

Đáp: Với việc vào cõi trần ở dài kiếp, há là dễ dàng ru! Mà ắt phải là bực đầy đủ trí huệ biện tài, thần thông phương tiện kia thì mới được, trái lại nếu chẳng được như thế thì khác nào như kẻ đã chẳng biết bơi lội gì lại không có xuồng ghe chi cả, mà nhảy ùm xuống sông toan vớt người đắm nước, thì cả đôi bên đều chết chìm luôn! Vậy muốn phát khởi đại tâm, để cứu khổ chúng sanh, thì ắt phần mình trước sanh về tịnh độ đã, để được hoa nở thấy Phật nghe pháp chúng quả rồi, nhiên hậu trở lại vào cõi đời ngũ trược này, thì với cảnh thuận hay nghịch gì cũng đều được tự tại làm lợi ích chúng sanh.

Hỏi: một kiếp của ta bà bằng một ngày đêm của Cực Lạc người được sanh về nước kia, như bực thượng trung phẩm, thì chỉ cách qua một đêm là được hoa nở, sau bảy ngày là đắc đạo quả diệu bồ đề; còn bực hạ phẩm, thì cách qua một ngày một đêm, hoa mới nở, qua sau hai mươi một ngày mới được thấy Phật báo thân v.v... vậy thì cách qua những số: một đêm, bảy ngày; một ngày một đêm, và hai mươi một ngày như thế so với số ngày năm của cõi ta-bà thì thành ra kiếp số nhiều quá, mà trong kiếp đó, ta nếu chẳng độ chúng vì ta ở bên tịnh độ lâu quá e tâm thức chúng không nhứt định, rồi chúng tạo nghiệp bị đọa chịu khổ được cứu chẳng?

Đáp: Mặc dầu ta phát đại tâm, mà phần mình không đủ năng lực, chẳng bằng tự trước cầu độ thoát lấy mình đã, sau khi đắc Phật huệ rồi, trở vào cõi trần độ sanh, bấy giờ tự tha mới thành diệu ích, chỉ nay có cái đại bi rất thiết, thì cái quả sau này ắt mới toại được.

Xá Lợi Phất! Ta thấy lợi ích đó, nên nói lời này: Nếu có chúng sanh nghe lời nói ấy, cần phải phát nguyện, để cầu sanh sang nước kia.

Đây là khâu kết văn trên lập lại lời khuyên để phát nguyện. Vì đức Di Đà đưa tay để tiếp dẫn, mỗi giờ không nghỉ, nên đức Thích Ca động lòng son, mỗi niệm chẳng quên, thành thử mới có lập lời khuyên để cho chúng biết mà phát nguyện đấy.

“Ta thấy” đó, tức là chỗ thấy của Phật nhãn trong năm nhãn, vì Phật nhãn, thì với sự chi, đây chẳng sáng suốt.

“Lợi ích” tức là nước Cực Lạc từ y báo đến chánh báo đều trang nghiêm, đi ngang ra vượt khỏi tam giới, tròn sạch tứ độ, đó là cái công lợi bậc thượng thượng chẳng thể nghĩ bàn.

Và luận: tu các hạnh khác, là chỉ nương lấy tự lực; còn tu niệm Phật thì đã có tự lực lại vãng thêm tha (Phật) lực nữa. Bởi chúng sanh từ vô thủy sanh tử đến nay, bị cái tư tưởng mê vọng, cái gây tạo luống dối, mà chứa chất những hạt giống nghiệp, nên chỉ nay đây mỗi giờ thường phát hiện ra những vọng niệm, vả lại với nhiều điều ngoài hoàn cảnh chi phối làm hay rối nơi tâm.

Lại có những kẻ cuồng huệ, thì chỉ ưa bàn những lý lẽ suông không; còn mấy người tu niệm ngoan cố, thì trước tướng mê tâm, đều bởi gặp thời thế ngũ trược nghiệp chướng thâm trọng vọng hoặc lừng lẫy, dù muốn tu trì, rốt cũng khó đắc lực! Ví dầu chúng được sơ quả (Tu đà hoàn) còn bị mê nơi khi ra khỏi thai mẹ; Bồ Tát còn bị hôn muội nơi thân ngũ ấm nay cách với thân ngũ ấm trước hướng chi chúng sanh vốn đắm nơi trần lao, nếu phi nhờ Phật lực, thì há hay tự cứu được!

Đức Văn Thù, đức Phổ Hiền, Tổ Mã Minh, Tổ Long Thọ v.v.... đều là bậc Pháp tánh Bồ Tát, mà các ngài có nguyện thân cận Phật Di Đà thay.

Cụ Triết Lão, cụ Thanh Công, cụ Ngũ Tổ Giải Diễm v.v.... đều là bậc Đại Sư tượng bên nhà Thiên, nhưng chuyển sanh qua đời sau còn phải đầu thai vào nhà công khanh, bị phú quý quá ưu khổ! (1)

Thế thì chúng ta là hạng bậc gì đây? Mà chỉ cậy lấy tự lực có thể đặng chăng?

Tổ Vĩnh Minh nói: “Chỉ có tu thiên, không tu tịnh độ, thì mười người đi lạc đường đến chín người! Vì thoát vậy theo nó dẫn đi, nếu năm ma ám cảnh hiện ra. Chỉ có tu niệm Phật, chứ không tu tham thiên thì muôn người tu đều vãng sanh được cả muôn người, vì có tự lực và tha lực, lại không ma ám ảnh”. Chính là đây bảo thế.

Thế nên phải tin theo bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều từ bi phổ độ, nếu chúng ta hay nhớ Phật niệm Phật, tất nhiên hiện tiền hay đương lai, nhứt định được thấy Phật, lẽ này đồng như bóng theo hình, không hề sai trái với nhau.

Hỏi: Mười phương chư Phật, Phật nào cũng đều có bi nguyện cả, nào riêng chi đức Di Đà ư?

Đáp: Chư Phật độ sanh chỗ nào có duyên thì Phật ứng đến, kêu là Phật hóa hữu duyên; còn chỗ nào chúng sanh không có duyên với Phật thì Phật chẳng ứng đến. Chớ như đức Di Đà là Ngài có đại nguyện cùng với chúng sanh ở đời ngũ trược này, rất có cái duyên từ đời trước. Chư Phật kia, tuy cũng có đại bi, nhưng cảm hóa những chúng sanh có duyên mà thôi, còn chúng sanh nào vô duyên, thì nó bị cái nghiệp của nó làm chướng ngại, thế đâu có đắc độ ư!

Hỏi: Vậy thì lòng từ tế của Phật, há lại có chỗ chẳng khắp ư?

Đáp: Chẳng phải là Phật chẳng phổ độ, chỉ vì các Phật kia với chúng sanh đây, chưa kết duyên với nhau từ kiếp trước, mà chúng-sinh thì bị các nghiệp: kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc, trần sa hoặc che phủ đã lâu đời, tự nó làm chướng ngại lòng từ của Phật: tỷ như người bị tối mắt, dù ở dưới mặt nhật, mà chẳng thấy đặng ánh sáng! Với chúng sanh đó, đức Như lai lấy làm rất khá xót thương!

Với trên phần chánh tông đã rồi, các nhà chú giải xưa đều cho lục phương Phật tán, thuộc về phần chánh tông, duy Ngài Linh Phong đại sư phán về phần lưu thông, là rất hay, vì hợp ý kinh, vì là đức Thích Tôn dẫn lục phương Phật tán thán, đâu chẳng là để khuyến tín mà thôi, thì khuyến tín tức là nghĩa lưu thông, nên nay phải vâng theo.



PHỤ CHÚ

(I) Cụ Triết Lão Truyện nói: Triết Lão Thiên sư trụ trì nơi chùa lớn tại kinh sư, chuyên tu tham thiền, bốn chục năm không hề nằm ngủ, khi tịch bằng cách toại hóa, sau khi thiêu, từ quần áo giấy dán cửa sổ đều sản xuất ngọc Xá Lợi kiếp sau sanh làm con nhà phú quý suốt đời chịu nhiều danh lợi ưu khổ.

Cụ Thanh Công: Truyện nói: Triều nhà Tống, cụ Thanh Thảo Đường Thiên sư, thường tu phúc huệ, nhân một niệm sai lầm, khi chín chục tuổi tịch, sau làm con nhà họ Tăng, tên là Tăng Lỗ Lượng Công, thiếu niên thi đậu cao khoa, làm chức tể tướng, vì phú quý rồi tạo nghiệp mà đọa!

Cụ Ngũ Tổ Giới Diễn, đồng thời bạn tu với cụ Quang Huệ Thiên sư, vì tâm niệm phạm sắc, bị cụ Quang Huệ phê bình, mắc cỡ, đương ngồi tịch liễn, sanh làm con nhà họ Tô, tên là Thúc, tự là Tử chiêm, hiệu Đông pha sau làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ v.v...

Truyện chép: ông Âu Dương Vĩnh Thúc, đến làm tri huyện tại Dĩnh Châu; có một nàng Quan hỷ, miệng thở hơi và mồ hôi thơm như liên hương; có nhà sư biết túc mạng nói rằng: Kỹ nữ đây đời trước làm Ni cô, tụng lầu kinh Pháp Hoa đã ba chục năm, bởi một niệm sai làm nên nay đọa đến thế! Nhân đưa bộ Kinh Pháp Hoa thí nghiệm, thì nàng đọc như nước rót, còn đưa kinh khác thì không thể đọc được. Chừng đó ông Âu Dương mới tin lời của nhà sư kia. Vậy các vị tu tự lực như trên đó, trong đời cũng ít ai tu bằng, nếu biết tu niệm Phật, chắc được bậc thượng phẩm, cái này bị sa đọa, thực là đáng tức!

Xá Lợi Phất! Như ta (Thích Ca) nay đây, (ở tại nơi Kỳ Viên, nước Ta bà) tán thán Phật A Di Đà (bên nước Cực Lạc) Ngài có lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn. Mà đồng thời bên phương đông kia, cũng có đức A Súc Bệ Phật (Dịch là Bất Động, là nói trí Phật chẳng động, mà có thể động đến cái trí tánh sẵn đủ của chúng sanh) đức Tu Di Tướng Phật (dịch là Diệu Cao, là núi lớn giữa biển, do bốn thứ báu dựng thành, ánh sáng chiếu suốt nên gọi là “diệu”, tốt khỏi các núi, nên nói là “cao”, tướng Phật vi diệu như núi Tu Di), đức Đại Tu Di Phật (trên là nêu cái tướng của Phật, đây là nêu cái đức của Phật. Tu Di làm chúa các núi, để ví đức của Phật là bậc nhất), đức Tu Di Quang Phật (ánh sáng là nêu cái trí của Phật, để rõ Phật trí khắp giáp), đức Diệu Âm Phật (lời lẽ đủ bốn biện tài, tiếng đủ tám giọng), như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng (lại tên là sông kinh-già bề rộng bốn chục dặm, cát nhỏ như bột bún, dụ rất nhiều Phật) các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng: Cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn, là “Bốn kinh nhứt thể chư Phật sở hộ niệm”. Từ đây hẳn sau là phần lưu thông.

Với câu “chẳng thể nghĩ bàn”, trong Di Đà yếu giải, thích có năm nghĩa

1) Ngang ra vượt khỏi ba giới, chẳng đợi tu dứt hết kiến hoặc tư hoặc.

2) Tức nơi Cực Lạc đồng cư độ mà ngang đủ bốn độ, phi do dần dần chứng thấy.

3) Chỉ tu bằng cách trì niệm hiệu Phật, chẳng mượn công tu các pháp như tham thiền, quán tưởng, và bao phương tiện.

4) Chỉ một tuần thất làm kỳ hạn, không trải qua nhiều tháng nhiều năm nhiều đời nhiều kiếp.

5) Từ niệm một danh Phật, tức là được cả chư Phật đều hộ niệm, chẳng khác trì niệm luôn tất cả Phật danh; đấy đều do nơi đại nguyện đại hạnh của đức Đạo Sư (A Di Đà) đã thành tựu, nên nói: “Đức Phật A Di Đà có cái lợi về công đức chẳng khá nghĩ bàn”. Chúng ta nếu phát tâm: tin, nguyện và trì niệm danh của Phật, thì đều khế hợp với đức tin của Phật.

Quán Kinh nói: “pháp giới thân của A Di Đà Phật, vào ngay trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, khi chúng sanh tâm tưởng Phật, thì cái tâm đó tức là ba mươi hai tướng, tám chục món đẹp, thế thì Phật với ta đều chẳng khá nghĩ bàn”.

Với sáu phương, đời Đường dịch làm mười phương, về nghĩa thì sáu phương nó gồm cả mười phương: như phương đông cõi hư không chẳng thể hết, thế giới cũng chẳng khá hết, cả đến nam, tây, bắc phương, bốn góc, thượng phương, hạ, các cõi hư không chẳng khá hết, thế giới cũng chẳng khá hết.

Một Phật độ, đại khái ước bề rộng có ba ngàn, mà thực ra thì lớn hay nhỏ cũng chẳng như định, tột cả mười phương, phương nào cũng có hằng hà sa số thế giới. Một thế giới có một đức Phật, chư Phật số bấy nhiêu đó, Phật nào cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, khắp trùm trong nước mình làm giáo chủ, để khuyên chúng sanh tin niệm Phật, phát nguyện về Cực Lạc.

Nếu ở các phương khác, chúng sanh nào có duyên với Di Đà, cũng lẫn nhau được nghe lời khuyên của chư Phật kia, thế, tịnh độ đã được thập phương chư Phật đồng âm tán thán, thì chúng ta há chẳng tin sao??

Các đức A Súc Bệ Phật v.v... đó, phàm một đức Phật, tùy theo căn cơ cũng có vô lượng danh hiệu. Như kinh Pháp Hoa: “Ta dùng Phật nhãn, xem chúng tin tu, các căn lợi hay độn, tùy theo chỗ được độ thì nên độ, mỗi chỗ ta tự nói danh tự của ta chẳng đồng, đến tuổi tác hoặc lớn hay nhỏ”.

Nên Phật Ngài lập cái danh của Ngài ra là: hoặc dùng nơi nhân để lập danh hiệu, hoặc dùng nơi quả để lập danh hiệu, cho đến hoặc dùng: nơi tánh, nơi tướng, nơi hạnh nơi nguyện v.v... để lập đức hiện

Đã mỗi mỗi danh, đều tròn đủ những đức của các danh, nên chi Tổ Trí Giả Ngài chú thích các Kinh, ít giải nghĩa nơi danh Phật, là vì để cho còn nguyên tròn đủ đức hiệu.

Nay giải nghĩa ra đó, là y nơi chữ, lược giải thích ra, để cho người học trọn nhớ các đức, tỷ như biển cả kia, mức lên một giọt mà vị nó đủ cả tánh chất đại hải.

“Lời thành thật” đó, kinh Kim Cang nói: “Lời nói của Như Lai là lời thực, lời chắc, lời như, lời chẳng lừa, lời chẳng lạ”, thực thế. Chúng ta mà nếu ba đời chẳng nói dối, thì cuống lưỡi có thể dài đến chót mũi.

Bên Tạng giáo ghi: Phật đã ba kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng hề nói vọng, nên có cái tướng lưỡi tốt là mỏng, rộng, dài, có thể phủ cả mặt và đến mí tóc lặn.

Nay so theo Viên Giáo thì, tướng lưỡi của Phật là tùy nơi tánh mà tùy theo đại cơ, tiểu cơ cảm đến, nên hiện ra hoặc lớn hay nhỏ.

Tiêu biểu về lý, thì pháp âm viên mãn, là vi tánh không hư vọng. “Tất cả chư Phật sở hộ niệm Kinh” đó, tức là đề mục Kinh Tiểu bản (Phật thuyết A Di Đà Kinh) này đây.

Xá Lợi Phất! Thế giới phương nam có: Đức Nhật Nguyệt Đấng Phật (Nhứt thể trí làm mặt nguyệt, đạo chủng trí làm mặt nhật, nhứt thể chủng trí làm đấng quang), ***đức Danh Văn Quang Phật*** (vói danh xưng, khắp đồn nghe cả pháp giới), ***đức Đại Diệm Kiên Phật*** (Diệm là nêu cái huệ lớn, Kiên là hạ đảm chúng sanh), ***đức Tu Di Đấng Phật*** (ánh sáng nơi thân không lượng như núi Tu Di), ***đức Vô Lượng Tinh Tấn Phật*** (Tinh là công phu chẳng phức tạp, Tấn là không hề thối lui; vì hành đạo từ vô lượng kiếp, được thành Phật, giáo hóa vô lượng chúng sanh mà chẳng nghỉ). ***Như thế cả các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng, các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng hề nghĩ bàn là “Bổn kinh nhứt thể chư Phật sở hộ niệm”.***

Xá Lợi Phất! Thế giới phương tây có: Đức Vô Lượng Thọ Phật (danh đồng với A Di Đà, kê ra thì hiệu Phật đồng nhau lắm), **đức Vô Lượng Tướng Phật** (Phật có tám vạn bốn ngàn vi trần tướng tốt, nhưng chúng sanh tùy cơ thể nào thì được thấy thế nấy), **đức Vô Lượng Tràng Phật** (Tràng: phan; phướng, nghĩa là cao sáng, và nghĩa là tòi tà phụ chánh, lại, trong không ngoài tròn (Bửu cái: đầu tràng phan) tiêu biểu Phật tánh trong không mà sáng tròn đầy), **đức Đại Quang Phật, đức Đại Minh Phật** (quang là thể, minh là dụng, có quang thì minh chiếu mười phương, vì hai Phật đây đồng bậc trí huệ cao lớn cả), **đức Bửu Tướng Phật**, (món báu bằng trí công đức tướng nó sáng tròn đầy), **đức Tịnh Quang Phật** (trong sạch sáng rõ, khắp soi chúng sanh). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: Người cả chúng sanh, nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn “ Bốn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

Xá Lợi Phất! thế giới phương bắc có: đức Diệm Kiên Phật (nghĩa đồng như Phật trên), **đức Tối Thắng Âm Phật** (4 biện tài, 8 âm giọng, khó nghĩ được) **đức Nan Trở Phật** (Trở: bại hoại, với công đức của Phật, chẳng thể phá hoại), **đức Nhật Sanh Phật** (mặt nhật là tinh hoa của các khí dương, sanh trưởng vạn vật, Phật là thầy của chúng sanh khiến chúng phát sanh trí huệ), **đức Vông Minh Phật** (cái võng bằng châu báu, ánh sáng của mỗi hạt châu nó chói dọi lẫn nhau, là để tiêu biểu hào quang nơi thân Phật sáng suốt vô lượng). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng: người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “ Bốn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới, có: đức Sư Tử Phật (sư tử rống gầm, trăm thú bạt tằm – núp trốn – đức Phật thuyết Phật, thiên ma ngoại đạo đều kính nép), **đức Danh Văn Phật, đức Danh Quang Phật, đức Đạt Ma Phật** (Đạt Ma dịch là pháp, Phật thuyết vô cùng). **Đức Pháp Tràng Phật** (dựng cây pháp tràng của Phật lên, là để phá trừ nghiệp hắc ám của chúng sanh, khiến đem lại cái bản thể thanh tịnh), **đức Trì Pháp Phật** (duy trì chánh pháp

đề tế độ chúng sanh). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: Ngươi cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “Bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

Phương dưới ấy: Dưới đáy cõi ta-bà thế giới đây, có lớp kim luân, lớp phong luân cùng nhau đề duy trì thế giới này. Dưới lớp phong luân có lớp không luân. Dưới lớp không luân lại có hạ phương thế giới; dưới hạ phương cũng có thế giới nữa, cứ mãi như thế trùng trùng vô tận.

PHỤ CHÚ

Luận Câu Xá cuốn mười chếp: Rốt dưới đáy thế giới là lớp phong luân, lớp phong luân này nó nương ở nơi lớp hư không (tức là không luân), bề dày của phong luân mười sáu ức do tuần (dặm) nó kiên cố như chất kim cương.

Trên phong luân có thủy luân, bề sâu có tám ức do tuần, trên thủy luân có kim luân, bề dày ba ức hai vạn do tuần, bề trục kính có mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm chục do tuần, bởi hình nó tròn, dựng thành chất kim cương nên gọi là kim luân. Trên lớp kim luân đây, có chín núi tám biển, thế là lớp địa luân.

Từ mặt nước lên đến kim luân bề sâu tám vạn do tuần thế khá biết bề sâu của địa luân.



Xá Lợi Phật! Thế giới phương trên có: Đức Phạm Âm Phật (Phạm: thanh tịnh, là tiếng hay thanh tịnh, khắp dạy chúng sanh), đức Tú Vương Phật (mặt nguyệt là vua giữa các ngôi sao, Phật là chúa giữa pháp giới), đức Hương Thượng Phật (Hương giới trong sạch, đặng lẽ màu vô thượng) đức Hương Quang Phật (giữ giới thanh tịnh, kết tinh giới hương, liền phát sanh ánh sáng trí tuệ), đức Đại Diệm Kiên Phật, đức Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật (Thân tướng trang nghiêm, như ánh màu báu), đức Ta La Thọ Vương Phật (Ta La dịch là kiên cố, Vương: Tự tại) đức Bảo Hoa Đức Phật (Bửu hoa: Thanh tịnh mà sáng, là nêu công đức tròn sạch của Phật), đức Kiến Nhất Thế Nghĩa Phật (năm nhãn trọn thấy pháp nghĩa không cùng) đức Như Tu Di Sơn Phật (Núi rất cao lớn, Phật rất khắp giáp) như thế cả các đức Phật

như nhiều như số cát sông Hằng các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cả địa thiên thế giới nói lời chắc thật rằng người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “Bổn kinh như thế chư Phật sở hộ niệm”.

Phương trên là: Trên cõi trời “phi phi tướng” của thế giới ta bà đây có lớp không luân, trên không luân có lớp phong luân, trên phong luân có lớp thủy luân, trên thủy luân, có lớp kim luân, trên kim luân có lớp đại địa, có sáu Dục thiên, có bốn thiên thiên, có bốn không thiên, cũng gọi là ba giới (cũng dục giới, có sáu trời, sắc giới có bốn thiên thiên, vô sắc giới có bốn không thiên), đây tức là thế giới phương trên. Lại lên trên nữa, lại cũng có lớp không luân v.v... cả ba giới v.v... cứ mãi như thế, trùng trùng ba giới, thì có hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có một đức Phật: hoặc đương trụ thế, hoặc sắp nhập Niết bàn, hoặc đương thuyết pháp, nên nói: Hằng hà sa số chư Phật.

Xá Lợi Phất! Trong tâm ý ông có thấy biết kinh này có sao tên là “Nhất thế chư Phật sở hộ niệm”? Xá Lợi Phất! hoặc có Thiện nam tử, thiện nữ nơn là người được nghe kinh đây rồi thụ trì, và được nghe danh hiệu của chư Phật, thì các thiện nam thiện nữ ấy đều được chư Phật hộ niệm cho, đối với quả vị “Vô thượng chánh đẳng chánh giác” các nam nữ ấy đều được chẳng lui sụt. Thế nên Xá Lợi Phất! Các ông đều nên tin chịu lời của ta đây, và sở thuyết của chư Phật ở sáu phương kia.

Đoạn đây gạn giải danh đề của bổn kinh này.

Đức A Di Đà đem đại nguyện để khắp thân chúng sanh, thì là cái chỗ được chư Phật nơi mười phương hộ niệm. Với bổn kinh của đức Thích Ca sở thuyết, cũng được thập phương chư Phật lẫn nhiều hộ niệm. Mà chúng sanh niệm danh của Phật A Di Đà đây, cũng được thập phương chư Phật hộ niệm cho, cũng là lẽ tất nhiên.

Hỏi: Người mà loạn tâm niệm Phật, có được chư Phật hộ niệm không?

Đáp: có lẽ “Lục Túc” sai khác: 1/ Hoặc chúng sanh chưa nghe đến danh Phật, chỉ là cái lý đủ tánh bình đẳng giữa Phật với chúng sanh, đó chỉ gọi là “lý tức” chẳng được hộ niệm. 2/ Hoặc được nghe hiểu Phật danh, hoặc nghe mà chẳng hiểu, hoặc niệm mà chẳng nhất tâm, chỉ nạp thụ giống lạnh, cũng làm cái nhân qua đời sau được giải thoát, đều là “danh tự” hộ niệm 3/ Hoặc nghe mà

hiều, hiểu rồi chấp trì danh hiệu niệm mãi, là “quán hạnh tức” hộ niệm 4/ Hoặc niệm Phật mà được “nhứt tâm bất loạn”, kiến hoặc tư hoặc mới tiêu rụng, phảng phất thấy lý, là “tương tự tức” hộ niệm. 5/ Nếu niệm Phật mà đắc “lý nhất tâm bất loạn” phân phá được vô minh nhứt phẩm, phân đắc chân như pháp tánh, là “phân chứng tức” hộ niệm. 6/ Hoặc niệm đến bực bốn mươi hai phẩm vô minh phá hết, toàn thể thanh tịnh pháp tánh, gọi là “Cứu cánh tức” hộ niệm. Số là hộ niệm ắt nhận lòng chí thành, niệm Phật mà lòng thành thì có tiến, mà tiến tức là ba bực bất thối nơi vô thượng bồ đề.

A Nậu đa la, dịch là vô thượng. Tam miệu tam bồ đề, dịch chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là quả Phật thanh tịnh.

Ngôi “phân chứng” là quả Phật phân chứng; ngôi “cứu cánh” tức là quả Phật mãn chứng. Bất luận tin cùng chẳng tin, hễ thấy nghe được Phật danh, hoặc niệm được một tiếng là nạp được hột giống lành bồ đề để sâu vào ruộng lòng, rốt rồi cũng được chẳng thối lui nơi quả Vô thượng bồ đề.

Xá Lợi Phất! Hoặc đã phát nguyện (quá khứ) nay phát nguyện (hiện tại), sẽ phát nguyện (vị lai), muốn sanh về nước của Phật A Di Đà, thì các người ấy, đều đừng chững lui sụt nơi quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác hoặc đã sanh, hoặc nay sanh hoặc sẽ sanh thế nên Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có tin đó, cần phải phát nguyện cầu sanh về nước của Phật kia.

Đây là ba đời cầu sanh để phát nguyện: đã phát nguyện thì đã được vãng sanh; nay phát nguyện, thì nay được vãng sanh; sẽ phát nguyện, thì sẽ được vãng sanh. Nên chẳng nguyện thì thôi, mà hễ có nguyện thì đều được chẳng thối chuyển nơi vô thượng bồ đề.

Trong bộ Di Đà yếu giải, có lời hỏi: nay phát nguyện, thì chỉ có nói là lẽ sanh, chớ sao gọi là nay sanh?

Đáp: đây có hai nghĩa: 1/ ước trong một thời kỳ gọi là nay, như hiện nay phát nguyện trì niệm danh Phật, khi lâm chung như định được sanh về tịnh độ 2/ ước về trong một sát na, gọi là nay, như một niệm tương ưng thì một niệm vãng sanh; mỗi niệm mỗi tương ưng thì mỗi niệm được vãng sanh. Thế là diệu nhân diệu quả, không rời nhứt tâm, nó đồng như hai đầu đòn cân khi cao thấp, nào phải đợi bên cỏi ta-bà này đến khi cái báo thân hết sống

rồi, mới được sanh về ao sen báu bên tịnh độ kia ư. Chỉ nay thâm tín, phát nguyện, trì niệm danh Phật, thì được hoa sen sáng muốt xinh tươi, đài vàng bóng hiển hiện bèn là phi người trong thế giới ta-bà rồi. Đó là cái lẽ rất viên rất đôn, khó nghĩ khó bàn, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin thấu đặng!

Xá Lợi Phật! Như ta nay đây (ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước ta-bà đây) ***khen ngợi các đức Phật*** (ở trong sáu phương kia) ***có công đức chẳng khá nghĩ bàn. Mà chư Phật bên*** (sáu phương kia) ***cũng xưng ta*** (Thích Ca) ***có công đức chẳng khá nghĩ bàn mà*** (Chư Phật kia) ***thốt ra lời này: Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm được việc rất khó ít có, hay ở nơi cõi nước ta-bà, đời ác năm trước: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước,*** (Ngài thị hiện sanh trong cung vua, lúc 19 tuổi đi xuất gia, 6 năm tu khổ hạnh, lúc 30 tuổi ngồi bên gốc cây bồ đề, nửa đêm thấy sao, thoát nhiên) ***chúng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác*** (Ngài đã thành Phật bồ đề rồi, đến hội phương đặng, mới) ***vì các chúng sanh nói ra*** (một phép tu trì danh niệm Phật của môn tịnh độ đây là) ***pháp tất cả người đời khó tin. Nên được chư Phật xưng tán.***

Đây là tỏ ra khen lẫn với nhau về việc khó để khuyên hành.

Đức Thích Tôn đã tán thán chư Phật năng nói pháp tịnh độ không thể nghĩ bàn công đức; mà chư Phật cũng tán thán lại đức Thích Ca năng làm việc khó, đây chính rõ ra rằng Phật nào cũng hành cái lòng từ bình đẳng, để cho chúng sanh sanh cái tâm tin chắc.

Giữa thập phương thế giới, số tịnh độ đã vô lượng thì uest độ cũng vô lượng, nên đức Phật với việc thuyết pháp, rất có chỗ khó nói và dễ nói. Bộ yếu giải nói: “công đức trí huệ của chư Phật mặc dầu đều bình đẳng cả, mà về mặt thi thiết giáo hóa thì có khó và dễ: ở tịnh độ tu thành đạo quả bồ đề thì dễ, ở cõi trước thế tu thành đạo quả bồ đề thì khó; vì chúng sanh ở tịnh độ mà thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh ở cõi trước thế mà thuyết pháp thì khó: vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp tiệm còn dễ, vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp đốn thì khó; vì chúng sanh ở trước thế, mà nói các pháp đốn còn dễ, mà nói pháp tịnh độ ngang vượt pháp đốn thì khó; vì chúng-sinh ở trước thế, nói pháp tịnh độ ngang vượt ra ngoài tam giới đốn tu đốn chứng lẽ diệu quán, đã là vẫn chẳng dễ, mà nói đến pháp “chỉ trì danh hiệu” đây, không mượn

công lao tu chứng, mà chóng lên bực bất thoái, là phương pháp lạ, riêng, mâu hơn, hơn hết phương tiện bực nhưt, vượt khỏi nghĩ bàn, lại là điều khó trong khó, nên chi thập phương chư Phật đâu chẳng suy nhường đức Thích Ca riêng được đồng mãnh nhất”.

Năm trước, tỳ như chỗ thanh thủy, vẫn sẵn trong sạch, thoát có người đòi, lấy đất bụi kia, liệng vào thanh thủy, đất liền rã tan, nước mát trong sạch, hình dáng lộn ngàu, nên gọi trước thanh thủy dụ chân tánh; đất bụi tỳ phiền não. Trong đời có người đương không có chi mà bỗng nhiên mê lũng.

Song tự tánh của chúng ta, vốn không có cỗi đời và chúng sanh, bởi một niệm vọng động lên, mà có sanh tử phiền não. Nếu muốn quay lại chân tánh sẵn xưa thì, như lóng nước đục, chứa vào đồ sạch. Yên lặng chẳng động, đất cát tự chìm, nước trong hiện tiền, gọi là bắt đầu dẹp được “khách trần phiền não” gạn bỏ chất sinh đục, còn toàn là nước trong thì gọi là dứt hẳn rồi “căn bản vô minh”, thì là minh tướng tính thuần, thanh tịnh diệu đức.

Khách trần phiền não, tức là kiến hoặc tư hoặc; căn bản phiền não tức là vô minh hoặc. Dứt rồi cái kiến hoặc, thì chúng được bực Sơ tín bên viên giáo, bực Sơ trụ bên Biệt giáo. Dứt hẳn rồi cái căn bản vô minh thì chúng đặng quả cứu cánh Diệu giác Phật, rốt ráo cái minh tướng tính thuần, đem lại bản thể thanh tịnh diệu đức xưa.

Song, cái chân tánh nó nguyên không có sự biến đổi chân hay vọng gì, thí tỳ như nước, dù có thanh hay đục, chớ tánh ướt nó không đổi dời. Nay tu lấy pháp môn tịnh độ đây, tỳ như đem viên ngọc thanh châu để xuống chỗ trước thủy thì trước thủy chẳng đặng chẳng trong, hiệu Phật đặt vào loạn tâm thì loạn tâm không đặng không Phật. Như thế lóng đục thẳng tắt rất chóng, các pháp môn khác, đâu được dễ vậy ra!? Nên đức Thích Ca với chư Phật khen lẫn nhau, là đều chỉ có lẽ.

Chư chúng sanh, là chỉ riêng những người ở trong thời năm ác trước; nhưt thể gian là chỉ chung về chúng hữu tình ở trong chín giới bốn cõi.

Chi mạt	}	Kiến hoặ	— Tam giới	— Kiến nhứt xứ trụ địa	
		}	tư hoặ	Dục giới	— Dục ái trụ địa
			Sắc giới	— Sắc ái trụ địa	
			Vô sắc-giới	— Hữu ái trụ địa	
Cán bản	—————		Tam giới	— Vô minh trụ địa	

Chuyên 5, trước thành 5 điều	}	1 kiếp trước	— Các hạnh nhóm hợp, giờ dòi thể nhớ - nếu phi cái hạnh đỏi nghiệp hoành siêu, thì ắt không thể độ được.
		2 kiến trước	— Các cái chấp tà kiến, tâm dấy điên đảo, nếu phi cái hạnh tối thắng phương tiện thì ắt không thể độ được.
		3 phiền não trước	— Tham, sân, si, v.v... phiền não càng thanh, nếu phi cái hạnh tức tâm thị Phật, thì ắt không thể độ được.
		4 chúng sanh trước	— Thân tâm hòa hợp, sanh diệt không dừng, nếu phi cái hạnh hân bỉ im thử, thì ắt không thể độ được.
		5 mạng trước	— Mạng sống van vỏi, chóng gấp vô thường nếu phi cái hạnh chẳng phí thời kiếp, chẳng nhọc cần khổ, ắt chẳng thể độ được.

Tin nguyện niệm Phật	}	— chuyên	— Kiếp trước làm thành thanh-tịnh hải hội.
			— Kiến trước làm thành Vô - Lượng - Quang
			— Phiền não trước làm thành thường tịch Quang
			— Chúng sanh trước làm thành hoa hóa sanh
			— Mạng trước làm thành Vô-Lượng-Thọ

Xá Lợi Phát! Phải biết ta ở nơi đời 5 trước ác làm việc khó ấy, đắc quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, rồi vì tất cả thế gian mà nói ra pháp khó tin đây, thực là rất khó!

Căn cơ (trình độ) của chúng sanh không cảm đến Phật, thì Phật không ra đời; Phật đã ra đời, mà đời nhiều cảnh ác, thì thực không dễ gì đắc quả vô thượng bồ đề; mà đã đắc bồ đề, duyên không khéo gặp, thì cũng khó thuyết pháp được, vả lại nói về pháp tối diệu tối viên thì rất là đã khó lại càng khó nữa! Nên cái đại nguyện của Thích Ca được cùng đi đôi với đức Di Đà đều chuyên lấy điều tốt cả.

Lại, với chúng sanh trong thời ngũ trước ác thế khó điều phục, vì chúng cương cứng, mà đức Thích Ca Ngài năng điều phục được lại là rất khó nữa.

Tất cả thế gian khó tin ấy, là đối với pháp niệm Phật vắng sanh tịnh độ, rất đối các vị quyền thừa Bồ Tát còn có nghi mà không tin thay, phương chi các loại phàm trong sáu ngã u.

Đối với pháp khó tin của Như Lai đã nói, chàng ta phải tin, rất không nên cam chịu đọa nơi nhà lửa! Phải biết rằng cơn vô thường chẳng hẹn mà đến, cần gấp tu pháp niệm Phật, như chữa lửa cháy trên đầu! Nên quày đầu óc, mau mau đem Phật hiệu để kêu tỉnh tự tâm, ngõ chẳng phụ lời đức Thích Ca đình ninh, cũng chẳng phụ đức Di Đà đưa tay đón tiếp. Vậy rất cảm kích rất cần cầu, nguyện người liền nghĩ lấy.

Phật nói kinh này rồi, ông xá Lợi Phát, và các Tỳ kheo, tất cả thế gian (nơi chín pháp giới): Trời, người, thần A Tu La v.v... nghe chỗ Phật nói, hoan hỷ tin chịu, làm lễ rồi lui.

Đoạn này: Pháp chúng nghe rồi, hoan hỷ, làm lễ lui ra

Đây là nói rõ: Đại chúng được ích, để xâu kết làm tin cho đời sau.

Phật đợi có cơ cảm thì nói pháp, nay đã khen và nói tịnh độ cả y báo, chánh báo đều trang nghiêm, chín cõi chúng sanh đều nhờ sự hữu ích của “Tứ tất đàn” tất đàn, dịch là khắp thí:

1/ Nếu người nghe nói thế giới Cực Lạc rất trang nghiêm, mà sanh tâm hoan hỷ, thế là đắc sự ích về “Thế giới tất đàn”.

2/ Người nghe nói bên tịnh độ y chánh đều trang nghiêm mà dấy lòng tín và nguyện, thế là đắc sự ích về “Vị nhân tất đàn”.

3/ Nghe rồi liền chấp trì danh hiệu mà niệm, mỗi câu lưu vào nơi lòng dạ, mỗi niệm trái nghịch đường sanh tử, thế là đắc ích về sự “Đôi trị tất đàn”.

4/ Nghe rồi liền tỏ lẽ tâm Phật đều không, đều khắp pháp giới, thế là đắc sự ích về “Đệ nhất nghĩa tất đàn”

Đây, chẳng những đương thời Phật thuyết pháp, chúng tại hội nghe rồi đắc sự ích về tứ tất đàn mà hoan hỷ, mà vả nữa, qua mãi đời sau, hễ người nghe, thấy đến Kinh đây cũng thành được bốn sự hữu ích đó, là 1. Hoặc người được thấy, nghe đến kinh đây mà sanh tâm ngưỡng mộ, là ích về thế giới tất đàn; 2. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà nảy lòng tín nguyện là ích về vị nhân tất đàn. 3. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà sanh lòng chán khổ ta-bà, ham vui Cực Lạc, giữ niệm danh Phật, là ích về đôi trị tất đàn; 4. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà tỏ ngộ được lẽ năng niệm sở niệm đều trống vắng, là ích về đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lại nữa, nghĩ cho chính ra thì tứ tất đàn nghĩa nó rộng đến vô cùng. Thấy đều tùy theo căn cơ mà nói, mà với pháp đã nói ra, mỗi mỗi đều là tứ tất đàn, lẫn khắp giáp giới.

Các hành nhân (tu sĩ) phải biết: đây tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, chứng tâm pháp giới, như thế niệm Phật thì pháp nào lại chẳng phải tâm, tâm nào lại chẳng phải Phật, song, cũng Phật nào mà phi tâm ru?

Không ai hỏi mà Phật tự nói, thì giới pháp ấy khó nghĩ đặng! Biết căn cơ hợp thời tiết, thì với lợi ấy chẳng lường được! Nhấn đến hàng nghìn hàng vạn năm về sau mà còn được lợi ích đó, cũng chỉ có vì hai điều lợi và pháp như đã nói trên đó mà thôi. Chính là đức Như Lai có trí sáng suốt, soi xét không bỏ sót hóa độ nên mới được như thế.

Vả lại, chúng ta đã gặp Kinh đây, là được may rất lắm! Lại nếu chẳng sanh lòng cảm kích khi thấy nghe kinh này, thì sau khi chuyển đời cái thân này (kiếp sau) chưa biết có được gặp kinh này nữa không?

Bởi vì cõi đời ngũ trược, đường sanh tử hiểm nguy, nhiều điều độc ác, một khi mất nhân thân này rồi, e về sau cả muôn kiếp cũng khó gặp lại đặng! Chi bằng, hiện nay sấn sức trong một đời này, phát cái đại chí đồng mãnh, kíp ra khỏi ba giới, thân cần đức Di Đà rất là chí yếu! Nếu người mà trái lời trên đây, chẳng thể chỉ trong nhứt sanh xong nên! Còn người mà khứng chuyên tâm giữ

niệm danh Phật, thì quyết định vãng sanh, dầu muôn con trâu cũng chẳng trì lại nổi, vì sự vãng sanh quá mạnh!

Song trải qua nhiều đời, các tổ mở bày pháp tịnh độ ra đông lắm, mà các vị được thoát cũng rất nhiều. Trong Tịnh độ tông có cả ba bộ Kinh, mà được thụ trì rất thanh hơn hết thì không ngoài bốn Kinh đây.

Nay nhân vì bực sơ cơ khó tự mở rở, nên chẳng nệ phiền, thuật lời trên đây, để giúp chút đỉnh.

Phổ nguyện: kẻ thấy người nghe, đều thành giống Phật, mau đắc bồ đề. Dầu người có chê bai, cũng nhân tiếng Phật lọt vào tai mà có hột giống, đến lúc đã hết ác báo, cũng nương giống đó mà đặng nhờ độ thoát. Sỡ dĩ lòng lành của Phật bình đẳng, không phân biệt kẻ oan người thân, hễ là có thấy hoặc nghe, đâu chẳng được nhờ giải thoát, như vậy mới xứng với câu “Bất khả tư nghị công đức”.

Hết Kinh Di Đà sau đây tiếp đến Sám Hối Hồng Danh.

Ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật, diệt được vọng niệm chết, cho Pháp thân người sống

-
- [1] Điều nghe thấy đã kết quả thành phần
 - [2] Phương pháp ấy đã kết quả thành phần
 - [3] Thời gian làm việc đã kết quả thành phần
 - [4] Chủ tọa giảng giáo đã hoàn thành
 - [5] Chỗ thuyết pháp đã thành tích thật sự; dưới kia đại chúng đồng nghe là: pháp chúng thành tựu, chung gọi là sáu điều thành tựu, nghĩa là thành phần sáu sự đây, để làm chứng tin là Kinh đây đích là Phật nói.
 - [6] Dịch: thân tử, trí huệ, đệ nhưt;
 - [7] Dịch: đại thái học, thị thần thông đệ nhưt
 - [9] các Kinh đều có lời biệt tự, để tựa bày cái lý do về sự phá khi của bộ kinh; ở đây môn tịnh độ là một thắng pháp, không ai có thể biết để hỏi, Phật ngài nhơn nơi cơ duyên đã đến, chẳng đợi ai cầu thỉnh, ngài tự nói ra, nên chẳng có đoạn văn do khi, vậy tạm lấy đoạn này làm lời biệt tự.

--- oOo ---